

Luận Đại Trí Độ

Tập III

Cuốn 46 - 50

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cưư Ma La Thập
Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Luận Đại Trí Độ

Tập III

Cuốn 46 - 50

(Mahàprajñàparamitàsatra)

Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)

Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập

Việt Dịch HT.Thiện Siêu

Cuốn 46	3
GIẢI THÍCH: PHẨM THỪA THỪA THỨ 16.....	3
GIẢI THÍCH: PHẨM TRANG NGHIÊM THỨ 17	6
GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI THỪA THỨ 18.....	16
Cuốn 47	28
Cuốn 48	52
GIẢI THÍCH: PHẨM BỒN NIỆM XỨ THỨ 19.....	52
Cuốn 49	73
GIẢI THÍCH: PHẨM PHÁT THÚ THỨ 20.....	73
Cuốn 50	94
GIẢI THÍCH: PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ 21	107

Cuốn 46

GIẢI THÍCH: PHẨM THỪA THỪA THỨ 16

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, phẩm Thừa Đại thừa thứ 14)

Kinh: Bảy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát hỏi Phú lâu na: Sao gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi xe lớn (Đại thừa)?

Phú lâu na đáp Xá lợi phát rằng: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật cưỡi Thí ba la mật, cũng chẳng có được Thí ba la mật, cũng chẳng có được Bồ tát, cũng chẳng có được người thọ nhận vì dùng vô sở đắc (*làm phương tiện – ND*); ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi Thí ba la mật. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật cưỡi Giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, cưỡi Bát nhã ba la mật, cũng chẳng có được Bát nhã ba la mật, cũng chẳng có được Bồ tát, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát cưỡi xe lớn là nhất tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu bốn niệm xứ, vì pháp hoại (*pháp bất khả đắc – ND*), cho đến nhất tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu mười tám pháp không chung, vì pháp hoại ấy cũng không thể có được. Như vậy, Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: Bồ tát chỉ có danh tự, vì chúng sinh không thể có được, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: sắc chỉ có danh tự, vì sắc không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh tự, vì thức không thể có được. Mắt chỉ có danh tự, vì mắt không thể có được; cho đến ý cũng như vậy. Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, vì bốn niệm xứ không thể có được; cho đến tám Thánh đạo phần chỉ có danh tự, vì tám Thánh đạo phần không thể có được. Nội không chỉ có danh tự, vì nội không không thể có được; cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự, vì vô pháp hữu pháp không không thể có được; cho đến mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, vì mười tám pháp không chung không thể có được. Các pháp như như chỉ có danh tự, vì như như không thể có được. Pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chỉ có danh tự, vì thật tế không thể có

được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật chỉ có danh tự, vì Phật không thể có được.

Xá lợi phất! Như vậy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn.

Lại nữa, Xá lợi phất! Nếu Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm đến nay đầy đủ Bồ tát thần thông, thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán các đức Phật, theo các đức Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp, gọi là Bồ tát cưới xe lớn. Bồ tát cưới xe lớn, từ một nước Phật đến một nước Phật thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, ban đầu không có tướng Phật độ, cũng không có tướng chúng sinh, người này trụ trong pháp bất nhị, vì chúng sinh thọ thân, tùy chỗ ứng hợp của chúng sinh mà tự biến hiện thân để giáo hóa họ; cho đến khi được Trí nhất thiết, không bao giờ lìa xe Bồ tát (Bồ tát thừa). Bồ tát ấy được Trí nhất thiết chủng rồi, chuyển pháp luân mà hàng Thanh văn, Bích chi Phật, trời, rồng, quỷ, thần, A tu la, nhân dân thế gian không thể chuyển được. Bấy giờ, chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương đều hoan hỷ xưng danh tán thán rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ tát ma ha tát ấy cưới xe lớn, được Trí nhất thiết chủng, Chuyển Pháp luân.

Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn.

Luận. Phú lâu na lấy ba việc thuyết minh nghĩa Ma ha tát: Trên kia đã nói hai việc, nay hỏi việc thứ ba là việc cưới xe lớn (thừa đại thừa).

Phú lâu na đáp: Có người nói, Bồ tát chỉ bố thí tài vật trong ngoài, mà không phá được tướng ta, tôi; ấy gọi là đại trang nghiêm. Nếu phá được tướng ta, tôi, nhập vào chúng sinh không, chưa nhập vào pháp không, ấy gọi là đại trang nghiêm. Nhân chúng sinh không mà vào pháp không, tu hành Thí ba la mật, không thấy ba việc là người cho, người nhận, và tài vật, được như vậy gọi là cưới xe lớn; các Ba la mật khác cũng như vậy. Bồ tát ấy dùng tâm không tạp loạn, lìa các phiền não và tâm nhị thừa, vì Trí nhất thiết chủng mà tu bốn niệm xứ, tu cũng không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh; ấy gọi là cưới xe lớn; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Lại nữa, nếu Bồ tát biết hết thấy pháp chỉ là giả danh tự, hết thấy thế gian hoặc xuất thế gian đều là giả danh, ấy gọi là cưới xe lớn.

Lại nữa, Bồ tát phát tâm đại trang nghiêm, đầy đủ thần thông của Bồ tát. Vì đầy đủ thần thông của Bồ tát nên thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật. Các nước trải qua, mưa hoa sen bảy báu, cúng dường chư Phật, đưa chúng sinh ra khỏi ba đường ác, biến ra vô số thân, mỗi mỗi đến trước chư Phật, nghe lãnh pháp hóa Đại thừa. Từ trước chư Phật thú hướng tướng Đại thừa, cưỡi xe lớn ấy, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ, không sinh tướng chúng sinh, không sinh tướng Phật độ, trú trong địa vị bất nhị nhập, tùy các chúng sinh đáng được độ thì hóa độ họ. Vì chúng sinh nên thọ thân, thường cưỡi xe lớn, chưa bao giờ ngừng nghỉ, ấy là Bồ tát cưỡi xe lớn, được thành Phật, Chuyển Pháp luân mà hàng Thanh văn, Bích chi Phật không thể chuyển được, hưởng gì các kẻ phàm phu nhỏ nhoi. Chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương tán thán Bồ tát ấy rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ tát ấy cưỡi xe lớn, thành tựu chúng sinh, Chuyển Pháp luân. Tướng trạng như vậy gọi là cưỡi xe lớn.

Lại nữa, xe lớn gọi là sáu Ba la mật rất ráo thanh tịnh, Bồ tát ma ha tát khi cưỡi xe lớn, lấy năm thần thông để tự trang nghiêm. Bồ tát trú trong xe ấy trong một lúc biến ra vô số thân, đi đến mười phương thế giới cúng dường các đức Phật, độ thoát chúng sinh, ấy là Bồ tát thường không lìa chư Phật, cho đến được thành Phật đạo, thường cưỡi xe lớn này.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TRANG NGHIÊM THỨ 17

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Phược Giải thứ 15)

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Mặc áo giáp Đại thừa*), thế nào là đại trang nghiêm? Thế nào là Bồ tát có thể đại trang nghiêm?

Phật dạy Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát đại thừa đại trang nghiêm là Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật trang nghiêm; bốn niệm xứ trang nghiêm cho đến tám Thánh đạo phần; nội không trang nghiêm cho đến vô pháp hữu pháp không; mười lực cho đến mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng trang nghiêm. Biến thân như Phật trang nghiêm, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng chiếu khắp thế giới như hằng hà sa số ở phương đông, phương tây, nam, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Ba ngàn đại thiên thế giới sáu cách rung động, cũng rung động cả thế giới như hằng hà sa số ở phương đông, phương tây, nam, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Bồ tát ma ha tát ấy trú Thí ba la mật đại thừa trang nghiêm, là ba ngàn đại thiên thế giới biến thành lưu ly, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, tùy sự ưa muốn của chúng sinh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y phục, đồ nằm, hương hoa, anh lạc, hương giã, hương ướp, phòng xá, đèn đuốc, thuốc thang các thứ cần dùng, đều cấp cho đủ, cho rồi thuyết pháp là nên nói sáu Ba la mật. Chúng sinh nghe pháp ấy, không bao giờ lìa sáu Ba la mật, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại thừa đại trang nghiêm.

Tu bồ đề! Thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng ở trước mặt, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết.

Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có chúng sinh, có cấp cho chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ các thứ, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các

thứ cần dùng đều cấp cho hết, tuy có bố thí mà thật không cho gì, vì có sao? Tu bồ đề! Vì tướng các pháp như huyễn vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Giới ba la mật, hiện sinh vào nhà Chuyển luân Thánh vương, lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh, lại lấy bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, giáo hóa chúng sinh. Người mới nghe được pháp ấy cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa pháp ấy, thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, lấy mười thiện đạo giáo hóa bảo làm; lại lấy bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung giáo hóa bảo làm.

Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có chúng sinh giáo hóa bảo làm mười thiện đạo, cho đến mười tám pháp không chung chẳng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu bồ đề! Bồ tát cũng như vậy. Lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh bảo làm, cho đến mười tám pháp không chung mà thật không có chúng sinh làm mười thiện đạo, cho đến mười tám pháp không chung, vì có sao? Vì các pháp như huyễn vậy.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong Nhẫn ba la mật, giáo hóa chúng sinh nhẫn nhục.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Nhẫn ba la mật giáo hóa chúng sinh trú trong Nhẫn ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm lại đây, đại trang nghiêm như vậy: Nếu hết thầy chúng sinh đến mắng nhiếc, đao gậy làm tổn hại, Bồ tát ma ha tát không khởi một niệm đối với việc ấy, cũng dạy hết thầy chúng sinh làm hạnh nhẫn nhục như vậy, thí như thầy huyễn thuật, hoặc học trò huyễn thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, khiến tu nhẫn nhục, ngoài ra như trên đã nói.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Tinh tấn ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Tinh tấn ba la mật.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Tinh tấn ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Tinh tấn ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, giáo hóa chúng sinh, thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu thân tâm tinh tấn, ngoài ra như trên đã nói. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú Thiền ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba la mật.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Thiền ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong các pháp, không thấy pháp hoặc loạn hoặc định. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Thiền ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba la mật, cho đến khi chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa Thiền ba la mật; thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Thiền ba la mật, ngoài ra như trên đã nói.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, không có pháp được bờ kia, bờ này, như vậy là Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát nhã ba la mật, thí như thầy huyễn thuật, hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm là ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ ứng hợp, tự biến thân trú trong Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật, cũng dạy chúng sinh khiến tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Chúng sinh ấy tu pháp ấy cho

đến khi chúng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Tu Bồ đề! Thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba la mật, ngoài ra như trên đã nói.

Như vậy, Tu Bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người trú trong Thí ba la mật, không dạy ngàn ấy người trú trong Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy; không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người trú trong bốn niệm xứ, không dạy ngàn ấy người trú trong bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung cũng vậy; cũng không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người khiến được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, Trí nhất thiết chủng, không dạy ngàn ấy người khiến được quả Tu đà hoàn, cho đến Trí nhất thiết chủng. Ta sẽ khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh trú trong Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật, dựng lập chúng sinh nơi bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh được quả Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng; thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba la mật, cho đến chúng được Trí nhất thiết chủng. Ngoài ra như trên đã nói.

Tu Bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Luận: Ở trên Phú lâu na nói đại trang nghiêm và tướng phát đại thế trang nghiêm, nay Tu Bồ đề khởi niệm rằng: Phú lâu na chưa được trí nhất thiết, tuy nói Đại trang nghiêm, hoặc có sai lầm, nên hỏi Phật để thủ lấy quyết định. Phật vì Tu Bồ đề nói Thí ba la mật đại trang nghiêm, cho đến Trí nhất thiết là quả báo của thiện pháp nên được sức thần thông lớn của Bồ tát; vì hạng chúng sinh mến đạo xuất gia nên hóa làm thân Phật, phóng ánh sáng lớn, chiếu mười phương thế giới, rung động đại địa, khiến chúng sinh phát tâm tu thiện pháp, tùy căn cơ thích hợp mà thuyết pháp cho, khiến được ba thừa, vì chúng sinh tại gia ham vui, làm Chuyển luân Thánh vương, biến ba ngàn đại thiên thế giới thành lưu ly, vì không chướng ngại, cưỡi xe bảy báu, thân phóng hào quang, mưa các bảo vật, tùy chúng sinh cần dùng, đều khiến cho đầy đủ, vậy sau nói pháp Bồ tát. Bồ tát trú trong đại thừa, lấy hai sự bố thí làm lợi ích chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí,

chúng sinh nghe rồi tu sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Bồ tát tuy trú trong biến hóa ấy cũng không sinh chấp trước tương đối với các pháp, cũng không tự cao. Tu bồ đề khởi niệm rằng: Bồ tát hành được đại sự như vậy. Lại chưa sạch hết các lậu hoặc, làm sao không đấm trước các pháp, cũng không sinh tâm tự cao được? Trong đây Phật tự nói thí dụ, thí như thầy huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm các thứ vật, tùy chỗ người cần đều có thể cho hết. Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyền thuật ấy thật có cho chăng? Có người thọ nhận, có người cần dùng chăng?

Tu bồ đề thưa: Đó chỉ là hư dối, thật không có gì.

Phật dạy: Bồ tát cũng như vậy, tuy hiện làm thân Phật, thân Chuyển luân Thánh vương, lấy của và pháp thí cho chúng sinh, cũng như thầy huyền thuật thật không có cho gì, vì sao? Vì các pháp rốt ráo không, như huyền. Năm Ba la mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

Lại nữa, do nhân duyên Thí ba la mật, Giới ba la mật, nên làm Chuyển luân Thánh vương giàu sang trong loài người, do các Ba la mật khác hoặc làm Phạm vương, hoặc làm pháp thân Bồ tát.

Hỏi: Ngoài sáu Ba la mật còn có pháp gì có thể trang nghiêm không?

Đáp: Các công đức đều thu nhiếp trong sáu Ba la mật. Có người nói còn có trí Ba la mật và phương tiện Ba la mật v.v... ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ đáng độ, bày các nhân duyên thuyết pháp khiến chúng sinh trú trong sáu Ba la mật.

Lại nữa, quyết định thế nguyện gọi là đại trang nghiêm, nghĩa là Bồ tát không khởi niệm rằng: Ta độ ngàn ấy người khiến trú trong Thí ba la mật, mà không thể độ người khác. Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy, cũng không khởi niệm rằng: Ta khiến ngàn ấy người được quả Tu đà hoàn mà không thể khiến ngàn ấy người được quả Tu đà hoàn; cho đến thành Phật đạo cũng như vậy. Ta sẽ khiến hết vô lượng vô số chúng sinh trú trong các công đức, Thí ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng, như thầy huyền thuật, như trước đã nói; ấy gọi là phát thế nguyện đại trang nghiêm.

Kinh: Bảy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như ý nghĩa con theo Phật nghe được Bồ tát ma ha tát không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì các pháp tự tướng không, nghĩa là sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không; mắt, mắt tướng không cho đến ý, ý tướng không; sắc, sắc tướng không, cho đến pháp, pháp tướng không; nhãn thức, nhãn thức tướng không cho đến ý thức, ý thức tướng không; nhãn xúc, nhãn xúc tướng không cho đến ý xúc, ý xúc tướng không; thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh, thọ tướng không, cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh, thọ tướng không.

Bạch đức Thế Tôn! Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không; cho đến Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không. Nội không, nội không tướng không; cho đến vô pháp hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không tướng không; bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tướng không, cho đến mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tướng không; Bồ tát, Bồ tát tướng không. Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy nên biết Bồ tát ma ha tát ấy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Như lời ông nói. Tu bồ đề! Trí nhất thiết chủng, chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì người làm không thể có được, nên Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác sinh khởi. Các chúng sinh ấy cũng chẳng phải tạo tác sinh khởi, vì sao? Tu bồ đề! Vì sắc chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác; thọ, tướng, hành, thức chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Mắt chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác cho đến ý chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác.

Tu bồ đề! Ngã chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, cho đến kẻ biết, kẻ thấy chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì các pháp ấy rất ráo không thể có được.

Tu bồ đề! Mộng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì rất ráo không thể có được. Huyền, tiếng vang, bóng, sóng nắng, biến hóa chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì rất ráo không thể có được. Tu bồ đề! Nội không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rất ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rất ráo không thể có được.

Tu bồ đề! Bốn niệm xứ chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rất ráo không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì pháp ấy rất ráo không thể có được. Tu bồ đề! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rất ráo không thể có được.

Tu bồ đề! Bồ tát chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rất ráo không thể có được. Tát bà nhã và Trí nhất thiết chủng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rất ráo không thể có được.

Do nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Tát bà nhã chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi. Bồ tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy. Bây giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như con xem xét nghĩa của Phật dạy: Sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở.

Bây giờ Phú lâu na Di đa la ni tử nói với Tu bồ đề rằng: Sắc là không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Sắc là không trói không mở, thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Phú lâu na Di đa la ni tử hỏi Tu bồ đề rằng: Thế nào là sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở?

Tu bồ đề nói: Sắc như mộng không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng không trói không mở. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang, như bóng, như huyền, như sóng nắng, như biến hóa không trói không mở.

Này Phú lâu na Di đa la ni tử! Sắc quá khứ không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không trói không mở. Sắc vị lai không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vị lai không trói không mở. Sắc hiện tại

không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không trói không mở, vì sao không trói không mở? Vì sắc ấy không có gì, nên không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không có gì, nên không trói không mở, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lành không trói không mở; sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng lành không trói không mở. Sắc vô ký không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký không trói không mở. Sắc thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở, vì sao? Vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh, nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Hết thầy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Này Phú lâu na! Thí ba la mật không trói không mở; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Nội không cũng không trói không mở, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không trói không mở. Bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến mười tám pháp không chung cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không trói không mở; Trí nhất thiết, Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ đề không trói không mở, Phật cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, pháp vô vi không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, không trói không mở; bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ tát ấy trụ trong Thí ba la mật cho đến trụ trong Bát nhã ba la mật, không trói không mở; trú trong bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến trú trong Trí nhất thiết chủng không trói không mở, thành tựu chúng sinh không trói không mở, tịnh quốc độ Phật không trói không mở, sẽ cúng dường chư Phật không trói không mở, sẽ nghe pháp

không trói không mở, trọn không lìa chư Phật không trói không mở, trọn không lìa các thần thông không trói không mở, trọn không lìa năm mắt không trói không mở, trọn không lìa môn Đà la ni không trói không mở, trọn không lìa các Tam muội không trói không mở, sẽ sinh Đạo chủng trí không trói không mở, sẽ được Trí nhất thiết chủng không trói không mở; Chuyển Pháp luân không trói không mở, an lập chúng sinh nơi tam thừa không trói không mở.

Như vậy Phú lâu na! Bồ tát ma ha tát tu sáu Ba la mật không trói không mở, sẽ biết hết thầy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Phú lâu na, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm không trói không mở.

Luận: Tu bồ đề nói: Như nghĩa con được nghe Phật dạy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì sao? Vì tự tướng không vậy.

Hỏi: Tu bồ đề cứ sao nói như vậy?

Đáp: Phật dạy nghĩa phát đại trang nghiêm rất sâu, khó được khó hiểu. Chúng sinh ở trong hội chúng nghe việc ấy, tâm hoặc bị thối mất. Trang nghiêm rất ráo Không, như vậy cũng do sức thần thông nên trong một lúc có thể khắp đến thế giới mười phương số như hằng hà sa, chúng sinh thích ý nói đây là việc thánh chúa, chúng ta làm sao biết được, vì thế nên Tu bồ đề nói phát đại trang nghiêm chẳng phải sâu chẳng phải khó, chẳng phải chỉ phát đại trang nghiêm, tự tướng không, dễ tu dễ được. Sắc, trong sắc định tướng không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ tát biết được tướng Không tịch diệt của các pháp như vậy, mà không bỏ bỏ nguyện tinh tấn, cho nên gọi là phát đại trang nghiêm chẳng phải khó được. Phật ấn chứng lời Tu bồ đề nói, nên nói: “như vậy”. Pháp tạo tác đều là hư dối, nên nói Tát bà nhã là pháp không tạo tác, vì chúng sinh rất ráo không, cũng là pháp không tạo tác. Phật dạy người làm là không thể có được, nên hết thầy chẳng phải tướng tạo tác. Vì chúng sinh không thể có được, nên người làm không thể có được, vì người làm không thể có được, nên Tát bà nhã chẳng phải tướng tạo tác sinh khởi.

Lại nữa, sắc cũng không thể làm, vì pháp không, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Tu bồ đề gọi trong các pháp không có tướng định làm, như

huyền, tuy không có sự thật mà có tướng đi lại, vì thế nên Phật dạy như huyền, như sóng nắng, không có tướng tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Khi ấy người nghe suy nghĩ rằng: Mười tám Không có thể phá hết thầy pháp, thế là có tác dụng, thế thời là thật, nghĩa là có tạo tác? Vì vậy nên Phật dạy: Nội không không tạo tác, cho đến vô pháp hữu pháp không, mười tám pháp không chung cũng không có tạo tác.

Hoặc nói: Mười tám không là hữu vi hư dối không thật, nên có thể không tạo tác, còn như, pháp tánh, thật tế, là pháp chơn thật, nên phải có tạo tác, vì sao? Vì hết thầy pháp hữu vi mỗi mỗi đều có nhân chung, pháp vô vi cũng làm nhân cho pháp có tạo tác? Nên Phật dạy: Như như, pháp tánh, thật tế, pháp trụ, pháp vị, cũng không tạo tác.

Lại hoặc nói: Bồ tát, Phật, Trí nhất thiết chủng, là pháp thật có, có thể có tạo tác? Vì vậy nên Phật nói: Pháp ấy cũng vì rốt ráo không, nên cũng không tạo tác, vì tướng tạo tác do nhân duyên sinh.

Hành giả nghĩ rằng: Phệ pháp rất khó, rất là hy hữu, các pháp đều không tạo tác, không trói không mở, chúng ta làm sao sẽ từ khổ được thoát? Thế nên Tu bồ đề bạch Phật rằng: Như con biết nghĩa của Phật nói năm uẩn không trói không mở? Pháp người phạm phu hư dối không thể có được nên chẳng phải trói, pháp thánh nhân rốt ráo không, không thể có được nên chẳng phải mở. Năm uẩn như mộng, và năm uẩn trong ba đời, năm uẩn thiện bất thiện, hết thầy pháp cũng như vậy, cho đến thật tế, cũng như vậy, vì không có gì, vì lìa, vì không sinh, nên không trói không mở; ấy gọi là đạo Bồ tát không trói không mở của Bồ tát ma ha tát. Ở trong đạo ấy, các phiền não không kéo rơi vào trong phạm phu, cho nên nói không trói, không lấy các pháp vô lậu phá phiền não nên nói không mở.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, cho đến năm thần thông, năm mắt, các môn Tam muội, Đà la ni, trọn không lìa Phật, và an lập chúng sinh trong tam thừa cũng không trói không mở, vì có sao? Vì các pháp không có gì, vì lìa. vì tịch diệt, vì không sinh, vì rốt ráo không.

Do các nhân duyên như vậy, ấy gọi là tướng Bồ tát đại trang nghiêm, nghĩa là không trói không mở.

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI THỪA THỨ 18

(Kinh Ma ha Bát nhã ba la mật ghi: Phẩm Vấn Thừa)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tam ma địa thứ 16)

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát? Làm sao biết Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa? Thừa ấy phát xuất từ chỗ nào? Thừa ấy đi đến chỗ nào? Thừa ấy trú chỗ nào? Ai cư ở Đại thừa ấy đi ra?

Phật bảo Tu bồ đề: Ông hỏi thế nào là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát ư? Tu bồ đề! Sáu Ba la mật là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát. Những gì là sáu? Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Sao gọi là Thí ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí tài vật trong ngoài, cùng hết thầy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thí ba la mật.

Sao gọi là Giới ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự làm mười thiện đạo, cũng dạy người khác làm mười thiện đạo, vì dùng vô sở đắc. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát chẳng chấp trước Giới ba la mật.

Sao gọi là Nhẫn ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự đầy đủ nhẫn nhục, cũng dạy người khác tu nhẫn nhục, vì dùng vô sở đắc, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Nhẫn ba la mật.

Sao gọi là Tinh tấn ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu năm Ba la mật, siêng tu không nghỉ, cũng an lập hết thầy chúng sinh nơi năm Ba la mật, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Tinh tấn ba la mật.

Sao gọi là Thiền ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tự lấy phương tiện vào các thiền, không sinh theo thiền cũng dạy người khác khiến vào các thiền, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thiền ba la mật.

Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không đắm hết thấy pháp, cũng quán hết thấy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc; cũng dạy người khác không đắm hết thấy pháp, cũng quán hết thấy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề!

Ấy là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thí không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thế nào là nội không? Phật dạy: Nội không là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt, mắt không chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Tai, tai không; mũi không; lưỡi, lưỡi không; thân, thân không; ý, ý không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là nội không.

Sao gọi là ngoại không? Pháp ngoài gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc, sắc không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thanh, thanh không; hương, hương không; vị, vị không; xúc, xúc không; pháp, pháp không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Sao gọi là nội ngoại không? Pháp trong ngoài gọi là trong sáu nhập, ngoài sáu nhập. Pháp trong, pháp trong không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì nó tự như vậy. Pháp ngoài, pháp ngoài không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là nội ngoại không.

Sao gọi là không không? Hết thấy pháp không, không ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là không không.

Sao gọi là đại không? Phương đông, phương đông không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy. Phương nam, tây, bắc, bốn góc trên dưới không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đại không.

Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Đệ nhất nghĩa tức là Niết bàn; Niết bàn, Niết bàn không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sao gọi là hữu vi không? Pháp hữu vi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; cõi Dục, cõi Dục không; cõi Sắc, cõi Sắc không; cõi Vô sắc, cõi Vô sắc không; chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là hữu vi không.

Sao gọi là vô vi không? Pháp vô vi gọi là tướng không sinh, tướng không trụ, tướng không diệt; pháp vô vi, pháp vô vi không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô vi không.

Sao gọi là rốt ráo không? Rốt ráo tức là các pháp rốt ráo không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là rốt ráo không.

Sao gọi là vô thủ không? Hoặc pháp chỗ bắt đầu đến không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô thủ không.

Sao gọi là tán không? Tán là các pháp không diệt, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tán không.

Sao gọi là tánh không? Hết thấy pháp tánh, hoặc tánh pháp hữu vi hoặc tánh pháp vô vi, tánh ấy chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải các người khác làm ra. Tánh ấy tánh không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là tánh không.

Sao gọi là tự tướng không? Tự tướng sắc là hư hoại, thọ là tướng lãnh thọ, tướng là tướng thử lấy tướng, hành là tướng tạo tác, thức là tướng hiểu biết. Như vậy các pháp hữu vi, vô vi, mỗi mỗi tự tướng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tự tướng không.

Sao gọi là các pháp không? Các pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, ý thức giới. Các pháp ấy, các pháp không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là các pháp không.

Sao gọi là bất khả đắc không? Tìm cầu các pháp không thể có được, ấy là bất đắc không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là bất đắc không.

Sao gọi là vô pháp không? Hoặc pháp không có ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô pháp không.

Sao gọi là hữu pháp không? Pháp có là các pháp trong sự hòa hợp có tự tánh tướng, pháp có ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là hữu pháp không.

Sao gọi là vô pháp hữu pháp không? Trong các pháp không có pháp, trong các pháp hòa hợp, có tướng tự tánh (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Thế nào là vô tánh tự tánh không? Vô tánh tự tánh là các pháp không thể có tánh hòa hợp và có tự tánh hòa hợp –ND*) Vô pháp hữu pháp ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, Tu bồ đề! Pháp, pháp tướng không; vô pháp, vô pháp tướng không; tự tánh, tự tánh tướng không; tha pháp, tha pháp tướng không.

Sao gọi là pháp, pháp tướng không? Pháp là năm uẩn, năm uẩn không; ấy gọi là pháp, pháp tướng không.

Sao gọi là vô pháp, vô pháp tướng không? Vô pháp là pháp vô vi; ấy gọi là vô pháp, vô pháp tướng không.

Sao gọi là tự pháp, tự pháp tướng không? Các pháp, tự tánh không, cái không ấy chẳng phải trí làm, chẳng phải cái thấy làm; ấy gọi là tự pháp, tự pháp tướng không.

Sao gọi là tha pháp, tha pháp tướng không? Hoặc ra đời, hoặc Phật chưa ra đời, pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như như, thật tế, quá các pháp không này; ấy gọi là tha pháp, tha pháp tướng không (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Hết thấy pháp hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, pháp bình đẳng tánh, pháp ly sinh tánh, chơn như bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, thật tế, đều do tha tánh nên không, ấy gọi là tha tánh do tha tánh nên không, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát – ND*).

LUẬN. Hỏi: Kinh này tên là Bát nhã ba la mật, lại Phật khiến Tu bồ đề vì Bồ tát nói Bát nhã ba la mật, Tu bồ đề nên hỏi Bát nhã ba la mật, Phật cũng nên đáp Bát nhã ba la mật, sao nay Tu bồ đề lại hỏi tướng Đại thừa, Phật cũng đáp Đại thừa?

Đáp: Bát nhã ba la mật và Đại thừa cùng một nghĩa, chỉ có danh tự khác nhau, hoặc nói Bát nhã ba la mật, hoặc nói Đại thừa, không lỗi. Đại thừa là Phật đạo, thực hành pháp ấy được đến Phật, đó là sáu pháp Ba la mật. Lớn nhất trong sáu Ba la mật là Bát nhã ba la mật, như ở phẩm sau Phật nói các nhân duyên lớn, nếu nói Bát nhã ba la mật, thời nhiếp hết sáu Ba la mật. Nếu nói sáu Ba la mật thời nói đủ Bồ tát đạo. Nghĩa là bao gồm từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật; ví như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng; tuy không nói kẻ tùy tùng, mà nên biết chắc chắn có. Đại thừa cũng như vậy.

Bồ tát ban đầu phát tâm tu hành vì cầu Phật đạo, tu tập thiện pháp, tùy chúng sinh có thể độ mà nói các pháp, đó là kinh Bốn khởi, kinh Dứt hết thân sinh nghi, kinh Hoa thủ, kinh Pháp hoa, kinh Mây, kinh Mây lớn, kinh Mây pháp, kinh Di lạc hỏi, kinh Sáu Ba la mật, kinh Đại Bát nhã ba la mật. Như vậy vô lượng vô biên vô số kinh, hoặc Phật nói, hoặc Hóa Phật nói, hoặc đại Bồ tát nói, hoặc Thanh văn nói, hoặc trời đắc đạo nói, việc ấy hòa hợp đều gọi là Đại thừa. Trong các Kinh ấy, Bát nhã ba la mật rất lớn, nên nói là Đại thừa, tức biết đã nói Bát nhã ba la mật. Các pháp trợ đạo khác không có Bát nhã ba la mật hòa hợp thời không thể đi đến thành Phật. Vì vậy hết thảy pháp trợ đạo đều là Bát nhã ba la mật. Như phẩm sau, Phật bảo Tu bồ đề: Ông nói Đại thừa không khác Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao lúc đầu không nói Đại thừa trước?

Đáp: Ở trên tôi đã nói Bát nhã ba la mật rất lớn cho nên phải nói trước. Lại, ý Phật muốn nói Đại thừa Bát nhã ba la mật nên phóng ra ánh sáng lớn, mười phương các Bồ tát đều tự hỏi Phật, nay sao có ánh sáng đó? Chư Phật đều đáp: Ở thế giới Ta bà có Phật hiệu Thích ca Mâu ni muốn nói Bát nhã ba la mật, các Bồ tát kia và các trời người hòa hợp đi đến.

Xá lợi phát hỏi Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ tát ma ha tát muốn biết hết thảy pháp phải nên tập hành Bát nhã ba la mật? Lại, trong phẩm đầu, Phật mỗi mỗi tán thán công đức Bát nhã ba la mật rằng, nếu ai muốn được như vậy hãy nên học Bát nhã ba la mật. Có các nhân duyên như

vậy, nên ban đầu nói Bát nhã ba la mật. Phật bảo Tu bồ đề: Ông hãy vì các Bồ tát nói Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề khiêm nhường nói: Bồ tát “không” chỉ có tên gọi; tiếp sau lại nói là biết rõ hiểu được tướng Bồ tát như vậy, tức là hành Bát nhã ba la mật. Đã biết như vậy rồi lại hỏi cú nghĩa Bồ tát, tiếp đến hỏi nghĩa Ma ha tát. Trong nghĩa Ma ha tát có Đại thừa đại trang nghiêm; ví như dững sĩ tuy có dao gậy trang nghiêm mà không cưỡi ngựa hay, thời không thể làm gì.

Đại thừa, Thiên trúc gọi là Ma ha Diễn (Mahayana). Chư Phật vì dứt pháp ái, và vì nói rõ nghĩa Bát nhã ba la mật không khác, nên Phật không quở trách. Vì vậy, Tu bồ đề lại dùng tên khác hỏi Ma ha Diễn.

Hỏi: Như trong lời tựa Ma ha Diễn nói: Từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, vì Phật đạo nên nhóm hết thầy thiện pháp, đều gọi là Ma ha Diễn. Sao nay chỉ nói sáu Ba la mật là Ma ha Diễn?

Đáp: Như trước nói: Nói Bát nhã ba la mật, thời đã nói sáu Ba la mật, nói sáu Ba la mật thời đã nhiếp hết thầy thiện pháp. Vì vậy không nên hỏi các thiện pháp có nhiều sao chỉ nói sáu Ba la mật.

Lại nữa, Ma ha Diễn, ban đầu phát tâm lập nguyện, cho đến về sau sáu Ba la mật phương tiện v.v... Các pháp ấy tuy không gọi là Ba la mật, nhưng theo nghĩa đều ở trong sáu Ba la mật. Như ban đầu phát tâm lập nguyện vì tâm đại bi v.v... có sức lớn nên gọi là Tinh tấn ba la mật; bỏ lợi nhỏ, thủ lấy Đại thừa, thời gọi là Bát nhã ba la mật.

Phương tiện tức là trí tuệ, trí tuệ thanh tịnh nên đổi gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật v.v... đều ở trong sáu Ba la mật, tùy nghĩa thu nhiếp nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, cứ sao lại nói mười tám pháp không, 108 Tam muội v.v... gọi là Ma ha Diễn?

Đáp: Sáu Ba la mật là thể Ma ha Diễn, về sau chỉ phân biệt rộng nghĩa nó. Như mười tám không, bốn mươi hai chữ v.v... là nghĩa Bát nhã ba la mật, 108 Tam muội là nghĩa Thiền ba la mật. Vì vậy nên ban đầu nói sáu Ba la mật.

Hỏi: Cứ sao chỉ nói đúng Ba la mật, không nhiều không ít?

Đáp: Phật là đấng Pháp vương, tùy chúng sinh có thể độ, hoặc có khi lược nói một, hai, ba, bốn, hoặc có khi nói rộng, như kinh Hiền Kiếp nói 84.000 ba la mật.

Lại nữa, sáu đạo chúng sinh đều chịu thân tâm khổ não, như chúng sinh địa ngục bị khổ tra khảo, trong súc sinh bị khổ tàn hại lẫn nhau, trong ngã quỷ bị khổ đói khát, trong loài người bị khổ tìm cầu dục lạc, ở cõi trời bị khổ xa lìa điều ưa muốn, A tu la bị khổ đấu tranh; Bồ tát sinh tâm đại bi muốn dứt khổ cho sáu đạo chúng sinh nên phát sinh sáu Ba la mật. Vì vậy nên nói sáu Ba la mật, không nhiều không ít hơn.

Hỏi: Thí ba la mật có nhiều tướng, sao trong đây Phật chỉ nói năm tướng là dùng tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, xả tài vật trong ngoài, đem phước ấy chung với chúng sinh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc, sao không nói đến tâm đại từ bi, cúng dường chư Phật, và thần thông, bố thí v.v... ?

Đáp: Năm tướng ấy gồm nhiếp hết thấy bố thí. Tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí là duyên theo Phật đạo, nương Phật đạo.

Xả tài vật trong ngoài là xả hết thấy phiền não; chung với chúng sinh là tâm đại bi.

Hồi hướng là đem sự bố thí này chỉ cầu Phật đạo; không cầu quả báo gì khác.

Dùng vô sở đắc là được khí phần của Bát nhã ba la mật về thật tướng các pháp.

Thí ba la mật chẳng phải hư dối, chẳng phải điên đảo, cũng không cùng tận.

Hỏi: Nếu như vậy thì không cần năm tướng, chỉ nói tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng là đủ?

Đáp: Việc ấy có thể như vậy. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết nghĩa thế nào là tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí, cho nên lấy bốn việc phân biệt nghĩa kia.

Tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng là tâm Bồ tát cầu Trí nhất thiết chủng của Phật làm duyên, làm ức niệm để buộc tâm; đem tâm ấy mà bố

thí nên được quả Trí nhất thiết chủng, chứ không cầu nhân duyên đời nay, tiếng tăm, trả ân, cũng không cầu đời sau làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, chỗ giàu sang. Vì độ chúng sinh, không cầu Niết bàn, chỉ muốn đầy đủ các Phật pháp Nhất thiết trí v.v... vì dứt hết khổ cho hết thầy chúng sinh, nên gọi là tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng.

Tài vật trong ngoài là, trong là đầu não, xương tủy, máu thịt v.v... vì khó xả bỏ nên nói trước; vật ngoài là quốc độ, vợ con, bầy báu, uống ăn v.v...

Cùng với hết thầy chúng sinh là, quả báu phước đức bố thí cho hết thầy chúng sinh dùng chung; ví như nhà giàu trồng lúa cho mọi người ăn chung. Quả báu phước đức của Bồ tát, hết thầy chúng sinh đều đến nương nhờ; ví như cây có quả tốt, chim chóc đều qui tụ.

Hồi hướng là, bên cạnh phước đức, không cầu quả báo khác, chỉ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước tiên nói tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, sau nói hồi hướng, có sai khác gì?

Đáp: Tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng là nhân duyên sinh khởi các phước đức, còn hồi hướng là không cầu quả báo khác, chỉ cầu Phật đạo.

Lại nữa, tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, vì ứng hợp với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên bố thí, như nghĩa ở trước nói Trí nhất thiết chủng làm chủ, hết thầy công đức đều vì Trí nhất thiết chủng.

Tán thán trí tuệ Phật có hai thứ: 1. Chánh trí vô thượng, gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. 2. Trí nhất thiết chủng, gọi là Tát bà nhã.

Dùng vô sở đắc là, dùng tâm Bát nhã ba la mật để bố thí, thuận với thật tướng các pháp mà không hư dối.

Như vậy, là nói về nghĩa Thí ba la mật.

Hỏi: Giới ba la mật thời tổng nhiếp hết thầy giới pháp; ví như biển lớn tổng nhiếp các dòng. Nghĩa là không uống rượu, không ăn quá ngọ, không đánh đập chúng sinh v.v... việc ấy không nhiếp vào trong mười thiện, có sao chỉ nói mười thiện?

Đáp: Phật nói tổng tướng Ba la mật, mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng thời có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngọt... nhập vào trong điều thiện không tham; không gia hại chúng sinh nhập vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà nhiếp theo sau.

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, trói buộc, cắt chém cho đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn đầu. Sau khi chết lột da, ăn, nuốt, cắt xẻ, vui mừng đều gọi là giai đoạn cuối. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói mười thiện đạo thời thu nhiếp hết thảy giới.

Lại nữa, Bồ tát sinh tâm từ bi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bố thí lợi ích chúng sinh, tùy chỗ họ cần đều cấp cho, trì giới không nào hại chúng sinh, không gia thêm các khổ, thường thí vô úy, lấy mười thiện nghiệp đạo làm căn bản. Ngoài ra, các việc khác là nhân duyên xa không nào hại chúng sinh. Giới luật vì thủ chứng Niết bàn tại đời này, dâm dục tuy không nào hại chúng sinh, mà vì tâm bị trói buộc nên đại tội. Vì vậy nên dâm dục đứng đầu trong giới luật, kẻ bạch y thì giới bất sát ở trước. Vì cầu phước đức nên Bồ tát không cầu Niết bàn, trong đời này, qua lại sinh tử trong vô lượng đời để tu các công đức. Mười thiện là cội giới, các luật nghi là khách.

Lại nữa, nếu Phật ra đời vào thời kỳ tốt đẹp, thời không có giới luật này. Như đức Phật Thích ca Văn, tuy ở đời ác, mà sau khi thành đạo mười hai năm cũng không có giới này, vì vậy nên biết nó là khách.

Lại nữa, có hai thứ Giới: Giới lúc có Phật hoặc có hoặc không và mười thiện, dù lúc có Phật không có Phật vẫn thường có.

Lại nữa, Giới trong Giới luật, tuy là vi tế sám hối thời thanh tịnh, còn phạm mười thiện giới, tuy sám hối mà tội ba ác đạo không thể trừ. Như Tỳ kheo giết súc sinh, tuy được sám hối, nhưng tội báo vẫn không trừ. Do các nhân duyên như vậy, chỉ nói mười thiện nghiệp đạo, cũng tự làm, cũng dạy người khác làm, gọi là Giới ba la mật.

Mười thiện đạo, bảy việc là giới, ba việc là thủ hộ. Gọi chung là Giới ba la mật. Các Ba la mật khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt. Như đã luận nghĩa nói rộng ở trong phẩm đầu.

Kinh này gọi là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật gọi là tướng lìa bỏ, vì vậy nên đối với hết thầy pháp đều dùng vô sở đắc.

Hỏi: Nếu dùng hữu sở đắc để nhóm các thiện pháp thời đã còn khó, huống gì dùng vô sở đắc? Nếu được trí vô sở đắc thời lúc ấy có thể trở ngại làm việc thiện, hoặc sinh tà nghi; nếu không được trí vô sở đắc thời lúc ấy không trở ngại làm việc thiện, cũng không sinh tà nghi?

Đáp: Phật cũng không khen tâm chấp trước thủ tướng làm các việc thiện, vì sao? Vì hư dối ở thế gian, cuối cùng tiêu hết. Nếu chấp trước tâm tu thiện, bị phá rất dễ, nếu chấp trước Không, thời sinh hối hận, trở lại mất đạo; ví như lửa sinh trong cỏ, gặp nước thì tắt, nếu lửa sinh trong nước, thì không vật gì làm tắt được. Bồ tát ban đầu tập hành mà chấp trước tâm thủ tướng tu phước đức, giống như cỏ sinh lửa, dễ cháy, dễ tắt. Nếu Bồ tát thể hội được thật tướng các pháp, lấy tâm đại bi tu các hạnh, khó thể phá được; như lửa sinh trong nước, không thể diệt được. Vì vậy nên dùng tâm vô sở đắc tu các hạnh, tâm cũng không nhu nhược, không sinh nghi hối.

Ấy là lược nói sáu Ba la mật, còn nói rộng như trong phẩm đầu, mỗi mỗi Ba la mật đều đầy đủ.

Mười sáu không là trong sáu Ba la mật nói nghĩa của Bát nhã ba la mật là không nhiễm trước các pháp, vì sao? Vì mười tám không. Luận nghị về mười tám không, như trong phẩm đầu Phật bảo Xá lợi phát rằng: Bồ tát ma ha tát muốn an trụ mười tám không hãy học Bát nhã ba la mật. Nghĩa ấy nên như đã nói rộng trong ấy.

Hỏi: Mười tám không, sau nội không v.v... đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu người không tu tập hai không ấy, tức rơi vào hai bên hoặc thường hoặc đoạn diệt, vì sao? Vì nếu các pháp thật có thời không có nghĩa diệt, bị rơi vào chấp thường; như người ra khỏi nhà này đi vào nhà khác, mắt tuy không thấy mà không gọi là không có. Các pháp cũng như

vậy, từ đời vị lai đi vào đời hiện tại, từ đời hiện tại đi vào đời quá khứ, như vậy thời không diệt.

Hành giả vì lo sợ có, mà dùng không để phá tâm chấp có, song lại quý không mà đắm vào không, thời bị rơi vào đoạn diệt. Vì vậy nên tu hành không ấy để phá có, cũng không đắm không. Xa lìa hai bên ấy, lấy trung đạo để hành mười tám không, dùng tâm đại bi mà độ chúng sinh, thể cho nên sau mười tám không, đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt; ấy gọi là Ma ha Diễn. Trái với đây là hí luận của người cuồng, ở trong Phật pháp luống không được gì, như người ở giữa đồng trăn bảo lượm lấy ngọc thủy tinh, mắt tuy thấy đẹp mà chẳng có giá trị gì.

Hỏi: Nếu mười tám không đã nhiếp hết các không, có sao còn nói bốn không?

Đáp: Trong mười tám không, hiện không nhiếp hết, Chư Phật có hai cách thuyết pháp, hoặc đầu nói lược sau nói rộng, hoặc đầu nói rộng sau nói lược. Đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa; đầu rộng sau lược là vì dễ thọ trì. Hoặc vì chúng sinh đến sau nên lược nói yếu nghĩa, hoặc nói bằng kệ, tụng. Nay Phật đầu nói rộng mười tám không, sau lược nói tướng bốn không.

Pháp, pháp tướng không là trong hết thấy pháp, pháp tướng chẳng thể có được, như trong sắc, sắc tướng chẳng thể có được.

Lại nữa, trong pháp chẳng sinh pháp, gọi là pháp pháp không.

Vô pháp, vô pháp không là pháp vô vi, gọi là vô pháp, vì sao? Vì tướng nó không thể có được.

Hỏi: Phật dùng ba tướng nói pháp vô vi, tại sao nói vô tướng?

Đáp: Không phải vậy, phá sinh nên nói vô sinh, phá trụ nên nói vô trụ, phá diệt nên nói vô diệt; đều từ bên sinh, trụ, diệt mà có tên gọi đó, không phải riêng có pháp vô sinh, vô diệt gọi là vô pháp, vô pháp không. Nghĩa này như đã nói trong phẩm vô vi không.

Tự pháp, tự pháp không là tự pháp, tự tánh các pháp. Tự tánh có hai: 1. Như pháp thể giã đất có tánh cứng v.v... 2. Như như, pháp tánh, thật tế mà Thánh nhân rõ biết pháp ấy không, vì sao? Vì không do trí thấy biết. Có hai tánh không, như trước nói.

Hỏi: Như như, pháp tánh, thật tế, đã nhiếp vào trong pháp vô vi, sao còn nói lại?

Đáp: Trong khi quán xét phân biệt nói thật tướng năm uẩn, là pháp tánh, như như, thật tế. Lại chẳng phải do trí Không quán sát làm cho nó không, mà tánh nó tự không như vậy.

Hỏi: Như sắc là tự pháp, thức là tha pháp, trong đó vì sao nói như, pháp tánh, thật tế, có Phật không Phật vẫn thường trú, quá đây gọi là tha pháp không?

Đáp: Có người vì chưa khéo dứt kiết sử tà kiến nên mỗi mỗi sinh tâm chấp trước, người ấy nghe nói như như, pháp tánh, thật tế, thì cho rằng vượt quá đây còn có pháp khác, vì vậy nên nói vượt quá như như, pháp tánh, thật tế cũng không.

(Hết cuốn 46 theo bản Hán)

--oOo --

Cuốn 47

Kinh: Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa gọi là Tam muội Thủ Lăng nghiêm, Tam muội Bảo ấn, Tam muội Sư tử du ký, Tam muội Diệu nguyệt, Tam muội Nguyệt tràng tướng, Tam muội Xuất chư pháp, Tam muội Quán đánh, Tam muội Tát pháp tánh, Tam muội Tát tràng tướng, Tam muội Kim cang, Tam muội Nhập pháp ấn, Tam muội Vương an lập Tam muội, Tam muội Phóng quang, Tam muội Lực tiến, Tam muội Cao xuất, Tam muội Tát nhập biện tài, Tam muội Thích danh tự, Tam muội Quán phương, Tam muội Đà la ni ấn, Tam muội Vô cuống, Tam muội Nhiếp chư pháp hải, Tam muội Biến phú hư không, Tam muội Kim cang luân, Tam muội Bảo đoạn, Tam muội Năng chiếu, Tam muội Bất cầu, Tam muội Vô trú, Tam muội Vô tâm, Tam muội Tịnh đặng, Tam muội Vô biên minh, Tam muội Năng tác minh, Tam muội Phổ chiếu minh, Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội, Tam muội Vô cấu minh, Tam muội Hoan hỷ, Tam muội Điền quang, Tam muội Vô tận, Tam muội Oai đức, Tam muội ly tận, Tam muội Bất động, Tam muội Bất thối, Tam muội Nhật đặng, Tam muội Nguyệt tịnh, Tam muội Tịnh minh, Tam muội Năng tác minh, Tam muội Tác hành, Tam muội Biết tướng, Tam muội Như Kim cang, Tam muội Tâm trú, Tam muội Phổ minh, Tam muội An lập, Tam muội Bảo tự, Tam muội Diệu pháp ấn, Tam muội Pháp đặng, Tam muội Đoạn hỷ, Tam muội Đáo pháp đánh,

Tam muội Năng tán, Tam muội Phân biệt chư pháp cú, Tam muội Tự đặng tướng, Tam muội Ly tự, Tam muội Đoạn duyên, Tam muội Bất hoại, Tam muội Vô chủng tướng, Tam muội Vô xứ hành, Tam muội Ly môn muội, Tam muội Vô khứ, Tam muội Bất biến dị, Tam muội Độ duyên, Tam muội Tập chư công đức, Tam muội Trú vô tâm, Tam muội Tịnh diệu hoa, Tam muội Giác ý, Tam muội Vô lượng biện, Tam muội Vô đặng đặng, Tam muội Độ chư pháp, Tam muội Phân biệt chư pháp, Tam muội Tán nghi, Tam muội Vô trú xứ, Tam muội Nhất trang nghiêm, Tam muội Sinh hành, Tam muội Nhất hành, Tam muội Bất nhất hành, Tam muội Diệu hành, Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam muội Nhập danh ngữ, Tam muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam muội Nhiên cự, Tam muội Tịnh tướng, Tam muội Pháp tướng, Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam muội Bất hỷ khổ lạc, Tam muội Vô tận tướng, Tam muội Đa Đà la ni, Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng, Tam muội Diệt tăng ái, Tam muội Nghịch thuận, Tam muội Tịnh quang, Tam muội Kiên cố, Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang,

Tam muội Đại trang nghiêm, Tam muội Năng chiếu nhất thiết thể, Tam muội Đẳng Tam muội, Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh, Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ, Tam muội Như trú định, Tam muội Hoại thân suy, Tam muội Hoại ngữ như hư không, Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Sao gọi là Tam muội Thủ Lăng nghiêm? Biết chỗ thi hành của các Tam muội, gọi là Tam muội Thủ Lăng nghiêm.

Sao gọi là Tam muội Bảo ấn? Trú ở Tam muội ấy có thể trung ấn nhập các Tam muội khác, gọi là Tam muội Bảo ấn.

Sao gọi là Tam muội Sư tử du hý? Trú ở Tam muội ấy có thể dạo chơi trong các Tam muội như Sư tử, gọi là Tam muội Sư tử du hý.

Sao gọi là Tam muội Diệu nguyệt? Trú ở Tam muội ấy có thể chiếu soi các Tam muội như trăng trong, gọi là Tam muội Diệu nguyệt.

Sao gọi là Tam muội Nguyệt tràng tướng? Trú ở Tam muội ấy có thể giữ gìn các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Nguyệt tràng tướng.

Sao gọi là Tam muội Xuất chư pháp? Trú ở Tam muội ấy có thể xuất sinh các Tam muội. gọi là Tam muội Xuất chư pháp.

Sao gọi là Tam muội Quán đảnh? Trú ở Tam muội ấy có thể quán xem các chú đảnh Tam muội, gọi là Tam muội Quán đảnh.

Sao gọi là Tam muội Tất pháp tánh? Trú ở Tam muội ấy quyết định biết pháp tánh, gọi là Tam muội Tất pháp tánh.

Sao gọi là Tam muội Tất tràng tướng? Trú ở Tam muội ấy có thể giữ gìn các Tam muội tràng, gọi là Tam muội Tất tràng tướng.

Sao gọi là Tam muội Kim cang? Trú ở Tam muội ấy có thể phá các Tam muội, gọi là Tam muội Kim cang.

Sao gọi là Tam muội Nhập pháp ấn? Trú ở Tam muội ấy nhập vào các pháp ấn, gọi là Tam muội Nhập pháp ấn.

Sao gọi là Tam muội Vương an lập Tam muội? Trú ở Tam muội ấy thì an lập trú trong các tam muội như vua, gọi là Tam muội Vương an lập Tam muội.

Sao gọi là Tam muội Phóng quang? Trú ở Tam muội ấy có thể phóng ánh sáng chiếu các Tam muội, gọi là Tam muội Phóng quang.

Sao gọi là Tam muội Lực tiến? Trú ở Tam muội ấy có thể làm thế lực đối với các Tam muội, gọi là Tam muội Lực tiến.

Sao gọi là Tam muội Cao xuất? Trú ở Tam muội ấy có thể tăng trưởng các Tam muội, gọi là Tam muội Cao xuất.

Sao gọi là Tam muội Tất nhập biện tài? Trú ở Tam muội ấy có thể biện thuyết các Tam muội, gọi là Tam muội Tất nhập biện tài.

Sao gọi là Tam muội Thích danh tự? Trú ở Tam muội ấy có thể giải thích danh tự các Tam muội, gọi là Tam muội Thích danh tự.

Sao gọi là Tam muội Quán phương? Trú ở Tam muội ấy có thể quán sát các phương Tam muội, gọi là Tam muội Quán phương.

Sao gọi là Tam muội Đà la ni ấn? Trú ở Tam muội ấy giữ gìn các Tam muội ấy, gọi là Tam muội Đà la ni ấn.

Sao gọi là Tam muội Vô cuồng? Trú ở Tam muội ấy không khi dối dối với các Tam muội, gọi là Tam muội Vô cuồng.

Sao gọi là Tam muội Nhiếp chư pháp hải? Trú ở Tam muội ấy, có thể thu nhiếp các Tam muội như nước biển lớn, gọi là Tam muội Nhiếp chư pháp hải.

Sao gọi là Tam muội Biến phú hư không? Trú ở Tam muội ấy, khắp trùm các Tam muội như hư không, gọi là Tam muội Biến phú hư không.

Sao gọi là Tam muội Kim cang luân? Trú ở Tam muội ấy, có thể giữ gìn phần các Tam muội, gọi là Tam muội Kim cang luân.

Sao gọi là Tam muội Bảo đoạn? Trú ở Tam muội ấy, dứt như cầu phiền não nơi các Tam muội, gọi là Tam muội Bảo đoạn.

Sao gọi là Tam muội Năng chiếu? Trú ở Tam muội ấy, có thể lấy ánh sáng chiếu rõ các Tam muội; gọi là Tam muội Năng chiếu.

Sao gọi là Tam muội Bất cầu? Trú ở Tam muội ấy, không pháp gì không cầu, gọi là Tam muội Bất cầu.

Sao gọi là Tam muội Vô trú? Trú ở Tam muội ấy không thấy pháp trú trong hết thấy Tam muội, gọi là Tam muội Vô trú.

Sao gọi là Tam muội Vô tâm? Trú ở Tam muội ấy tâm tâm số pháp không hiện hành; gọi là Tam muội Vô tâm.

Sao gọi là Tam muội Tịnh đăng? Trú ở Tam muội ấy làm sáng như đèn nơi các Tam muội, gọi là Tam muội Tịnh đăng.

Sao gọi là Tam muội Vô biên minh? Trú ở Tam muội ấy làm ánh sáng vô biên cho các Tam muội, gọi là Tam muội Vô biên minh.

Sao gọi là Tam muội Năng tác minh? Trú ở Tam muội ấy tức thời làm ánh sáng cho các Tam muội, gọi là Tam muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam muội Phổ chiếu minh? Trú ở tam muội ấy có thể chiếu rõ các cửa Tam muội, gọi là Tam muội Phổ chiếu minh.

Sao gọi là Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội? Trú ở Tam muội ấy, có thể làm kiên tịnh các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội.

Sao gọi là Tam muội Vô cấu minh? Trú ở Tam muội ấy, có thể trừ cấu nhiễm của các Tam muội; cũng có thể chiếu hết thấy Tam muội, gọi là Tam muội Vô cấu minh.

Sao gọi là Tam muội Hoan hỷ? Trú ở Tam muội ấy có thể lãnh thọ cái mừng của các Tam muội, gọi là Tam muội Hoan hỷ.

Sao gọi là Tam muội Điện quang? Trú ở Tam muội ấy chiếu các Tam muội như điện sáng, gọi là Tam muội Điện quang.

Sao gọi là Tam muội Vô tận? Trú ở Tam muội ấy đối với các Tam muội chẳng thấy cùng tận, gọi là Tam muội Vô tận.

Sao gọi là Tam muội Oai đức? Trú ở Tam muội ấy đối các Tam muội uy đức chiếu rõ, gọi là Tam muội Oai đức.

Sao gọi là Tam muội Ly tận? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội cùng tận, gọi là Tam muội Ly tận.

Sao gọi là Tam muội Bất động? Trú ở Tam muội ấy, khiến các Tam muội không động, không đùa bỡn, gọi là Tam muội Bất động.

Sao gọi là Tam muội Bất thối? Trú ở Tam muội ấy, có thể không thấy các Tam muội thối, gọi là Tam muội Bất thối.

Sao gọi là Tam muội Nhật đăng? Trú ở Tam muội ấy phóng ánh sáng chiếu các môn Tam muội; gọi là Tam muội Nhật đăng.

Sao gọi là Tam muội Nguyệt tịnh? Trú ở Tam muội ấy có thể trừ bóng tối nơi các Tam muội, gọi là Tam muội Nguyệt tịnh.

Sao gọi là Tam muội Tịnh minh? Trú ở Tam muội ấy, được bốn trí vô ngại đối với các Tam muội, gọi là Tam muội Tịnh minh.

Sao gọi là Tam muội Năng tác minh? Trú ở Tam muội ấy, hay làm sáng các môn Tam muội, gọi là Tam muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam muội Tác hành? Trú ở Tam muội ấy hay khiến các Tam muội mỗi mỗi có tác động, gọi là Tam muội Tác hành.

Sao gọi là Tam muội Tri tướng? Trú ở Tam muội ấy thấy tướng biết của các Tam muội. gọi là Tam muội Tri tướng.

Sao gọi là Tam muội như Kim cang? Trú ở Tam muội ấy hay xuyên suốt các pháp, cũng không thấy xuyên suốt, gọi là Tam muội như Kim cang.

Sao gọi là Tam muội Tâm trú? Trú ở Tam muội ấy tâm không động, không chuyển không nã, cũng không nghĩ có tâm ấy, gọi là Tam muội Tâm trú.

Sao gọi là Tam muội Phổ minh? Trú ở Tam muội ấy khắp thấy ánh sáng các Tam muội, gọi là Tam muội Phổ minh.

Sao gọi là Tam muội An lập? Trú ở Tam muội ấy đối với các Tam muội an lập chẳng động, gọi là Tam muội An lập.

Sao gọi là Tam muội Bảo tụ? Trú ở Tam muội ấy khắp thấy các Tam muội như thấy báu tích tụ, gọi là Tam muội Bảo tụ.

Sao gọi là Tam muội Diệu pháp ấn? Trú ở Tam muội ấy hay ấn nhập các Tam muội, vì vô ấn ấn nhập vậy, gọi là Tam muội Diệu pháp ấn.

Sao gọi là Tam muội Pháp đẳng? Trú ở Tam muội ấy quán xem các pháp bình đẳng, không pháp gì không bình đẳng; gọi là Tam muội Pháp đẳng.

Sao gọi là Tam muội Đoạn hỷ? Trú ở Tam muội ấy dứt sự mừng trong hết thấy pháp, gọi là Tam muội Đoạn hỷ.

Sao gọi là Tam muội Đáo pháp đảnh? Trú ở Tam muội ấy dứt các ám muội đối với pháp, cũng ở trên các Tam muội, gọi là Tam muội Đáo pháp đảnh.

Sao gọi là Tam muội Năng tán? Trú ở Tam muội ấy, hay phá tán các pháp, gọi là Tam muội Năng tán.

Sao gọi là Tam muội Phân biệt chư pháp cú? Trú ở Tam muội ấy phân biệt các pháp cú của các Tam muội, gọi là Tam muội Phân biệt chư pháp cú.

Sao gọi là Tam muội Tự đẳng tướng? Trú ở Tam muội ấy, được các danh tự Tam muội, gọi là Tam muội Tự đẳng tướng.

Sao gọi là Tam muội Ly tự? Trú ở Tam muội ấy cho đến chẳng thấy một chữ trong các Tam muội, gọi là Tam muội Ly tự.

Sao gọi là Tam muội Đoạn duyên? Trú ở Tam muội ấy dứt các duyên Tam muội, gọi là Tam muội Đoạn duyên.

Sao gọi là Tam muội Bất hoại? Trú ở Tam muội ấy chẳng được các pháp biến dị; gọi là Tam muội Bất hoại.

Sao gọi là Tam muội Vô chủng tướng? Trú ở Tam muội ấy chẳng thấy chủng chủng pháp, gọi là Tam muội Vô chủng tướng.

Sao gọi là Tam muội Vô xứ hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy nơi chỗ của Tam muội, gọi là Tam muội Vô xứ hành.

Sao gọi là Tam muội Ly mộng muội? Trú ở Tam muội ấy lia các tối tăm vi tế của Tam muội, gọi là Tam muội Ly mộng muội.

Sao gọi là Tam muội Vô khứ? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng đi của hết thấy Tam muội, gọi là Tam muội Vô khứ.

Sao gọi là Tam muội Bất biến dị? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng biến dị của các Tam muội, gọi là Tam muội Bất biến dị.

Sao gọi là Tam muội Độ duyên? Trú ở Tam muội ấy độ khỏi cảnh giới duyên của hết thấy Tam muội, gọi là Tam muội Độ duyên.

Sao gọi là Tam muội Tập chư công đức? Trú ở Tam muội ấy nhóm các công đức Tam muội, gọi là Tam muội Tập chư công đức.

Sao gọi là Tam muội Trú vô tâm? Trú ở Tam muội ấy, tâm không nhập vào các Tam muội, gọi là Tam muội Trú vô tâm.

Sao gọi là Tam muội Tịnh diệu hoa? Trú ở Tam muội ấy khiến các Tam muội được sáng sạch như hoa, gọi là Tam muội Tịnh diệu hoa.

Sao gọi là Tam muội Giác ý? Trú ở Tam muội ấy được bảy giác phần trong các Tam muội, gọi là Tam muội Giác ý.

Sao gọi là Tam muội Vô lượng biện? Trú ở Tam muội ấy được biện tài vô lượng đối với các pháp, gọi là Tam muội Vô lượng biện.

Sao gọi là Tam muội Vô đẳng đẳng? Trú ở tam muội ấy được tướng vô đẳng đẳng trong các Tam muội, gọi là Tam muội Vô đẳng đẳng.

Sao gọi là Tam muội Độ chư pháp? Trú ở Tam muội ấy vượt khỏi hết thấy cõi Tam muội, gọi là Tam muội Độ chư pháp.

Sao gọi là Tam muội phân biệt chư pháp? Trú ở Tam muội ấy phân biệt thấy các Tam muội và các pháp, gọi là Tam muội phân biệt chư pháp.

Sao gọi là Tam muội Tán nghi? Trú ở Tam muội ấy được tán hoại việc nghi đối với các pháp, gọi là Tam muội Tán nghi.

Sao gọi là Tam muội Vô trú xứ? Trú ở Tam muội ấy không thấy trú xứ các pháp, gọi là Tam muội Vô trú xứ.

Sao gọi là Tam muội Nhất trang nghiêm? Trú ở Tam muội ấy trọn không thấy các pháp hai tướng, gọi là Tam muội Nhất trang nghiêm.

Sao gọi là Tam muội Sinh hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy các hành sinh khởi, gọi là Tam muội Sinh hành.

Sao gọi là Tam muội Nhất hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy bờ này bờ kia của các Tam muội, gọi là Tam muội Nhất hành.

Sao gọi là Tam muội Bất nhất hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội một tướng, gọi là Tam muội Bất nhất hành.

Sao gọi là Tam muội Diệu hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội hai tướng, gọi là Tam muội Diệu hành.

Sao gọi là Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán? Trú ở Tam muội ấy nhập vào hết thấy hữu, hết thấy trí tuệ Tam muội, thông đạt cũng không chỗ thông đạt, gọi là Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán.

Sao gọi là Tam muội Nhập danh ngữ? Trú ở Tam muội ấy vào hết thấy danh tự ngữ ngôn các Tam muội, gọi là Tam muội Nhập danh ngữ.

Sao gọi là Tam muội Ly âm thanh tự ngữ? Trú ở Tam muội ấy không thấy các âm thanh danh tự ngữ ngôn Tam muội, gọi là Tam muội Ly âm thanh tự ngữ.

Sao gọi là Tam muội Nhiên cự? Trú ở Tam muội ấy oai đức chiếu sáng như đuốc; gọi là Tam muội Đốt đuốc.

Sao gọi là Tam muội Tịnh tướng? Trú ở Tam muội ấy sạch các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Tịnh tướng.

Sao gọi là Tam muội Phá tướng? Trú ở Tam muội ấy không thấy các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Phá tướng.

Sao gọi là Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc ? Trú ở Tam muội ấy hết thấy Tam muội chủng đều đầy đủ, gọi là Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc.

Sao gọi là Tam muội Bất hỷ khổ lạc? Trú ở Tam muội ấy không thấy khổ vui của các Tam muội, gọi là Tam muội Bất hỷ khổ lạc.

Sao gọi là Tam muội Vô tận tướng? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng cùng tận của các Tam muội, gọi là Tam muội Vô tận tướng.

Sao gọi là Tam muội Đa Đà la ni? Trú ở Tam muội ấy hay giữ gìn các Tam muội; gọi là Tam muội Đa đà la ni.

Sao gọi là Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng tà chánh nơi các Tam muội; gọi là Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng.

Sao gọi là Tam muội Diệt tăng ái? Trú ở Tam muội ấy không thấy ghét thương các Tam muội, gọi là Tam muội Diệt tăng ái.

Sao gọi là Tam muội Nghịch thuận? Trú ở Tam muội ấy, không thấy các pháp các Tam muội nghịch thuận, gọi là Tam muội Nghịch thuận.

Sao gọi là Tam muội Tịnh quang? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội sáng, như, gọi là Tam muội Tịnh quang.

Sao gọi là Tam muội Kiên cố? Trú ở Tam muội ấy, chẳng đặng các Tam muội không kiên cố, gọi là Tam muội Kiên cố.

Sao gọi là Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang? Trú ở Tam muội ấy, các Tam muội tròn đầy như trăng rằm, gọi là Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang.

Sao gọi là Tam muội Đại trang nghiêm? Trú ở Tam muội ấy đại trang nghiêm thành tựu các Tam muội, gọi là Tam muội Đại trang nghiêm.

Sao gọi là Tam muội Năng chiếu nhất thiết thế? Trú ở Tam muội ấy, hay chiếu các pháp và các Tam muội, gọi là Tam muội Năng chiếu nhất thiết thế.

Sao gọi là Tam muội Đẳng Tam muội? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng định loạn đối với các Tam muội; gọi là Tam muội Đẳng Tam muội.

Sao gọi là Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh? Trú ở Tam muội ấy hay khiến các Tam muội không phân biệt hữu tránh vô tránh, gọi là Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh.

Sao gọi là Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ? Trú ở Tam muội ấy không thấy chỗ nương tựa của các Tam muội, gọi là Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ.

Sao gọi là Tam muội Như trú định? Trú ở Tam muội ấy không vượt qua như tướng của các Tam muội, gọi là Tam muội Như trú định.

Sao gọi là Tam muội Hoại thân suy? Trú ở Tam muội ấy không thủ đắc thân tướng, gọi là Tam muội Hoại thân suy.

Sao gọi là Tam muội Hoại ngữ như hư không? Trú ở Tam muội ấy không thấy ngữ nghiệp của các Tam muội như hư không, gọi là Tam muội Hoại ngữ như hư không.

Sao gọi là Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm? Trú ở Tam muội ấy thấy các pháp như hư không vô ngại, cũng không ô nhiễm, gọi là Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Ma ha Diễm của Bồ tát ma ha tát.

LUẬN: Trên lấy mười tám không giải thích Bát nhã ba la mật, nay lấy 108 Tam muội giải thích Bát nhã ba la mật. 108 Tam muội, Phật tự nói nghĩa đó, lúc ấy người vì lợi căn nghe nói đều được tin hiểu. Nay thời không được như vậy, nên luận giả giải thích lại nghĩa ấy, khiến cho dễ hiểu.

Tam muội Thủ Lăng nghiêm Trung Hoa dịch là Kiện tướng, phân biệt. Biết hành tướng các Tam muội nhiều ít sâu cạn, như đại tướng biết các binh lực nhiều ít.

Lại nữa Bồ tát được Tam muội ấy, các ma phiền não và người ma không làm hoại được; ví như hảo tướng chủ binh của Chuyển luân Thánh vương, những chỗ đi đến đều hàng phục.

Tam muội Bảo ấn là hay ấn hợp các Tam muội. Trong các thứ báu, pháp báu là thật báu, hay làm lợi ích đời này đời sau cho đến Niết bàn. Như trong Kinh nói: Phật bảo Tỳ kheo! Ta sẽ vì người thuyết pháp, pháp được nói là pháp ấn, pháp ấn tức là Bảo ấn, Bảo ấn tức là cửa giải thoát.

Lại nữa, có người nói ba pháp ấn là Tam muội Bảo ấn; hết thấy pháp vô ngã, hết thấy tác pháp (hành) vô thường, tịch diệt Niết bàn. Ba pháp ấn ấy, hết thấy trừ người không thể đứng như pháp phá hoại được. Vào Tam muội ấy, có thể ba cách quán các pháp, ấy gọi là Bảo ấn.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật là báu, Tam muội tương ứng Bát nhã gọi là ấn, ấy gọi là Bảo ấn.

Tam muội sư tử du hí là Bồ tát được Tam muội ấy, thời ra vào hết thấy Tam muội mau chậm đều được tự tại; thí như khi các con thú giỡn chơi, nếu thấy Sư tử thấy đều sợ hãi, còn khi Sư tử giỡn chơi thời tự tại không sợ gì hết.

Lại nữa, khi Sư tử giỡn chơi đối với các con thú, con mạnh thì giết, con sợ nép thì tha. Bồ tát cũng như vậy, được Tam muội ấy đối với các ngoại đạo, kẻ kẻ cương cường thì phá, kẻ tin phục thời độ cho.

Lại nữa, Sư tử giỡn chơi là như trong phẩm đầu nói: Bồ tát vào Tam muội ấy có thể làm quả đất chấn động sáu cách, làm cho hết thủy mười phương thế giới địa ngục nóng lạnh, kẻ mù được thấy, người điếc được nghe v.v...

Tam muội Diệu nguyệt là như trăng tròn trong sạch không có các chướng che, có thể trừ đêm tối. Tam muội này cũng như vậy. Bồ tát vào Tam muội ấy, hay trừ các tà kiến và vô minh che tối đối với các pháp.

Tam muội Nguyệt tràng tướng là như vị tướng của đại quân lấy tràng báu làm tượng mặt trăng, hề thấy tướng tràng ấy, người đều đi theo. Bồ tát vào trong Tam muội ấy, thông đạt các pháp không ngăn ngại, thấy đều đi theo.

Tam muội Xuất như pháp là Bồ tát được Tam muội ấy thời làm cho các Tam muội tăng trưởng; thí như mưa đúng thời, rừng cây tươi tốt.

Tam muội Quán đảnh là vào Tam muội ấy thời thấy được khắp Tam muội; như ở trên chóp núi, thấy hết mọi vật.

Tam muội Tất pháp tánh là pháp tánh không lượng không hai, khó có thể nắm giữ, vào Tam muội ấy, chắc chắn được định tướng; thí như hư không, không thể cư trú, được lực thần túc, thời có thể ở được.

Tam muội Tất tràng tướng là vào Tam muội ấy thời rất tôn trọng đối với các Tam muội; thí như quân tướng được cờ phướng, tiêu biểu vị đại tướng.

Tam muội Kim cang là thí như Kim cang phá hoại hết mọi vật, Tam muội này cũng như vậy, thông đạt đến các pháp, khiến các Tam muội mỗi mỗi đắc dụng; như xa cừ, mã não, lưu ly, chỉ có Kim cang xoi được.

Tam muội nhập pháp ấn là như người đi vào nước an ổn, có ấn tín thì được vào, không có ấn tín không được vào, Bồ tát được Tam muội ấy có thể vào trong thật tướng các pháp, đó là các pháp rốt ráo không.

Tam muội Vương an lập Tam muội là ví như đại vương an trú chánh điện, triệu các bầy tôi, thấy đều vâng mệnh; Bồ tát vào Tam muội vương, phóng ánh sáng lớn, triệu thỉnh mười phương, thấy đều tụ tập, lại sai hóa Phật khắp đến mười phương. An lập là thí như quốc vương an ổn ở chánh điện, thân tâm thản nhiên không chút sợ sệt

Tam muội Phóng quang là thường tu hỏa nhất thiết nhập (*một trong phép tu quán mười pháp biến nhập vào khắp cả mọi vật, gọi là phép tu mười nhất thiết nhập hay mười biến xứ - ND*) nên phát sinh lực thần thông, tùy ý phóng các ánh sáng màu sắc, theo chỗ ưa của chúng sinh, hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc không nóng không lạnh.

Tam muội Năng chiếu là ánh sáng có hai thứ: 1. Ánh sáng màu sắc. 2. Ánh sáng trí tuệ. Trú trong Tam muội ấy, chiếu các Tam muội không có tà kiến vô minh v.v...

Tam muội Lực tiến là trước đối với các pháp được năm thứ lực là tín v.v... vậy sau đối với các Tam muội được lực tự tại. Lại tuy ở Tam muội mà thường biến hóa thần thông, độ các chúng sinh.

Tam muội Cao xuất là Bồ tát vào Tam muội ấy, phước đức trí tuệ có được thấy đều tăng trưởng, các tánh Tam muội từ tâm mà ra.

Tam muội Tất nhập biện tài là trong bốn vô ngại biện, Tam muội tương ưng với từ biện tài. Bồ tát được Tam muội ấy, biết hết ngữ ngôn thứ lớp của chúng sinh và kinh sách, danh tự v.v... đều phân biệt được vô ngại.

Tam muội Thích danh tự là các pháp tuy không, mà dùng danh tự biện biệt nghĩa các pháp, khiến người được hiểu.

Tam muội Quán phương là đối với mười phương chúng sinh, lấy tâm từ bi thương xót bình đẳng xem xét.

Lại nữa, phương là tuân theo đạo lý gọi là được phương. Vì lực Tam muội ấy, đối với các Tam muội được đạo lý, ra vào tự tại vô ngại.

Tam muội Đà la ni ẩn là được Tam muội ấy, thời có thể phân biệt được các Tam muội, đều có Đà la ni.

Tam muội Vô cưỡng là có Tam muội phát sinh ái, giận, vô minh, tà kiến v.v... Tam muội này đối với các Tam muội hoàn toàn không có việc mê muội.

Tam muội Nhiếp chư pháp hải là biết hết thủy dòng nước đều chảy về biển, pháp ba thừa đều vào trong Tam muội này cũng như vậy. Lại các Tam muội khác đều vào trong Tam muội này, như bốn thiền, bốn định vô sắc thu nhiếp hết các giải thoát, định chín thứ lớp đều vào trong đó.

Tam muội Biến phú hư không là hư không vô lượng vô biên, lực Tam muội này hay trùm khắp hư không; hoặc ngồi kiết già phu, hoặc phóng ánh sáng, hoặc lấy âm thanh chứa đầy trong đó.

Tam muội Kim cang luân là như bánh xe chơn Kim cang, chỗ ở vô ngại, được Tam muội này, đối với các pháp đến được vô ngại.

Lại nữa, có thể phân biệt phần vị ranh giới các Tam muội, nên gọi là luân (bánh xe), luân là phần vị ranh giới.

Tam muội Bảo đoạn là như có thứ báu có thể làm sạch các báu; Tam muội này cũng như vậy, hay trừ các cấu như phiền não của Tam muội. Cấu như ngũ dục để trừ, các cấu như Tam muội khó trừ.

Tam muội Năng chiếu là được Tam muội này thời có thể lấy mười thứ trí tuệ (*Xem phẩm Mười một trí ở tập 2 – ND*) chiếu rõ các pháp, thí như mặt trời mọc chiếu rõ Diêm phù đề, mọi sự đều rõ ràng.

Tam muội Bất cầu là quán các pháp như huyễn hóa, tâm ái ba cõi dứt nên không mong cầu gì.

Tam muội Vô trú là Tam muội ấy gọi là Tam muội vô tác, trú ở Tam muội ấy quán các pháp niệm niệm vô thường, không có lúc ngưng trụ.

Tam muội Vô tâm tức là diệt tận định hoặc vô tướng định, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Vào trong Tam muội ấy, các tâm tâm số pháp không hiện hành.

Tam muội Tịnh đặng là, đặng là đèn trí tuệ, các phiền não gọi là như, lìa như thời tuệ thanh tịnh.

Tam muội Vô biên minh là, vô biên gọi là vô lượng vô số; sáng có hai: 1. Vì độ chúng sinh nên thân phóng hào quang. 2. Phân biệt tướng chung tướng riêng các pháp nên trí tuệ sáng suốt. Được Tam muội này hay chiếu vô biên thế giới ở mười phương và vô biên các pháp.

Tam muội Năng tác minh là hay làm sáng nơi các pháp, như đốt đuốc trong chỗ tối.

Tam muội Phổ chiếu minh là, ngọc báu của Chuyển luân Thánh vương, chiếu một do tuần ngoài bốn phía quân binh. Bồ tát được Tam muội ấy chiếu khắp mỗi mỗi môn các pháp.

Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội là Bồ tát được lực Tam muội ấy nên làm cho các Tam muội thanh tịnh cứng chắc.

Tam muội Vô cấu minh là, Tam muội tương ưng với ba môn giải thoát; được Tam muội ấy lìa hết thảy cấu như Tam muội, lìa hết thảy vô minh, tham ái v.v... cũng hay chiếu hết thảy các Tam muội.

Tam muội Hoan hỷ là được Tam muội ấy thời đối với pháp sinh vui hoan hỷ. Thế nào là hoan hỷ? Có người nói: Đó là Sơ thiền. Như Phật dạy có bốn tu định: 1. Tu Tam muội ấy được vui hiện tại hoan hỷ. 2. Tu định được biết thấy, thấy chúng sinh sinh tử. 3. Tu định được trí tuệ phân biệt. 4. Tu định được sạch hết lậu hoặc.

Lại nữa, được Tam muội ấy thời phát sinh vô lượng vô biên pháp lạc hoan hỷ.

Tam muội Điền quang là như chớp sáng tạm hiện ra, người đi thấy đường; được Tam muội ấy, bị mất đạo từ vô thủy đời đến nay trở lại được.

Tam muội Vô tận là được Tam muội ấy thời dứt các tướng vô thường của các pháp, tức vào bất sinh bất diệt.

Tam muội Oai đức là Bồ tát được Tam muội thời oai đức trang nghiêm.

Tam muội Ly tận là Bồ tát được Tam muội ấy thời chắc chắn được công đức thiện bản vô lượng vô số kiếp, quả báo không mất.

Tam muội Bất động là, có người nói: Thiền thứ tư là bất động. Ở trong cõi Dục vì ngũ dục nên động, trong Sơ thiền vì giác quán nên động, trong Nhị thiền vì mừng nhiều nên động, trong Tam thiền vui nhiều nên động, trong Tứ thiền lìa hơi thở ra vào, không có các tướng động nên bất động.

Có người nói: Bốn định vô sắc là bất động, vì lìa các sắc; có người nói diệt tận định là bất động, vì lìa tâm tâm số pháp; có người nói Tam muội tương ưng với trí tuệ biết thật tướng các pháp rốt ráo không, nên bất động; được Tam muội ấy đối với hết thảy Tam muội, hết thảy pháp hoàn toàn không hý luận.

Tam muội Bất thối là trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội thối chuyển. Luận giả nói Bồ tát trú ở Tam muội ấy thường không thối chuyển, tức là Tam muội tương ứng với trí tuệ bất thối. Bất thối là không đọa vào danh vị, như đã nói ở trong nghĩa đọa danh.

Tam muội Nhật đăng là được Tam muội ấy thời có thể chiếu mỗi mỗi môn của hết thảy pháp và các tam muội; ví như mặt trời mọc hay chiếu hết thảy Diêm phù đề.

Tam muội Nguyệt tịnh là như mặt trăng từ ngày 16 giảm dần đến ngày 30 là hết. Người phạm phu cũng như vậy, các công đức lành dần dần giảm hết phải đọa vào ba ác đạo; như mặt trăng từ ngày mồng 1 dần dần tăng trưởng, đến ngày 15 thì sáng suốt thanh tịnh. Bồ tát cũng như vậy. Được Tam muội ấy từ khi phát tâm đời đời dần tăng trưởng thiện căn cho đến được Vô sinh pháp nhẫn, được thọ ký, trí tuệ thanh tịnh, lợi ích chúng sinh. Lại hay phá vô minh trong các Tam muội.

Tam muội Tịnh minh là, sáng gọi là tuệ, cấu làm ngại. Được Tam muội ấy đối với các pháp không chướng ngại, vì vậy nên nơi đây Phật dạy: Trú trong Tam muội ấy được bốn trí vô ngại.

Hỏi: Sao Phật chỉ riêng ở trong đây đối với Tam muội nói bốn trí vô ngại?

Đáp: Ở trong Tam muội không có tâm giác quán, có thể vui nói (lạc thuyết vô ngại), trái với định việc ấy là khó, vì được lực Tam muội ấy nên được bốn trí vô ngại, nghĩa bốn trí vô ngại như trước nói.

Tam muội Năng tác minh là, sáng tức là trí tuệ, trong các trí tuệ, trí tuệ Bát nhã là tối đệ nhất. Tam muội tương ứng với Bát nhã ấy hay làm sáng.

Tam muội Tác hành là được lực Tam muội ấy hay phát khởi trước tiên là được các Tam muội.

Tam muội trí tướng là được Tam muội ấy thời thấy có tướng trí tuệ thật trong hết thảy Tam muội.

Tam muội Như Kim cang là được Tam muội ấy thời lấy trí tuệ thông đạt hết thảy pháp, cũng chẳng thấy thông đạt; vì dùng vô sở đắc vậy.

Hỏi: Ba thứ Tam muội, sao đều nói là tên Kim cang?

Đáp: Đầu nói Kim cương, giữa nói bánh xe Kim cương, sau nói như Kim cương. Tam muội như Kim cương Phật dạy xuyên suốt thấy pháp, cũng không thấy Tam muội Kim cương ấy thông suốt các Tam muội.

Tam muội Kim cương luôn là được Tam muội ấy hay giữ gìn các bánh xe Tam muội, đó đều là nghĩa của Phật dạy. Luận giả nói: Tam muội như Kim cương là có thể phá hết thấy các phiền não kiết sử, không còn dư sót, thí như trời Đế Thích tay cầm Kim cương phá quân A tu la, tức là tâm cuối cùng của học nhân. Từ tâm ấy thứ lớp được ba thứ Bồ đề, là Thanh văn Bồ đề, Bích chi Phật Bồ đề, Phật Vô thượng Bồ đề. Tam muội Kim cương là có thể phá hết thấy pháp vào Vô dư Niết bàn, không còn thọ thân sau, ví như chơn Kim cương có thể phá các núi làm cho diệt sạch không còn. Bánh xe Kim cương là Tam muội này hay phá hết thấy pháp, không ngăn ngại, ví như bánh xe Kim cương lúc chuyển đi không gì không phá, không bị chướng ngại.

Lại nữa, đầu là Kim cương, hai là bánh xe Kim cương, ba là như Kim cương. Danh tự khác nhau, Phật dạy nghĩa nó cũng khác nhau. Luận giả giải thích nhân duyên nó cũng khác, nên không nên cật nạn.

Tam muội Tâm trú là tâm tướng nhẹ nhanh, đi xa, vô hình, khó chế khó giữ, thường lay động như con khỉ; lại như điện chớp, cũng như lưỡi rắn. Được Tam muội này có thể thâm nhiếp làm cho trú lại, cho đến trước dục lạc cõi trời, tâm cũng không động chuyển, hưởng gì dục lạc cõi người.

Tam muội Phổ minh là được Tam muội ấy thời nơi hết thấy pháp thấy tướng quang minh, không có tướng tối ám, như thấy ban ngày; thấy ban đêm cũng vậy; thấy trước thấy sau, thấy trên, thấy dưới cũng như vậy. Trong tâm vô ngại, do tu Tam muội ấy nên được thiên nhãn thông, khắp thấy ánh sáng, rõ ràng vô ngại. Khéo tu thần thông ấy nên được thành tuệ nhãn, chiếu khắp các pháp, thấy rõ không ngại.

Tam muội An lập là được Tam muội ấy thời an lập bền chắc trong hết thấy công đức thiện pháp. Như núi Tu di ở giữa biển lớn, an lập bất động.

Tam muội Bảo tụ là được Tam muội ấy, thời quốc độ có được đều thành bửu báu.

Hỏi: Điều đó mắt thịt thấy, hay thiên định thấy?

Đáp: Mắt trời, mắt thịt đều có thể thấy, vì sao? Vì sáu trần bên ngoài bất định, hành giả thường tu tập thiền định nên có thể chuyển đổi bốn tướng nó.

Tam muội Diệu pháp ấn là, diệu pháp là công đức và trí tuệ thâm diệu của chư Phật Bồ tát. Được Tam muội ấy là được các công đức và trí tuệ thâm diệu.

Tam muội Pháp đẳng là đẳng có hai: 1. Chúng sinh bình đẳng, 2. Pháp bình đẳng. Tam muội tương ứng với pháp đẳng, gọi là pháp đẳng.

Tam muội Đoạn hỷ là được Tam muội ấy thời quán các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... tâm sinh nhàm lìa. Trong mười tướng (xem chương 34 tập I I). Tam muội này tương ứng với tướng hết thấy thế gian không thể vui.

Tam muội Đáo pháp đỉnh là, pháp là pháp Bồ tát, nghĩa là sáu Ba la mật. Đến trong Bát nhã ba la mật, được lực phương tiện, đến đỉnh núi pháp. Được Tam muội ấy có thể trú ở đỉnh núi pháp ấy, các vô minh phiền não không thể làm lay động.

Tam muội Năng tán là được Tam muội ấy thời có thể phá tán các pháp, đây là Tam muội tương ứng với tán không (xem chương 18 Không).

Tam muội Phân biệt chư pháp cú là được Tam muội ấy thời có thể phân biệt ngữ ngôn tự cú của hết thấy pháp, vì chúng sinh thuyết ngôn từ không trệ ngại. Đây là Tam muội tương ứng với trí lạc thuyết vô ngại.

Tam muội Tự đẳng tướng là được Tam muội ấy thời quán các chữ, các ngữ đều bình đẳng, trách mắng hay tán thán, không có ghét thương.

Tam muội Ly tự là được Tam muội thời không thấy chữ ở trong nghĩa, cũng không thấy nghĩa ấy ở trong chữ.

Tam muội Đoạn duyên là được Tam muội ấy, thời hoặc trong hoặc ngoài, đối với vui không sinh mừng, đối với khổ không sinh giận, đối với không khổ không vui không sinh tâm không biết mà xả. Đối với ba thọ ấy xa lìa không vướng mắc, thời tâm qui về tịch diệt, tâm nều diệt thì duyên cũng diệt.

Tam muội Bất hoại là Tam muội tương ứng với duyên pháp tánh rất ráo không, hý luận không phá được, vô thường không chuyển được, vì trước đã hoại rồi.

Tam muội Vô chủng tướng là được Tam muội ấy thời không thấy các pháp có mỗi mỗi tướng, chỉ thấy một tướng, đó là vô tướng (không có tướng).

Tam muội Vô xứ hành là được Tam muội ấy thời biết lửa ba độc đốt ba cõi nên tâm không nương dựa, còn Niết bàn rất ráo không nên cũng không nương dựa.

Tam muội Ly môn muội là được Tam muội ấy, ở trong các Tam muội thứ vô minh vi tế che ngăn đều trừ hết.

Tam muội Vô khứ là được Tam muội ấy thời không thấy tướng đi lại của hết thầy pháp.

Tam muội Bất biến dị là được Tam muội ấy thời quán hết thầy pháp, nhân không biến làm quả, như sữa không biến thành lạc, vì các pháp đều ở trong tự tướng, bất động.

Tam muội Độ duyên là được Tam muội ấy thời các phiền não nơi sáu trần dứt hết, vượt qua biển lớn sáu trần, cũng có thể vượt qua hết thầy duyên Tam muội, phát sinh trí tuệ.

Tam muội Tập chư công đức là được Tam muội ấy thời nhóm các công đức, từ lòng tin đến trí tuệ, đầu đêm cuối đêm tu tập không ngừng, như mặt trời mặt trăng vận chuyển, chưa bao giờ ngừng nghỉ.

Tam muội Trú vô tâm là vào trong Tam muội ấy, thời không theo tâm, chỉ theo trí tuệ, đến trú trong thật tướng các pháp.

Tam muội Tịnh diệu hoa là hoa trên cây rộ nở, làm cho cây nghiêm sức, được Tam muội ấy, trong các Tam muội mở ra các công đức để trang nghiêm.

Tam muội Giác ý là được Tam muội ấy thời khiến các Tam muội biến thành vô lậu, tương ứng với bảy giác chi, ví như một cân nhựa đá có thể biến ngàn cân đồn thành vàng.

Tam muội Vô lượng biện tức là lạc thuyết vô ngại biện, được lực Tam muội ấy cho đến chỉ vui nói một câu trải vô lượng kiếp mà không cùng tận.

Tam muội Vô đẳng đẳng là được Tam muội ấy xem hết thấy chúng sinh đều như Phật, xem hết thấy pháp đều đồng Phật pháp, vô đẳng đẳng, đó là tương ứng với Bát nhã ba la mật.

Tam muội Độ chư pháp là vào ba cửa giải thoát, ra khỏi ba cõi, độ chúng sinh ba thừa.

Tam muội Phân biệt chư pháp tức là Tam muội tương ứng với phân biệt tuệ. Được Tam muội ấy thời phân biệt các pháp tướng thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi.

Tam muội Tán nghi là có người nói: Tức là Tam muội vô tướng trong Kiến đế đạo, vì Tam muội tương ứng với Trí kiến để dứt nghi kiết. Có người nói: Đây là Tam muội tương ứng với Vô sinh pháp nhẫn. Bấy giờ lướt nghi đối với hết thấy pháp đều dứt, thấy mười phương chư Phật, được thật tướng các pháp. Có người nói: Đây là Tam muội tương ứng với vô ngại giải thoát, chư Phật được Tam muội ấy đã đối với các pháp đều vô ngại, không gần không xa, như xem bàn tay.

Tam muội Vô trú xứ tức là Tam muội tương ứng với trí tuệ không lãnh thọ, được Tam muội ấy không thấy hết thấy pháp có trú xứ nhất định.

Tam muội Nhất trang nghiêm là được Tam muội ấy thời xem hết thấy pháp đều một, hoặc hết thấy pháp có tướng nên một, hoặc hết thấy pháp không có tướng nên một, hoặc hết thấy pháp không nên một, như vậy vô lượng đều một. Vì trí tuệ nhất tướng trang nghiêm tam muội ấy, nên nói là nhất trang nghiêm.

Tam muội Sinh hành là, hành gọi là quán, được tam muội ấy, thời hay quán các hành tướng, tướng vào, tướng trú, tướng ra. Lại hành ấy đều không, cũng không thể thấy.

Tam muội Nhất hành là được Tam muội ấy thời thường nhất hành, trong tam muội tương ứng với rốt ráo không, không còn các hành thứ lớp khác. Như trong vô thường hành, theo đấy có khổ hành, trong khổ hành thứ đến có vô ngã hành. Lại Bồ tát đối với tam muội ấy không thấy bờ này, không

thấy bờ kia. Tướng vào các tam muội là bờ này, tướng ra là bờ kia; tướng mới được là bờ này, tướng diệt là bờ kia.

Tam muội Bất nhất hành là trái với hành ở trên, đó là các hành tướng quán khác.

Tam muội Diệu hành tức là Tam muội tương ưng với rốt ráo không (một trong 18 không), cho đến không thấy không hai tướng, hết thấy trí luận không thể phá.

Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán là, hữu là ba cõi, để là phi hữu tướng phi vô tướng, vì khó đến nên gọi là để; đạt là lấy trí tuệ vô lậu xa lìa cho đến phi hữu tướng phi vô tướng mà vào Vô dư Niết bàn, ba cõi, năm uẩn đều là tán diệt.

Lại nữa, Bồ tát được trí tuệ bất sinh bất diệt ấy thời hết thấy các cõi được thông đạt và tán diệt, đều không có gì.

Tam muội Nhập danh tự ngữ là được Tam muội ấy thời biết hết thấy danh tự của hết thấy chúng sinh, hết thấy vật, hết thấy pháp, cũng lấy danh tự ấy nói giáo hóa người, hết thấy danh tự đều hiểu rõ hết, đều có thứ lớp.

Tam muội Ly âm thanh tự ngữ là được Tam muội ấy thời quán hết thấy các pháp đều không có âm thanh ngôn ngữ, tướng thường tịch diệt.

Tam muội Nhiên cụ là như cầm đuốc đi đêm, không rơi chỗ hiểm, Bồ tát được Tam muội ấy, dùng đuốc trí tuệ không làm không dính đối với các pháp.

Tam muội Tịnh tướng là được Tam muội ấy thời có thể thanh tịnh đầy đủ, trang nghiêm 32 tướng, lại có thể đúng như quán pháp tướng chung tướng riêng các pháp, cũng có thể quán các pháp thanh tịnh vô tướng, tức là không, vô tướng, vô tác, như phẩm Tướng nói rộng.

Tam muội Phá tướng là được Tam muội ấy thời không thấy tướng hết thấy pháp hưởng gì tướng các Tam muội, đây tức là vô tướng Tam muội.

Tam muội Nhất thiết hữu diệu tức là được Tam muội ấy thời lấy các công đức trang nghiêm đầy đủ, dòng họ tốt, gia đình tốt, thân tốt, quyến thuộc tốt; thiên định, trí tuệ đều đầy đủ, thanh tịnh.

Tam muội Bất hỷ khổ lạc là được Tam muội ấy thời xem cái vui về thế gian nhiều lỗi nhiều lo, hư vọng điên đảo, không thể ưa vui, xem cái khổ thế gian như bệnh như mũi tên vào thân, tâm không mừng vui, vì hết thấy pháp hư dối, chẳng cầu cái vui đó, vì sao? Vì lúc khác biến đổi là khổ; vui còn chẳng mừng hưởng gì đối với khổ.

Tam muội Vô tận tướng là được Tam muội ấy thời xem hết thấy pháp không hoại không tận.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không rơi vào chấp bên thường?

Đáp: Cũng như Bồ tát tuy quán vô thường cũng không rơi vào chấp đoạn, hoặc quán chẳng cùng tận không rơi trong chấp thường. Hai tướng ấy, đều không thể có được nơi các pháp. Có nhân duyên nên tu hành, nghĩa là vì tội phước chẳng mất nên nói thường, vì lìa chấp trước nên nói vô thường.

Tam muội Đa Đà la ni là được lực Tam muội ấy, thời các Đà la ni như Văn trì Đà la ni v.v... đều tự nhiên được.

Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng là được Tam muội ấy thời chẳng thấy ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định, nhất tâm nhiếp lấy hết không bỏ nhóm nào. Lại nơi các pháp không thấy tướng chánh nhất định, tướng tà nhất định, vì các pháp không có tướng nhất định.

Tam muội Diệt tăng ái là được Tam muội ấy thời đối với pháp khả hỷ không sinh yêu, đối pháp khả ố không sinh giận.

Tam muội Nghịch thuận là được Tam muội ấy thời đối với các pháp nghịch thuận tự tại. Có thể phá chúng sinh tà nghịch, có thể thuận theo chúng sinh đáng được hóa độ. Lại lìa chấp trước nên phá hết thấy pháp, vì căn lành tăng trưởng nên thành hết thấy pháp, cũng chẳng thấy các pháp nghịch thuận, việc ấy cũng không thấy, vì không có vậy.

Tam muội Tịch quang là được Tam muội ấy thời các cấu như phiền não đối với các pháp không thể có được, vì không thể có được vậy, nên các Tam muội đều thanh tịnh.

Tam muội Kiên cố là, có người nói tức là Kim cương Tam muội, vì kiên cố không hoại. Có người nói: Kim cương không phải, vì Kim cương cũng dễ phá. Đây là Tam muội tương ứng với trí biết thật tướng các pháp, không thể phá hoại như hư không, vì vậy nên gọi là kiên cố.

Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang là được Tam muội ấy thời lời nói thanh tịnh, không sai lầm, như mùa thu hư không trong sáng sạch, trăng tròn sáng chói mát mẻ đáng ưa, không chi đáng ghét. Bồ tát cũng như vậy, tu các công đức như trăng tròn phá tối vô minh nên tịnh trí sáng suốt đầy đủ; dứt lửa ưa, giận v.v... nên công đức mát mẻ đầy đủ; làm lợi ích cho chúng sinh nên đáng ưa.

Tam muội Đại trang nghiêm là thấy mười phương thế giới số như hằng hà sa, lấy hoa hương bảy báu trang nghiêm, Phật ở trong đó trang nghiêm thanh tịnh như vậy, được Tam muội ấy nên cùng một lúc trang nghiêm các công đức. Lại xem sự trang nghiêm đó rộng không không có gì, tâm không dính mắc.

Tam muội Năng chiếu nhất thiết thể là được Tam muội ấy nên có thể chiếu soi ba thứ thế gian là chúng sinh thế gian, trú xứ thế gian (khí thế gian) và ngũ uẩn thế gian.

Tam muội Đẳng Tam muội là được Tam muội ấy, quán các Tam muội đều nhất đẳng, nghĩa là nhiếp tâm tướng. Tam muội ấy đều từ nhân duyên sinh, pháp hữu vi tạo tác, không có cạn sâu, được Tam muội ấy thấy đều bình đẳng, ấy gọi là đẳng, cùng các pháp khác cũng bình đẳng không khác. Vì vậy nên theo nghĩa nói trong hết thấy pháp, tướng định, tướng loạn không thể có được.

Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh là được Tam muội ấy thời không thấy pháp ấy có tướng như vậy, pháp ấy không có tướng như vậy, không phân biệt các pháp hữu tránh vô tránh, đối với hết thấy pháp thông đạt vô ngại, đối với hết thấy chúng sinh cũng không tranh luận tốt xấu, chỉ theo tâm hành của chúng sinh mà độ thoát. Được Tam muội ấy nên đối với các Tam muội tùy thuận không nghịch.

Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ là được Tam muội ấy thời không ưa ở thế gian, không ưa ở phi thế gian, vì thế gian vô thường nên không ưa,

trong phi thể gian thời không có hết thủy pháp, là chỗ đáng sợ không nên sinh ưa vui.

Tam muội Như trú định là được Tam muội ấy thời biết tướng như thật của hết thủy pháp, không thấy có pháp gì quá hơn tướng như như ấy. Nghĩa như như, như trước đã nói.

Tam muội Hoại thân suy là máu thịt xương gân v.v... hòa hợp gọi là thân, thân ấy nhiều hoạn nạn, thường đấu tranh với đói, lạnh, nóng; ấy gọi là thân suy. Được Tam muội ấy nên dùng lực trí tuệ phá hoại từng phần tướng thân suy, cho đến không thấy tướng không thể có được.

Tam muội Hoại ngữ như hư không là, ngữ gọi là gió phát ra bên trong, chạm vào bảy chỗ nên có tiếng, nương tiếng nên có ngữ. Quán nhân duyên của ngữ ngôn như vậy nên hay phá ngữ ngôn, không sinh ngã tướng và ghét thương. Có người nói: Nhị thiên không có giác quán, đó là Tam muội hoại ngữ, hiền thánh im lặng. Có người nói: Đó là Tam muội định vô sắc, ở đây không có thân, lìa hết thủy sắc. Có người nói: Đó chỉ là Tam muội của các Bồ tát, hay phá thân bất tịnh do kiết nghiệp nhân duyên đời trước tạo ra mà thọ lấy pháp thân, tùy chúng sinh đáng được độ mà hiện các hình tướng.

Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm là, Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, quán các pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt; như hư không không vật gì ví dụ được. Độn căn Bồ tát đấm trước hư không ấy, được Tam muội này nên lìa nhiễm trước các pháp hư không, cũng không nhiễm trước

Tam muội ấy; như người bị sa trong bùn được có người kéo ra, khóa chân bắt làm nô bộc; có Tam muội được lìa khỏi nhiễm trước hư không nhưng lại nhiễm trước Tam muội thời cũng như vậy. Nay Tam muội này có thể lìa nhiễm trước hư không, hư không cũng tự lìa nhiễm trước.

Hỏi: Phật phần nhiều nói về Tam muội, sao ông chỉ nói các pháp?

Đáp: Phật nói nhiều về quả báo, Luận giả thì hợp cả nhân duyên và quả báo để nói, ví như người quán thân bất tịnh, được Tam muội bất tịnh; thân là nhân duyên, Tam muội là quả. Lại như người quán năm uẩn vô thường, khổ, không v.v... mà được Tam muội bảy giác ý, có thể sinh tám Thánh đạo, bốn quả Sa môn.

Lại nữa Phật thích ứng theo chúng sinh chỉ nói một pháp, Luận giả nói rộng ra, phân biệt các việc; thí như hết thảy hữu lậu đều là nhân của khổ, song Phật chỉ nói ái là nhân của khổ; hết thảy phiền não diệt gọi là Diệt đế, song Phật chỉ dạy ái tận. Bồ tát ấy đối với các quán hạnh chắc chắn không nghi, nhưng đối với các Tam muội thì chưa rõ, nên Phật chỉ nói Tam muội. Luận giả nói các pháp, mà hết thảy Tam muội đều ở trong đó. Cuối các Tam muội đều nên nói “dùng vô sở đắc”, vì đồng Bát nhã vậy.

Như vậy vô lượng vô biên Tam muội hòa hợp lại gọi là Ma ha diễn.

(Hết cuốn 47 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 48

GIẢI THÍCH: PHẨM BỒN NIỆM XỨ THỨ 19

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Quảng Thừa)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Niệm Trú Đăng 17)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi trong nội thân quán theo thân, cũng không có giác tưởng về thân, vì không thể có được. Nơi trong ngoại thân, nội ngoại thân quán theo thân, cũng không có giác tưởng về thân, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian. Nội thọ, nội tâm, nội pháp; ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp; nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, quán theo pháp, cũng không có giác tưởng về pháp, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

Tu bồ đề! Thế nào Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân? Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát khi đi biết đi, khi đứng biết đứng, khi ngồi biết ngồi, khi nằm biết nằm, đúng như sở hành của thân, biết như vậy. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát như vậy nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát hoặc đến, đi, xem, ngó thường nhất tâm; eo, duỗi, cúi, ngược, mặc y Tăng già lê, cầm giữ y bát, uống ăn, nằm nghỉ, ngồi đứng, ngủ thức, nói năng, im lặng, vào thiền, ra thiền, cũng thường nhất tâm. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi nơi nội thân quán theo thân, nhất tâm nhớ nghĩ: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn; ví như thợ thiết hoặc học trò thợ thiết, dây dài biết dài, dây ngắn biết ngắn; Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, nhất tâm niệm tưởng: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài, biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn. Như vậy, Tu bồ đề! Nơi nội thân quán theo thân. Siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán thân tứ đại, nghĩ rằng trong thân có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại; ví như người giết trâu hoặc học trò người giết trâu, dùng dao giết trâu chia làm bốn phần, chia bốn phần xong, hoặc đứng hoặc ngồi, nhìn xem bốn phần ấy. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, lúc tu Bát nhã ba la mật, quán thân bốn đại, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân từ chân đến đỉnh da mỏng bọc quanh, đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, nghĩ rằng trong thân có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, máu, xương, tủy, lá lách, thận, tim, gan, phổi, tiểu tràng, đại tràng, dạ dày, bóng đái, nước tiểu, phân, cấu bần, mồ hôi, nước mắt, nước dãi, nhũ, mủ, máu, đàm vàng trắng, mỡ não, ruột, màng mỏng; thí như trong kho của điền phu chứa đầy tạp cốc, đủ thứ lúa, mè, lúa mạch, đậu. Người mắt sáng mở kho liền biết đó là mè, là lúa mạch, lúa nếp, đậu, phân biệt rõ ràng. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, quán thân này từ chân đến đỉnh, da mỏng bọc quanh đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, tóc, lông, móng, răng, cho đến não, màng mỏng. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, một ngày hai ngày, cho đến năm ngày, phình trướng bầm xanh, nước mủ tươm ra, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, ta chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ hoặc sáu ngày hoặc bảy ngày bị quạ, diều, kên kên, lang, sói, chồn, chó, các loài cầm thú như vậy cấu xé dành ăn. Tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, cầm thú dành ăn, bất tịnh rã thúi, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó... cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương, máu thịt vấy nhớp, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương máu thịt đã rã hết, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy chưa thoát khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu thấy thân người chết vứt bỏ, vòng khóa xương đã tan rã trên đất, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, xương rã trên đất, xương chân một nơi; xương hông, xương gân, xương lưng, xương tay, xương đỉnh, đầu lâu mỗi thứ ở mỗi nơi; tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp ấy. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, lâu năm gió thổi, mặt trời nóng, sắc trắng như vỏ ốc, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Luận. Hỏi: Trong bốn niệm xứ có nhiều cách quán, cứ sao chỉ nói mười hai lối quán là quán hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài?

Lại nữa, thế nào là trong, thế nào là ngoài; quán trong và ngoài xong, cứ gì còn nói riêng trong ngoài?

Lại nữa, trong bốn niệm xứ, một niệm xứ là trong, nhiếp về pháp trong là tâm; hai niệm xứ là ngoài, nhiếp về pháp ngoài là thọ và pháp; một niệm xứ là trong ngoài nhiếp về pháp trong ngoài là thân, cứ sao nói bốn pháp đều là trong, đều là ngoài, đều là trong ngoài? Sao không chỉ nói quán thân mà nói quán theo thân? Tại sao quán thân mà không sinh giác tưởng về thân, cứ sao nói siêng tinh tấn nhất tâm? Ba mươi bảy đạo phẩm đều nên nói nhất tâm, cứ sao chỉ trong đây nói nhất tâm? Trong đây nếu khi tu

hành bốn niệm xứ, hết thấy năm triền cái đều trừ, có sao chỉ nói trừ tham? Sự vui mừng của thế gian cũng có thể chướng ngại đạo, có sao chỉ nói trừ ưu? Quán thân có các tính vô thường, khổ, không, vô ngã, có sao nay chỉ nói quán thân bất tịnh? Nếu chỉ quán bất tịnh, có sao còn niệm tưởng bốn oai nghi của thân? Việc ấy dễ biết, đâu đủ để hỏi?

Đáp: Hành giả từ mười hai lối quán ấy mà được định tâm. Từ trước lại đây ba thứ tà hạnh hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài, phá ba thứ tà hạnh cho nên có ba thứ chánh hạnh. Có người nhiễm đắm nội tình nhiều, nhiễm đắm ngoại tình ít, như người vì bản thân nên có thể bỏ vợ con, thân thuộc bảo vật. Có người nhiễm đắm ngoại tình nhiều, nhiễm trước nội tình ít, như người vì tham của mà tan thân, vì dục mà mất mạng. Có người nhiễm đắm nội ngoại tình nhiều, nên nói ba thứ chánh hạnh.

Lại nữa, tự thân gọi là nội thân, tha thân gọi là ngoại thân. Chín thọ nhập gọi là nội thân, chín chẳng thọ nhập gọi là ngoại thân, năm căn nhãn, nhĩ v.v... gọi là nội thân, năm trần sắc, thanh v.v... gọi là ngoại thân, phân biệt nội ngoại như vậy. Hành giả trước dùng trí tuệ quán nội thân bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, tìm chẳng thấy được thân ấy tướng tốt hoặc tướng tịnh, hoặc tướng thường, hoặc lạc, hoặc ngã, hoặc thật. Nội thân đã không thể có được, lại quán ngoại thân tìm tướng tịnh, thường, ngã, lạc, thật thì cũng không thể có được. Nếu không có được bèn sinh nghi: Khi ta quán nội thời đối với ngoại hoặc lầm, khi quán ngoại đối với nội hoặc lầm, nay nội ngoại cùng quán một lần, cũng có thể có được. Lúc ấy tâm được chánh định, biết thân này bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung, như ghẻ, chín chỗ tươm chảy như nhớt, đó là hàm xí, không lâu bị phá hoại, lìa tan, tận diệt, tướng chết. Thường có các khổ vây quanh như đói khát, lạnh, nóng, roi gậy, trói giam, mắng nhiếc, chê bai, già bệnh v.v... không được tự tại. Bên trong rỗng không, vô chủ, không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm, kẻ chịu; các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp nên có, tự sinh tự diệt, không lệ thuộc đâu, giống như cây cỏ, thế nên nội ngoại cùng quán. Các nghĩa nội ngoại khác như đã nói trong chương Mười tám không.

Quán theo thân là tìm theo quán sát biết nó bất tịnh, suy già, bệnh chết, rã hoại hôi hám, xương gân mục nát, tiêu mòn trở về đất, như thân ta đây, da mỏng phủ kín, làm cho người cuồng mê lo sợ muôn mối, vì vậy nên theo

dối thân tướng trong ngoài, quán sát gốc ngọn. Lại, là như Phật nói cách quán theo thân.

Không sinh giác tướng về thân là không thủ lấy tướng một, khác của thân mà sinh hý luận. Chúng sinh ở nơi thân khởi lên các giác tướng, có người sinh giác tướng cho là tịnh, có người sinh giác tướng cho là bất tịnh, có người sinh sân giác, nhớ tội lỗi người khác. Có người quán thân này, thân là pháp gì? Bên các thân phần là một, là khác, không sinh các giác tướng như vậy, vì sao? Vì không có lợi ích gì, chỉ làm ngăn ngại Niết bàn.

Lại nữa, kẻ phàm phu, hàng Thanh văn thủ lấy thân tướng mà quán thân, còn Bồ tát chẳng thủ lấy thân tướng mà quán thân.

Siêng tinh tấn nhất tâm là việc đòi khéo léo tiện lợi, từ đòi vô thủ lại đây, thường lập thường làm, như ly biệt người thường dễ, ly biệt tri thức thì khó; ly biệt tri thức dễ, ly biệt cha con khó, ly biệt cha con dễ, tự lìa thân mình khó, tự lìa thân mình dễ, lìa tâm mình khó, tự không nhất tâm siêng tinh tấn thời việc ấy không thể làm được; ví như cưa cây lấy lửa, nhất tâm siêng năng không ngừng không nghỉ mới có thể được lửa, thế nên nói nhất tâm siêng tinh tấn.

Trừ tham ưu thế gian là lòng tham trừ thời năm triền cái sạch hết; giống như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thời các mắt khác đều đi suốt.

Lại nữa, hành giả xa lìa năm dục, xuất gia học đạo, đã bỏ cái vui thế gian, chưa được cái vui thiền định, hoặc thời tâm sinh niệm lo ưu, như cá ưa nước, tâm tướng như vậy, thường tìm sự vui, trở lại nhớ điều dục lạc xưa. Hành giả hay sinh hai tâm ấy cho nên Phật nói nên trừ tham ưu. Nói tham tức nói vui mừng thế gian; vì nó tương ưng.

Ban đầu quán bất tịnh là thân người bất tịnh, vì da mỏng che, nên trước sinh tướng tịnh, sau mới sinh các tướng điên đảo khác. Vì vậy nên đầu tiên nói quán bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh phần nhiều đắm tham dục, thủ lấy tướng tịnh, còn sân nhuế, tà kiến thời không như vậy, nên trước trị tham dục phải quán bất tịnh.

Niệm bốn oai nghi của thân là trước muốn phá giấc thân, người được nhất tâm, mọi việc làm đều được thành tựu, vì vậy nên trước tìm tòi việc của

thân làm, sở hành, đến đi, ngủ thức, tọa thiền, quán việc thân làm, thường nhất tâm an tường, không làm không loạn, quán sát bất tịnh như vậy, vì Tam muội về bất tịnh dễ được. Thân tuy an tường mà bên trong có nhiều ác giác quán, làm phá hoại rối loạn tâm kia, vì vậy nên nói niệm hơi thở ra vào mười sáu cách để trừ giác quán. Nghĩa niệm hơi thở ra vào như trước đã nói.

Thân đã an tường, tâm không làm loạn, vậy sau tu quán bất tịnh mới an ổn bền chắc. Nếu trước tu quán bất tịnh, vì cuồng tâm rối loạn nên bất tịnh trở thành tướng tịnh. Trong Phật pháp, hai pháp này gọi là cửa cam lồ ban đầu.

Quán bất tịnh là Bồ tát ma ha tát quán thân như cây cỏ đá ngói không khác. Bốn đại ngoài thân biến làm đồ uống ăn, chứa đầy trong thân, phần cứng là đất, ướt là nước, nóng là lửa, động là gió. Bốn phần ấy vào bên trong tức là thân; trong bốn phần ấy đều không có ngã, không có ngã sở, đi theo bốn tướng vô thường sinh, già, bệnh, chết, không theo ý người. Khổ, không cũng như vậy, hoặc ngồi hoặc đứng, nằm thời biếng nhác, thân không động tâm cũng không động; đi thời tâm loạn, tâm không tịnh thân cũng không tịnh. Muốn lấy việc mắt thấy ví việc không thấy, nên nói ví dụ: Trâu ví dụ cho thân hành giả, kẻ mổ trâu ví dụ cho hành giả, dao ví dụ cho trí tuệ sắt bén, cướp mạng trâu ví dụ cho phá một tướng thân. Bốn phần ví dụ cho bốn đại. Người mổ trâu quán sát trâu bốn phần, không còn có trâu riêng, cũng chẳng phải là trâu. Hành giả quán thân do bốn đại cũng như vậy. Bốn đại ấy không gọi là thân, vì sao? Vì đại có bốn mà thân chỉ là một. Lại, bốn đại là tổng tướng, thân là biệt tướng; nếu bốn đại ở ngoài thì không gọi là thân, khi vào trong thân, giả gọi là thân. Ngã không ở trong bốn đại, bốn đại không ở trong ngã. Ngã cách bốn đại xa, chỉ vì điên đảo vọng chấp là thân. Dùng trí tuệ phân tán thành không ấy, mà phân biệt bốn đại và tạo sắc, vậy sau vào ba niệm xứ kia, được vào đạo. Lại thân này từ chân đến tóc, từ tóc đến chân, da mỏng bọc quanh; suy nghĩ ngược xuôi không có một chỗ tịnh, tóc lông cho đến não, màng, nói lược thời có 36 thứ bất tịnh, nói rộng thời rất nhiều.

Kho lúa ví dụ cho thân, nông phu ví dụ cho hành giả, ruộng gieo lúa ví dụ cho thân nghiệp nhân duyên của hành giả, gặt lúa vào kho ví dụ cho nhân duyên của hành giả thành thực thọ thân; lúa, mè, lúa tẻ, đậu ví dụ cho các thứ bất tịnh trong thân. Nông phu mở kho liền biết lúa, mè, lúa tẻ. Đậu, các thứ khác nhau, cũng như vậy. Ấy là hành giả quán bất tịnh. Lấy mắt tuệ

kho thân thấy biết trong thân này đầy dẫy bất tịnh; chắc chắn sẽ tan hoại do vì kẻ khác hại hoặc do tự chết, trong thân này chỉ có phân, nước dãi bất tịnh, các thứ xấu xa hiện lộ.

Đã quán nội thân bất tịnh, nay quán ngoại thân bại hoại. Thế nên nói hai thứ bất tịnh: Một là đã hoại, hai là không hoại. Nay quán thân mình chưa hoại còn có sự hiểu biết. Nếu người kiết sử mỏng, lợi căn thời sinh tâm nhàm chán, còn người độn căn kiết sử dày, thấy người chết đã hoại, đáng sợ đáng ghét. Nếu chết một ngày đến năm ngày, bà con còn thủ hộ, khi ấy cầm thú chưa ăn, bầm xanh sinh trướng, mủ máu tươm chảy, bụng phình phá vỡ, nằm tạng nát hoại, phân nước tiểu hôi thối rất đáng chán ghét. Hành giả nghĩ rằng sắc thân này trước đẹp; đi lại, nói năng đẹp lộng lẫy, dáng dấp thù mỹ, mê hoặc lòng người, người dâm dăng ưa đắm. Nay xem chẳng thấy sắc đẹp ở đâu, như Phật từng dạy, thật là pháp huyễn, chỉ dối mắt người vô trí. Sự thật ngày nay lộ hiện, hành giả liền nghĩ thân ta với thân người chết kia không khác, chưa thoát khỏi nó, làm sao tự mình mê đắm và mê đắm người khác? Lại cũng tại sao trọng mình khinh người? Quán được như vậy thời tâm điều phục, có thể cầu đạo, trừ được tham ưu thế gian.

Lại suy nghĩ thân ấy khi mới chết, chim thú trông thấy bảo chẳng phải người chết, không dám đến gần, vì vậy nên nói qua sáu, bảy ngày, thân thối đã đi hết, thì loài chim, kên kên, chồn, dành đến xé ăn. Da thịt đã hết, ngày ngày đổi khác, vì vậy nên nói chỉ có người xưa. Thấy rõ như vậy, càng sinh tâm nhàm chán, nghĩ rằng tim gan, da thịt này thật không có ngã, chỉ do thân này tập hợp nhân duyên tội phước thọ khổ vô lượng. Liền tự nghĩ thân ta không bao lâu sẽ phải như vậy, chưa lìa khỏi điều đó. Hoặc có khi hành giả thấy xương người trên đất, nước mưa dội, ngâm nắng phơi gió thổi, chỉ còn xương trắng; hoặc thấy xương gân lâu ngày đứt ra, đốt xương rã, phân tán mọi nơi, sắc trắng như bò câu, hoặc mục nát tiêu hoại, đồng màu đất. Lúc đầu quán 36 vật bất tịnh, thấy chết sinh trướng, một ngày đến năm ngày, ấy là quán bất tịnh. Chim thú đến ăn cho đến đồng màu đất, ấy là quán vô thường. Trong đó tìm ngã và ngã sở không thể có được, như trước nói do nhân duyên sinh, không tự tại, ấy là quán phi ngã. Quán thân tướng như thế không điều gì đáng vui, nếu đắm trước thời sinh ưu khổ, ấy là quán khổ.

Lấy bốn thánh hạnh quán bất tịnh, vô thường, vô ngã, khổ để quán ngoại thân, tự biết thân mình cũng như vậy, vậy sau quán chung cả trong ngoài.

Nếu tâm toán loạn, nên nghĩ đến sự khổ già, bệnh, chết trong ba đường ác, thân mạng vô thường, Phật pháp sắp diệt. Như vậy, đánh tâm làm cho nép xuống, buộc trở lại vào trong quán bất tịnh; ấy gọi là siêng tinh tấn. Nhất tâm siêng tinh tấn nên trừ được tham ưu. Hai giặc tham ưu cướp pháp bảo của ta, hành giả nghĩ rằng thân này vô thường, bất tịnh đáng ghét, như thế cơ sao chúng sinh tham đắm thân này để khởi lên các nhân duyên tội lỗi? Suy nghĩ như vậy biết trong thân này có năm căn, ngoài có năm dục hòa hợp nên sinh cái vui điên đảo của thế gian. Tâm người tìm vui, chưa lúc nào ngưng trụ, hãy quán cái vui ấy là thật hay hư? Thân bền chắc hãy còn tan diệt, hưởng gì cái vui ấy? Cái vui ấy cũng không có chỗ ở, vị lai chưa có, quá khứ đã diệt, hiện tại không ngưng trụ, niệm niệm biến diệt, chỉ vì ngăn khổ nên gọi là vui, chứ không có cái vui thật. Ví như ăn uống, vì trừ khổ đói khát tạm cho là vui, ăn uống quá độ thời trở lại sinh khổ, như đã nói trong đoạn phá vui. Nên biết cái vui thế gian đều từ nhân duyên khổ sinh ra, nó cũng hay sinh ra quả khổ, gạt người giây lát, về sau khổ vô lượng; ví như đồ ăn ngon lẫn chất độc, tuy ăn ngon thơm, chất độc hại người. Cái vui thế gian cũng như vậy, vì độc phiền não dâm dục v.v... cướp mạng trí huệ nên tâm cuồng mê, bỏ lợi lấy suy thì ai thọ lãnh cái vui ấy? Chỉ có tâm thức. Quán kỹ cái tâm ấy niệm niệm sinh diệt, vì tương tục nên có thể thủ lấy tướng, như sóng nước, như ánh đèn. Tâm thọ khổ chẳng phải tâm thọ lạc, tâm thọ lạc chẳng phải tâm thọ khổ, tâm thọ chẳng khổ chẳng lạc chẳng phải tâm thọ khổ lạc; tướng thời gian khác nhau, vì vậy nên tâm vô thường, không tự tại, không tự tại nên vô ngã. Tướng, tư, ức niệm v.v... cũng như vậy. Ba niệm xứ kia, tướng trong ngoài như trước đã nói. Thực hành bốn thánh hạnh ấy phá bốn điên đảo: Bất tịnh mà điên đảo chấp tịnh, vô thường mà điên đảo chấp thường, vô ngã mà điên đảo chấp ngã, khổ mà điên đảo chấp vui. Phá bốn điên đảo nên mở cửa thật tướng, khi mở cửa thật tướng rồi thì hổ thẹn thói cũ đã làm; giống như người ban đêm ăn đồ bất tịnh, lúc sau biết quấy nên hổ thẹn việc ấy.

Quán bốn pháp bất tịnh, vô thường v.v... ấy gọi là Khổ đế; các phiền não ái v.v... là nhân của khổ, ấy là Tập đế; phiền não ái v.v... dứt là Diệt đế; các phương tiện dứt phiền não ái v.v... là Đạo đế. Quán bốn đế như vậy, tin đạo Niết bàn, tâm an trú khoái lạc, tương tự như vô lậu, ấy gọi là noãn pháp, như người cọ cây lấy lửa, vừa có khí nóng; hy vọng chắc chắn được lửa. Tin pháp ấy rồi, tâm ưa vui pháp ấy của Phật như Phật từng dạy: Như uống nước hay lành bệnh, biết là thầy giỏi; các người uống thuốc lành bệnh là đệ nhất trong loài người, ấy là tin Tăng. Tin Tam bảo

như vậy, noãn pháp tăng tiến, tội phước dùng lại bằng nhau, nên gọi là đánh pháp; như người lên núi đến đỉnh, đường đi hai bên bằng nhau. Từ đỉnh pháp đến nhãn pháp cho đến A la hán là đường một bên, từ noãn đến đỉnh là đường một bên. Trong pháp Thanh văn quán bốn niệm xứ có được quả báo như vậy. Pháp của Bồ tát ở nơi quán ấy không quên bản nguyện, không bỏ đại bi, trước dùng bất khả đắc không điều phục tâm địa, trú ở trong địa ấy, tuy có phiền não, tâm thường không đọa; như người tuy chưa giết được giặc, mà giam trói một nơi. Đỉnh pháp của Bồ tát như đã nói ở trong pháp vị trước. Nhãn pháp, Thế đệ nhất pháp tức là Bồ tát như thuận pháp nhãn. Tu đà hoàn đạo cho đến A la hán, Bích chi Phật đạo là Bồ tát vô sinh pháp nhãn. Như ở phẩm sau Phật tự nói: Tu đà hoàn hoặc trí hoặc quả đều là Bồ tát vô sinh pháp nhãn. Bốn chánh cần, bốn như ý tức tuy mỗi mỗi vị trí khác biệt, đều ở trong bốn niệm xứ. Tuệ nhiều nên gọi là bốn niệm xứ; tinh tấn nhiều nên gọi là bốn chánh cần; định nhiều nên gọi là bốn như ý túc.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao không nói trí xứ mà nói niệm xứ?

Đáp: Khi mới tập tu, chưa kịp có trí nên niệm là cửa ban đầu; thường niệm việc ấy, trí tuệ tùy theo niệm ấy nên lấy niệm làm tên. Bốn niệm xứ thật thể là trí tuệ, vì sao? Vì quán nội ngoại thân tức là trí tuệ, niệm giữ trí tuệ ở trong duyên không để cho tán loạn nên gọi là niệm xứ. Trái với 96 thứ tà hạnh cầu đạo nên gọi là bốn chánh cần. Các ngoại đạo bỏ năm dục, tự làm khổ thân, không thể bỏ pháp ác bất thiện, không thể nhóm các pháp lành, còn Phật có hai cách dứt pháp ác bất thiện: Tà ác đã sinh dứt trừ, ác chưa sinh ngăn không cho sinh; đối với pháp lành cũng có hai cách là pháp lành chưa sinh khiến sinh, pháp lành đã sinh khiến tăng trưởng, ấy gọi là chánh cần. Lửa trí tuệ được gió chánh cần không có gì không bị đốt cháy. Chánh cần nếu quá mức thì tâm tán loạn, lửa trí suy yếu; như lửa được gió, quá mức thì hoặc tắt hoặc yếu, không thể đốt cháy, chiếu sáng, cho nên tu định để chế bớt gió tinh tấn quá mức thì có thể đắc định.

Định có bốn thứ là dục định, tinh tấn định, tâm định, tư duy định. Chế bớt trí tuệ quá mức trong bốn niệm xứ, khi ấy định tuệ được tinh tấn nên sở dục như ý, sau được việc như ý thành biện nên gọi là như ý túc. Túc là nhân duyên như ý cũng gọi là phần. Mười hai pháp ấy ở nơi người độn căn gọi là căn; như cây có gốc mà chưa có lực, nếu ở nơi người lợi căn thì gọi là lực. Việc ấy rõ ràng có thể chóng được thành tựu công việc;

như dao bén cắt cỏ đồ vật, nên gọi là lực. Sự chưa thành tựu nên gọi là đạo, sự thành tựu tự duy tu hành nên gọi là giác. Luận bàn về ba mươi bảy đạo phẩm như trước đã nói.

Hỏi: Nếu Bồ tát tu ba mươi bảy đạo phẩm ấy, có sao không thủ chứng Niết bàn?

Đáp: Vì bản nguyện bền chắc, vì tâm đại bi thâm nhập, vì biết rõ ràng thật tướng các pháp, vì mười phương chư Phật hộ niệm, như Kinh nói: Bồ tát đến địa vị thất trụ, ngoài quán các pháp không, trong quán vô ngã, như người trong mộng buộc dây làm thuyền qua sông, giữa dòng thức dậy, nghĩ rằng ta luống tự khổ nhọc, không sông không thuyền, ta vượt qua đâu? Bồ tát bấy giờ cũng như vậy, tâm chán nản ăn năn, ta độ cái gì, diệt cái gì? Muốn tự dứt tâm điên đảo. Bấy giờ mười phương Phật đưa tay xoa đầu nói: Lành thay, Phật tử! Chớ sinh tâm hối hận, hãy nhớ bản nguyện của ông! Ông tuy biết như thế, mà chúng sinh chưa ngộ. Ông hãy đem pháp không ấy giáo hóa chúng sinh. Điều ông chứng được mới là một cửa, còn chư Phật vô lượng thân, vô lượng âm thanh, vô lượng pháp môn, Nhất thiết trí tuệ v.v... ông đều chưa được. Ông quán thấy các pháp không, nên đấm trước Niết bàn. Trong các pháp không, không có chỗ diệt nên không có chỗ đấm trước. Nếu thật có diệt thì ông từ trước lại đây đã diệt. Ông chưa đầy đủ sáu Ba la mật, cho đến mười tám pháp, ông nên đầy đủ pháp ấy, ngồi đạo tràng, như phép tắc của chư Phật!

Lại nữa, ba Tam muội, mười một trí, ba căn vô lậu, Tam muội giác quán, mười niệm, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, định chín thứ lớp, như trước nói.

Lại nữa, Phật mười lực, bốn không sợ, bốn trí ngại, mười tám pháp không chung, như đã nói trong phẩm đầu. Cuối các pháp ấy đều dùng vô sở đắc, vì hòa hợp với Bát nhã ba la mật nên rất ráo không; gọi là trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được vậy.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, sắc trắng như chim Bồ câu, mục nát tiêu hoại hợp cùng với đất, tự nghĩ thân ta có nghĩ như vậy, tướng như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được. Quán ngoại thân, quán nội ngoại thân cũng như vậy. Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp

niệm xứ, cũng nên nói rộng như vậy. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn chánh cần. Những gì là bốn? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh, vì không cho sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp ác bất thiện đã sinh, vì dứt trừ nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành chưa sinh, vì sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành đã sinh, vì an trụ không mất, tu tập đầy đủ thêm rộng, nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, vì không thể có được. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn như ý phần. Những gì là bốn? Dực định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tâm định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tinh tấn định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tư duy định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần, vì không thể có được. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là năm căn. Những gì là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là năm lực. Những gì là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bảy giác phần. Những gì là bảy? Bồ tát ma ha tát tu niệm giác phần nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết bàn; tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần, nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết bàn, vì không thể có được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là ba Tam muội. Những gì là ba? Không, vô tướng, vô tác Tam muội. Không Tam muội là các pháp tự tướng không, ấy là cửa không giải thoát. Vô tướng là hoại các pháp tướng, không nhớ không nghĩ, ấy là cửa vô tướng giải thoát; vô tác là đối với các pháp không tạo tác, ấy là cửa vô tác giải thoát. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí, pháp trí, tỷ trí, thế trí, tha tâm trí, như thật trí. Sao gọi khổ trí? Là biết chỗ không phát sinh, ấy gọi là khổ trí. Sao gọi là tập trí? Là biết tập nên dứt, ấy gọi là tập trí. Sao gọi là diệt trí? Là biết khổ diệt, ấy gọi là diệt trí. Sao gọi là đạo trí? Là biết tám Thánh đạo phần, ấy gọi là đạo trí. Sao gọi là tận trí? Là biết các pháp dâm, nộ, si diệt tận, ấy gọi là tận trí. Sao gọi là vô sinh trí? Là biết không còn sinh vào các cõi, ấy gọi là vô sinh trí. Sao gọi là pháp trí? Là biết bản tướng năm uẩn, ấy gọi là pháp trí. Sao gọi là tỷ trí? Là biết mắt vô thường, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô thường, ấy gọi là tỷ trí. Sao gọi là thế trí? Là biết danh tự nhân duyên, ấy gọi là thế trí. Sao gọi là tha tâm trí? Là biết tâm của chúng sinh khác, ấy gọi là tha tâm trí. Sao gọi là như thật trí? Là biết nhất thiết chủng trí của chư Phật, ấy gọi là như thật trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là ba căn: Vị tri dục tri căn, tri căn, tri giả căn. Sao gọi là vị tri dục tri căn? Là năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ của các học nhân chưa đắc quả, gọi là vị tri dục tri căn. Sao gọi là tri căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các học nhân đã đắc quả, ấy gọi là tri căn. Sao gọi là tri giả căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các vô học nhân, hoặc A la hán, hoặc Bích chi Phật, chư Phật, ấy gọi là tri giả căn. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là ba Tam muội. Những gì là ba? Tam muội có giác có quán, Tam muội không giác có quán, Tam muội không giác không quán. Sao gọi là Tam muội có giác có quán? Là các dục, lìa pháp ác bất thiện, có giác có quán, lìa dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiên, ấy gọi là Tam muội có giác có quán. Sao gọi là Tam muội không giác có quán? Sơ thiên, Nhị thiên, trung gian thiên, ấy gọi là Tam muội không giác có quán. Sao gọi là Tam muội không giác không quán? Từ Nhị thiên đến phi hữu tướng phi vô tướng định, ấy gọi là Tam muội không giác

không quán. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không có thể được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là mười niệm. Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, niệm chết. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, định chín thứ lớp. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là mười lực của Phật. Những gì là mười?

Lực một: Phật như thật biết tướng hết thảy pháp là đạo lý hay phi đạo lý.

Lực hai: Phật như thật biết các nghiệp, các lãnh thọ của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết căn.

Lực ba: Phật như thật biết các thiên, giải thoát, Tam muội, định, tướng cấu nhiễm, thanh tịnh, phân biệt.

Lực bốn: Phật như thật biết tướng các căn thượng hạ của chúng sinh.

Lực năm: Phật như thật biết các chỗ ham muốn, kiến giải của chúng sinh.

Lực sáu: Phật như thật biết vô số các chủng tánh của thế gian.

Lực bảy: Phật như thật biết đạo đưa đến hết thảy chỗ.

Lực tám: Phật như thật biết các túc mạng, có tướng, có nhân duyên, một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời, kiếp bắt đầu, kiếp chấm dứt, ta sinh ở trong chúng sinh kia, có họ như vậy, tên như vậy, uống ăn, khổ vui; thọ mạng dài ngắn như vậy, chết nơi kia sinh nơi đây, chết nơi đây lại sinh nơi đây; sinh nơi đây có họ tên, ăn uống, khổ vui, thọ mạng dài ngắn cũng như vậy.

Lực chín: Phật có thiên nhãn thanh tịnh quá hơn các mắt chư thiên, thấy chúng sinh khi sinh khi chết, đẹp đẽ, xấu xí, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đọa ác đạo, hoặc đọa thiện đạo, nghiệp nhân duyên thọ báo như vậy. Các chúng sinh ấy thành tựu ác thân nghiệp, thành tựu ác khẩu nghiệp, thành

tự ác ý nghiệp, hủy báng Thánh nhân; vì nghiệp nhân tiếp thụ các tà kiến, nên khi thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục; các chúng sinh ấy thành tựu thiện thân nghiệp, thành tựu thiện khẩu nghiệp, thành tựu thiện ý nghiệp, không hủy báng thánh nhân, vì nghiệp nhân tiếp thụ chánh kiến, nên khi thân hoại mạng chung, vào thiện đạo, sinh cõi trời.

Lục mươi: Phật như thật biết các lậu đã hết nên tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, tự chứng tri, nhập vào pháp ấy ngay trong hiện tại biết rằng: Ta sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, từ đời nay không còn có đời sau. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn không sợ. Những gì là bốn?

Vô úy một: Phật nói thành thật rằng: Ta là người Nhất thiết chánh trí, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc còn các chúng khác như thật nạn rằng: Pháp ấy Như Lai không biết, thì cho đến Ta cũng không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy hai: Phật nói lời thành thật rằng: Ta đã dứt sạch hết thủy lậu hoặc, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác, như thật nạn rằng: Lậu hoặc ấy Như Lai không sạch hết, thì cho đến

Ta chẳng thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên hoặc các chúng khác không thể chuyển được.

Vô úy ba: Phật nói lời thành thật rằng: Ta nói pháp chướng đạo, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc còn có các chúng khác như thật nạn rằng: Lãnh thọ pháp ấy không chướng đạo, thì cho đến Ta không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy bốn: Phật nói lời thành thật rằng: Thánh đạo Ta nói, có thể đưa ra khỏi thế gian, thực hành theo đó sẽ được hết khổ. Nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc có các chúng khác như thật nạn rằng: Đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thì cho đến Ta không thấy có mây may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy nên ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn trí vô ngại. Những gì là bốn? Nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, lạc thuyết vô ngại. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là mười tám pháp không chung. Những gì là mười tám? 1. Thân chư Phật không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không có dị tướng. 5. Không có tâm bất định. 6. Không có tâm không biết đã bỏ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tấn không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát tri kiến không giảm. 13. Hết thấy thân nghiệp hành theo trí tuệ. 14. Hết thấy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ. 15. Hết thấy ý nghiệp hành theo trí tuệ. 16. Trí tuệ biết thấy đời quá khứ không chướng ngại. 17. Trí tuệ biết thấy đời vị lai không chướng ngại. 18. Trí tuệ biết thấy đời hiện tại không chướng ngại. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được (*Một đoạn dài gồm 1308 chữ ở trên đến đây ngưng*).

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn. Những gì là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn? Môn chữ A, vì hết thấy pháp ban đầu chẳng sinh; môn chữ Ra, vì hết thấy pháp lia cầu uế; môn chữ Ba, vì hết thấy pháp đệ nhất nghĩa; môn chữ Già, vì hết thấy pháp trọn không thể có được, hết thấy pháp không cuối hết không mới sinh; môn chữ Na, vì các pháp lia danh, tánh tướng chẳng được chẳng mất; môn chữ La, vì các pháp vượt thế gian, cũng là nhân của thọ chi (trong 12 chi nhân duyên) diệt; môn chữ Đà, vì các pháp thiện tâm sinh, cũng là tướng bố thí; môn chữ Bà, vì các pháp chữ Bà lia; môn chữ Đồ, vì các pháp chữ Đồ thanh tịnh; môn chữ Sa, vì các pháp vương, tánh sáu tự tại thanh tịnh; môn chữ Hòa, vì đường ngữ ngôn vào các pháp dứt,

môn chữ Đa, vì vào các pháp như như bất động; môn chữ Dạ, vì vào các pháp như thật bất sinh; môn chữ Tra, vì vào các pháp chế phục không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tác giả không thể có được; môn chữ Ta, vì lúc vào các pháp không thể có được, vì các pháp chưa chuyển vậy; môn chữ Ma, vì vào các pháp, ngã sở không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, đi không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, xứ sở không thể có được; môn chữ Xà, vì vào các pháp, sinh không thể có được; môn chữ Bá, vì vào các pháp, chữ Bá không thể có được; môn chữ Đà, vì vào các pháp, tánh không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, định không thể có được; môn chữ Khư, vì vào các pháp, hư không thể có được; môn chữ Xoa, vì vào các pháp, tận diệt không thể có được; môn chữ Sĩ, vì vào các pháp, có không thể có được. Môn chữ Nhã, vì vào các pháp, trí không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, chữ Tha không thể có được; môn chữ Bà, vì vào các pháp, phá hoại không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, dục không thể có được, vì năm uẩn như bóng cũng không thể có được; môn chữ Ma, vì vào các pháp, chữ Ma không thể có được; môn chữ Hỏa, vì vào các pháp, kêu không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Ta không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, hậu không thể có được; môn chữ Thá, vì vào các pháp xứ sở không thể có được; môn chữ Noa, vì vào các pháp, không đến không đi, không đứng, không ngồi, không nằm; môn chữ Phả, vì vào các pháp, biên không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tụ không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Tỉnh không thể có được; môn chữ Giá, vì vào các pháp, hành không thể có được; môn chữ Trá, vì vào các pháp, khu sử không thể có được; môn chữ Đồ, vì vào chỗ biên tế cùng cực các pháp, không cuối không sinh. Quá chữ Đồ, không còn có chữ để có thể nói, vì sao? vì không còn chữ, các chữ vô ngại vô danh, cũng không diệt, cũng không thể nói, không thể chỉ bày, không thể thấy, không thể chép.

Tu bồ đề! Nên biết các pháp như hư không. Tu bồ đề! Ấy gọi là môn Đà la ni, đó là nghĩa chữ A. Nếu Bồ tát ma ha tát với các tự môn ấy, ấn cái ấn chữ A, hoặc nghe, hoặc lãnh thọ, hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc trì, hoặc vì người khác nói, biết như vậy, sẽ được hai mươi công đức. Những gì là hai mươi? Được biết nhớ mạnh, được tầm quý, được tâm kiên cố, được chỉ thú của Kinh, được trí tuệ, được vui nói vô ngại, để được các môn Đà la ni khác, được tâm không nghi hối, được nghe lành không mừng, nghe ác không giận, được không cao không hạ, trụ tâm không thêm bớt, được

khôn khéo biết ngôn ngữ của chúng sinh, được khéo phân biệt năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên, bốn đế, được khéo phân biệt các căn lợi độn của chúng sinh, được khéo biết tâm người khác, được khéo phân biệt thời tiết ngày tháng năm, được khéo phân biệt thiên nhĩ thông, được khéo phân biệt túc mạng thông, được khéo phân biệt sinh tử thông, được khéo nói phải đạo lý chẳng phải đạo lý, được khéo biết thân oai nghi qua lại, ngồi dậy v.v...

Tu bồ đề! Các môn Đà la ni, môn chữ A ấy v.v... ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

LUẬN: Tự đẳng, ngữ đẳng là Đà la ni đối với các chữ bình đẳng không có yêu ghét.

Lại, các chữ ấy khi nhân duyên chưa hội hợp cũng không có, hiện tại cũng không có, chỉ ở trong tâm ta, tôi, tâm giác quán ức tướng phân biệt nói ra, ấy là tâm tán loạn nói, không thấy sự thật; như trước bị gió làm lay động thời trông không thấy gì. Chữ đẳng là cùng với rất ráo, Niết bàn đồng đẳng. Bồ tát dùng Đà la ni ấy, đối với hết thầy pháp, thông đạt vô ngại; ấy gọi là tự đẳng, ngữ đẳng.

Hỏi: Nếu lược nói thời có năm trăm môn Đà la ni, nếu nói rộng thời có vô lượng môn Đà la ni, sao nay nói tự đẳng Đà la ni là cửa ban đầu của các môn Đà la ni?

Đáp: Trước nói một đại, thời biết các đại khác đều nói. Đây là cửa ban đầu của các Đà la ni, nói cửa ban đầu thời các cửa khác cũng nói.

Lại nữa, các pháp Đà la ni, đều phân biệt tự và ngữ mà sinh ra. Bốn mươi hai mẫu tự (Dvācatvā-Rīmsād-aksaramukha, tức 42 mẫu tự tiếng Phạn) là căn bản của hết thầy chữ, nhân chữ có lời, nhân lời có danh, nhân danh có nghĩa. Bồ tát hoặc nghe chữ, nhân chữ cho đến hiểu được nghĩa nó. Chữ ấy, bắt đầu là chữ A, cuối cùng là chữ Đò, ở giữa có 40 chữ. Bồ tát được tự Đà la ni ấy, nếu nghe chữ A trong hết thầy lời, liền theo nghĩa nó là hết thầy pháp từ sơ thí lại tướng chẳng sinh.

A đề, Trung Hoa dịch là Sơ; A nậu ba đà Trung Hoa dịch là Bất sinh, nếu nghe chữ La liền theo nghĩa biết hết thầy pháp lìa tướng cấu uế. La xà, Trung Hoa dịch là Cấu, nếu nghe chữ Ba liền biết hết thầy pháp vào trong đệ nhất nghĩa. Ba la Mạt đà, Trung Hoa dịch là Đệ nhất nghĩa, nếu nghe

chữ Giá liền biết hết thấy các hành đều chẳng phải hành. Giá lê dạ, Trung Hoa dịch là Hành, nếu nghe chữ Na, liền biết hết thấy pháp chẳng được chẳng mất; chẳng đến chẳng đi. Na, Trung Hoa dịch là Bất, nếu nghe chữ La, liền biết hết thấy pháp là tướng khinh trọng. La-cầu, Trung Hoa dịch là Khinh, nếu nghe chữ Đà, liền biết hết thấy pháp tướng lành. Đà ma Trung Hoa dịch là Thiện, nếu nghe chữ Bà, liền biết hết thấy pháp không trời không mở. Bà đà, Trung Hoa dịch là Phược, nếu nghe chữ Đồ, liền biết hết thấy pháp tướng không nóng. Nam Thiên Trúc gọi là Đồ xà năng, Trung Hoa dịch là Bất nhiệt, nếu nghe chữ Sa, liền biết thân người có sáu chủng tướng. Sa, Trung Hoa dịch là Lục, nếu như chữ Hòa, liền biết hết thấy pháp là tướng ngữ ngôn. Hòa ba-tha, Trung Hoa dịch là Ngữ ngôn, nếu nghe chữ Đa, liền biết các pháp ở trong như như bất động. Đa-tha, Trung Hoa dịch là Như, nếu nghe chữ Dạ, liền biết các pháp vào trong thật tướng bất sinh bất diệt. Dạ tha bạt, Trung Hoa dịch là Thật, nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp tướng không chướng ngại. Trà-bà, Trung Hoa dịch là Chướng ngại, nếu nghe chữ Ca, liền biết trong các pháp không có tác giả. Ca-la-ca, Trung Hoa dịch là Tác giả, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp hết thấy chủng không thể có được. Tát-bà, Trung Hoa dịch là Nhất thiết, nếu nghe chữ Ma, liền biết các pháp là ngã sở. Ma ma ca la, Trung Hoa dịch là ngã sở, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp cùng để không thể có được. Già đà, Trung Hoa dịch là Để (đáy), nếu nghe chữ Tha, liền biết bốn câu “Như khứ” không thể có được. Đa tha A già đà (Tathagatha), Trung Hoa dịch là Như khứ, nếu nghe chữ Xà, liền biết các pháp sinh già không thể có được. Xà đề xà la, Trung Hoa dịch là Sinh lão, nếu nghe chữ Thấp ba, liền biết các pháp đều không thể có được. Như chữ Thấp ba không thể có được, chữ Thấp ba vô nghĩa nên không giải thích, nếu nghe chữ Đà, liền biết các pháp, pháp tánh không thể có được. Đà ma, Trung Hoa dịch là Pháp, nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp tướng tịch diệt. Xa da, Trung Hoa dịch là Tịch diệt, nếu nghe chữ Khư, liền biết các pháp hư không không thể có được. Khư già, Trung Hoa dịch là Hư không, nếu nghe chữ Xoa, liền biết các pháp tướng tận diệt không thể có được. Xoa gia, Trung Hoa dịch là Tận, nếu nghe chữ Sĩ, liền biết biên tế các pháp được lợi gì. Ca sĩ độ cầu na, Trung Hoa dịch là việc ấy được lợi gì, nếu nghe chữ Nhã, liền biết trong các pháp không có tướng Trí. Nhã-na (Prana), Trung Hoa dịch là Trí, nếu nghe chữ Tha, liền biết các pháp tướng nghĩa không thể có được. A-lợi-tha, Trung Hoa dịch là Nghĩa, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp tướng không thể phá được. Bà già, Trung

Hoa dịch là Phá, nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp không đi đâu. Già xa đề, Trung Hoa dịch là Khứ, nếu nghe chữ Thấp Ma, liền biết các pháp Kiên cố như đá Kim cương. A thấp ma, Trung Hoa dịch là Thạch, nếu nghe chữ Hỏa, liền biết các pháp không có tướng âm thanh. Hỏa bà dạ, Trung Hoa dịch là Hoán lai (kêu lại), nếu nghe chữ Ta, liền biết tướng các pháp không xan tham không thí xả. Mạt ta la, Trung Hoa dịch là Xan, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp không dày không mỏng. Già na, Trung Hoa dịch là Hậu (dày), nếu nghe chữ Thá, liền biết các pháp không có trú xứ. Nam Thiên Trúc gọi là Thá na, Trung Hoa dịch là Xứ, nếu nghe chữ Noa, liền biết các pháp và chúng sinh không đến không đi, không ngồi không nằm, không đứng không dậy; vì chúng sinh không, pháp không. Nam Thiên Trúc gọi là Noa, Trung Hoa dịch là Bất, nếu nghe chữ Phả, liền biết các pháp nhân quả không. Phả la, Trung Hoa dịch là Quả, nếu nghe chữ Ca, liền biết năm uẩn không thể có được. Ca đại, Trung Hoa dịch là Chúng (uẩn), nếu nghe chữ Ta, liền biết chữ Ta là không. Các pháp cũng vậy; nếu nghe chữ Giá, liền biết các pháp tướng không động. Giá la địa, Trung Hoa dịch là Động, nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp bờ này bờ kia không thể có được. Đa la, Trung Hoa dịch là Ngạn, nếu nghe chữ Đồ, liền biết các pháp chắc chắn không thể có được. Ba-đồ, Trung Hoa dịch là Tất (chắc chắn). Ngoài chữ Đồ, không còn có chữ, nếu có là chi phái của 24 chữ, chữ này thường ở thế gian, vì tương tự tương tục, vì vào hết thầy ngôn ngữ vô ngại. Như quốc thổ với quốc thổ bất đồng, không có danh xưng nhất định, nên nói là vô danh. Nghe xong liền tận diệt, nên nói là Diệt. Các pháp ở nơi pháp tánh, đều không thể có được hưởng gì có chữ để nói. Các pháp vì không có ức tướng phân biệt nên không thể chỉ bày. Trước tiên ý nghiệp phân biệt nên có khẩu nghiệp, nhân khẩu nghiệp nên thân nghiệp viết thành chữ, chữ là sắc pháp, hoặc mắt thấy, hoặc tai nghe, chúng sinh cưỡng gọi là chữ. Không có nhân duyên, vì thế nên không thể thấy, không thể viết. Các pháp thường không, như tướng hư không, hưởng gì chữ nói xong liền mất. Văn tự Đà la ni ấy là cửa của các Đà la ni.

Hỏi: Biết nhân duyên của môn Đà la ni ấy có thể được vô lượng vô biên công đức, có sao chỉ nói 20 công đức?

Đáp: Phật cũng thường nói các vô lượng vô biên công đức khác, vì sợ phé bỏ việc nói Bát nhã ba la mật nên chỉ lược nói 20 công đức.

Người được thức niệm mạnh là Bồ tát được Đà la ni ấy thường quán tưởng các chữ, tu tập ức niệm nên được thức niệm mạnh.

Người được tâm quý là nhóm các pháp lành, chán các pháp ác, nên sinh đại tâm quý.

Người tâm được kiên cố là nhóm các phước đức trí tuệ nên tâm được kiên cố như Kim cương, cho đến dù ở trong địa ngục A tỳ còn không thối mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng gì gặp các khổ khác.

Người được chỉ thú của Kinh là biết Phật có năm thứ phương tiện thuyết pháp, nên gọi là được chỉ thú của Kinh. Một là Phật biết các cách thuyết pháp. Hai là Phật biết vì việc gì nên nói. Ba là Phật biết vì phương tiện nên nói. Bốn là Phật biết chỉ bày lý thú nên nói. Năm là Phật biết vì tâm đại bi nên nói.

Người được trí tuệ là Bồ tát nhân Đà la ni ấy, phân biệt phá tán các chữ, ngôn ngữ cũng không, ngôn ngữ không nên danh cũng không, danh không nên nghĩa cũng không, được rốt ráo không tức là Bát nhã ba la mật.

Được trí tuệ vui nói là đã được trí tuệ rốt ráo thanh tịnh vô ngại như vậy, vì tâm đại bi và vì bản nguyện độ chúng sinh nên vui nói không ngại.

Dễ được Đà la ni là thí như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thời các mắt khác đều dễ chẻ. Bồ tát cũng như vậy được văn tự Đà la ni ấy tự nhiên được các Đà la ni khác.

Được tâm không nghi hối là vào trong thật tướng các pháp, tuy chưa được Nhất thiết trí tuệ mà đối với trong hết thấy pháp thâm sâu, không nghi hối.

Được nghe thiện không mừng nghe ác không giận là phân biệt mỗi mỗi các thứ không tán thán, không hủy báng nên nghe thiện không mừng, nghe ác không giận.

Được không cao không hạ là đã dứt hết yêu ghét.

Được khéo léo biết ngôn ngữ chúng sinh là được Tam muội biết hết thấy ngôn ngữ của chúng sinh.

Được khéo léo phân biệt năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên, bốn đế là nghĩa năm uẩn v.v... như trước đã nói.

Được khéo léo phân biệt các chúng sinh có căn lợi độn, được khéo biết tâm người khác, thiên nhĩ, túc mạng, khéo nói có lẽ ấy, không có lẽ ấy là như trong mười lực đã nói.

Được khéo biết qua lại ngồi dậy v.v... là như đã nói trong đoạn A bệ bạt trí.

Được khéo léo phân biệt thời tiết ngày tháng năm là ngày từ sớm đến sớm, phần đầu, phần giữa, phần cuối, đêm cũng có ba phần. Một ngày một đêm có 30 giờ. Xuân phân, thu phân thì 15 giờ thuộc ngày, 15 giờ thuộc đêm. Các giờ khác thì hoặc thêm hoặc bớt. Đến tháng 5, ngày 18 giờ, đêm 12 giờ. Đến tháng 11, đêm 18 giờ, ngày 12 giờ. Một tháng hoặc có 30 ngày, hoặc 30 ngày rưỡi, hoặc 29 ngày, hoặc 27 ngày rưỡi. Có 4 loại tháng là tháng của mặt trời, tháng của thế gian, tháng của mặt trăng, tháng của tinh tú. Tháng của mặt trời có 30 ngày rưỡi, tháng của thế gian có 30 ngày, tháng của mặt trăng có 29 ngày, thêm 30 của 62 phân, tháng của tinh tú là 27 ngày thêm 21 của 69 phân. Tháng nhuận là từ giữa tháng của mặt trời và tháng của thế gian xuất ra, ấy gọi là 13 tháng, hoặc 12 tháng, hoặc 13 tháng gọi là một năm. Mỗi năm có 366 ngày, giáp một vòng thì trở lại ban đầu. Bồ tát biết từng phân giờ trong mỗi ngày, phần trước đã qua, phần sau chưa sinh, phần giữa không có ngưng trụ, không có tướng để có thể thủ đắc. Nhật phần trống không, không có gì; khi đến ngày 30 thì 29 ngày đã diệt, làm sao hòa hợp thành tháng; tháng không có thì làm sao hòa hợp thành năm. Vì vậy nên Phật nói pháp thế gian như huyền như mộng, chỉ là pháp đối tâm. Bồ tát biết được ngày tháng năm hòa hợp của thế gian, biết được phá tán không có gì, ấy gọi là khéo phân biệt.

Các thứ phân biệt như vậy, gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

(Hết cuốn 48 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 49

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÁT THỨ THỨ 20

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tu Trì Địa thứ 18)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Ông hỏi thế nào là Bồ tát ma ha tát thú hướng Đại thừa ư?

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành sáu Ba la mật, từ một địa vị đến một địa vị, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát thú hướng Đại thừa.

Tu bồ đề bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Thế nào là Bồ tát ma ha tát từ một địa vị đến một địa vị?

Phật bảo: Bồ tát ma ha tát biết hết thầy pháp không có tướng đến đi, cũng không có pháp hoặc đến hoặc đi, hoặc đến hoặc không đến, vì tướng các pháp chẳng diệt. Bồ tát ma ha tát ở các địa vị không niệm không suy nghĩ mà tu trì địa nghiệp, cũng không thấy địa.

Thế nào là Bồ tát ma ha tát trì địa nghiệp? Bồ tát ma ha tát lúc trú ở Sơ địa tu mười việc: 1. Tâm kiên cố, vì là không thể có được. 2. Tâm bình đẳng đối với hết thầy chúng sinh, vì tướng chúng sinh không thể có được. 3. Tâm xả, vì người cho người nhận không thể có được. 4. Thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao. 5. Cầu pháp, vì hết thầy pháp không thể có được. 6. Thường xuất gia, vì nhà không thể có được. 7. Thọ vui thân Phật, vì tướng hảo không thể có được. 8. Dẫn xuất pháp giáo, vì các pháp phân biệt không thể có được. 9. Phá kiêu mạn, vì sinh tuệ không thể có được. 10. Thật ngữ, vì các ngôn ngữ không thể có được. Bồ tát ma ha tát trú ở trong Sơ địa như vậy, tu sửa mười việc trì địa nghiệp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú ở trong địa thứ hai, thường niệm tám pháp: 1. Giới thanh tịnh. 2. Biết ân, báo ân. 3. Trú lực nhẫn nhục. 4. Thọ hoan hỷ. 5. Không bỏ hết thầy chúng sinh. 6. Vào tâm đại bi. 7. Tin thầy, cung kính hỏi han, lãnh thọ. 8. Siêng cầu các Ba la mật. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ hai phải đầy đủ tám pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ ba tu năm pháp: 1. Học hỏi nhiều, không chán đủ. 2. Thí pháp thanh tịnh, cũng không tự cao. 3. Trang nghiêm Phật quốc độ, cũng không tự cao. 4. Chịu vô lượng cần khổ

ở thế gian không lấy làm chán. 5. Ở chỗ tầm quý. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ ba phải đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tư phải thọ hành không bỏ mười pháp: 1. Không bỏ trú xứ A lan nhã (chỗ tịch tịnh) 2. Ít muốn. 3. Biết đủ. 4. Không bỏ công đức tu hạnh đầu đà. 5. Không bỏ giới. 6. Góm ghét các dục. 7. Nhàm chám tâm thế gian. 8. Bỏ tất cả sở hữu. 9. Tâm không hư mất. 10. Không tiếc hết thầy tài vật. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ năm, xa lìa mười hai pháp: 1. Xa lìa kẻ bạch y thân thuộc. 2. Xa lìa Tỳ kheo ni. 3. Xa lìa sự xan tiếc nhà người khác. 4. Xa lìa đàm thuyết vô ích. 5. Xa lìa giận hờn. 6. Xa lìa tự đại. 7. Xa lìa miệt thị người. 8. Xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. 9. Xa lìa đại kiêu mạn. 10. Xa lìa tự ý thọ dụng. 11. Xa lìa điên đảo. 12. Xa lìa dâm nộ si. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ năm xa lìa mười hai việc.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ sáu pháp Ba la mật, lại có sáu pháp không nên làm: 1. Không khởi ý làm Thanh văn, Bích chi Phật. 2. Bồ thí không nên sinh tâm ưu lo. 3. Thấy có người đến xin tâm không thôi mất. 4. Vật sở hữu đem bố thí. 5. Sau khi bố thí tâm không ăn năn. 6. Không nghi pháp thâm sâu. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ 6 nên đầy đủ sáu pháp, xa lìa sáu pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ bảy không chấp trước 20 pháp: 1. Không chấp trước ngã. 2. Không chấp trước chúng sinh. 3. Không chấp trước mạng sống. 4. Không chấp trước chúng số, cho đến không chấp trước kẻ biết, kẻ thấy. 5. Không chấp trước đoạ kiến. 6. Không chấp trước thường kiến. 7. Không nên làm tướng vẽ. 8. Không nên chấp tác nhân. 9. Không chấp trước danh sắc. 10. Không chấp trước năm uẩn. 11. Không chấp trước mười tám giới. 12. Không chấp trước mười hai nhập. 13. Không chấp trước ba cõi. 14. Không làm chỗ chấp trước. 15. Không làm chỗ kỳ hạn. 16. Không làm chỗ dựa nương. 17. Không chấp trước ý kiến nương Phật. 18. Không chấp trước ý kiến nương Pháp. 19. Không chấp trước ý kiến nương Tăng. 20. Không chấp trước ý kiến nương Giới; ấy là hai mươi pháp không nên chấp trước. *(Hai mươi thứ không chấp trước này, ở Kinh Đại Bát nhã ghi: 1. Xa lìa chấp ngã cho đến chấp kẻ thấy. 2. Xa lìa chấp đoạ. 3. Xa lìa chấp thường. 4. Xa lìa chấp tướng.*

5. Xa lìa chấp kiến. 6. Xa lìa chấp danh sắc. 7. Xa lìa chấp uẩn. 8. Xa lìa chấp xứ. 9. Xa lìa chấp giới. 10. Xa lìa chấp bốn đế. 11. Xa lìa chấp duyên khởi. 12. Xa lìa chấp trú trước ba cõi. 13. Xa lìa chấp hết thấy pháp. 14. Xa lìa chấp tất cả pháp như lý, không như lý. 15. Xa lìa chấp nương Phật kiến. 16. Xa lìa chấp nương pháp kiến. 17. Xa lìa chấp nương tăng kiến. 18. Xa lìa chấp nương giới kiến. 19. Xa lìa chấp nương không kiến. 20. Xa lìa chấp sự chán sợ không tánh – ND).

Lại có 20 pháp nên đầy đủ: 1. Đầy đủ không. 2. Chứng vô tướng. 3. Biết vô tác. 4. Ba phần thanh tịnh. 5. Đầy đủ trí từ bi đối với hết thấy chúng sinh. 6. Không niệm hết thấy chúng sinh. 7. Bình đẳng quán hết thấy pháp cũng không đắm trong đó. 8. Biết thật tướng các pháp, việc ấy cũng không nghĩ. 9. Pháp vô sinh hẳn. 10. Trí vô sinh. 11. Nói các pháp một tướng. 12. Phá tướng phân biệt. 13. Chuyển ức tướng. 14. Chuyển kiến. 15. Chuyển phiền não. 16. Địa bình đẳng định tuệ. 17. Điều ý. 18. Tâm tịch diệt. 19. Trí thông suốt. 20. Không nhiễm ái. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ bảy nên đầy đủ 20 pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tám nên đầy đủ năm pháp, là thuận nhập vào tâm chúng sinh, dạo chơi các thần thông; xem các nước Phật; như nước Phật được trông thấy mà tự trang nghiêm nước mình; như thật quán Phật thân mà tự trang nghiêm Phật thân, ấy gọi là đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tám còn phải đầy đủ năm pháp là biết các căn cao thấp; làm thanh tịnh nước Phật; vào Tam muội như huyễn, thường vào Tam muội, theo thiện căn ứng hợp của chúng sinh mà thọ thân; Tu bồ đề, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ chín nên đầy đủ mười hai pháp, là lãnh thọ phần hóa độ trong vô biên thế giới, Bồ tát có được nguyện như vậy thời biết tiếng nói của trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà mà vì họ thuyết pháp, ở trong thai thành tựu; sinh thành tựu; nhà thành tựu; họ thành tựu; quyến thuộc thành tựu; xuất sinh thành tựu; xuất gia thành tựu; trang nghiêm cây Phật (cây giác ngộ) thành tựu; hết thấy các công đức lành đầy đủ thành tựu. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ chín, nên đầy đủ mười hai pháp.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ mười, nên biết giống như Phật.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát ma ha tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát ma ha tát tâm tương ứng với nhất thiết chủng trí, nhóm các căn lành, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát có tâm bình đẳng đối với chúng sinh?

Phật dạy: Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng, phát sinh bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả, ấy gọi là Bồ tát tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát tu bố thí?

Phật dạy: Bồ tát thí cho hết thấy chúng sinh không phân biệt, ấy gọi là tu bố thí.

Thế nào là Bồ tát thân cận thiện tri thức?

Phật dạy: Thường dạy trú vào trong Nhất thiết chủng trí, thiện tri thức như vậy, nên thân cận hỏi han lãnh thọ, cung kính cúng dường, ấy gọi là thân cận thiện tri thức.

Thế nào là Bồ tát cầu pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ tát tâm tương ứng với Trí nhất thiết chủng mà cầu pháp, không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, ấy gọi là cầu pháp.

Thế nào là Bồ tát thường xuất gia trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát đời đời không có tâm hỗn tạp xuất gia trong Phật pháp, không ai làm chướng ngại được, ấy gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp?

Phật dạy: Nếu Bồ tát thấy thân tướng của Phật cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa niệm Phật, ấy gọi là Bồ tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, vì chúng sinh thuyết pháp, đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối đều lành, diệu nghĩa khéo nói, thanh tịnh thuần nhất, đầy đủ đó là Khế kinh cho đến Luận nghị, ấy gọi là diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát do phá kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện, ấy gọi là Bồ tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát thật ngữ trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát làm đúng như nói, ấy gọi là Bồ tát thật ngữ trị địa nghiệp.

Ấy là Bồ tát ma ha tát trú trong Sơ địa tu hành mười việc trị địa nghiệp.

LUẬN: Luận giả nói: Tu bồ đề trên kia hỏi Đại thừa, Phật mỗi mỗi đáp rõ tướng Đại thừa, trên lại hỏi phát thú Đại thừa, nay đây đáp tướng phát thú Đại thừa. Bồ tát ma ha tát nương Đại thừa ấy, biết hết thấy pháp từ xưa lại đây chẳng đến chẳng đi, không động không phát, vì pháp tánh thường trú. Lại vì tâm đại bi, vì Tinh tấn ba la mật, vì lực phương tiện nên lại tu các pháp lành, lại cầu chỗ cao thắng mà không chấp thủ tướng địa vị, cũng không thấy địa vị ấy.

Hỏi: Nên đáp về phát thú Đại thừa, có sao nói phát thú địa.

Đáp: Đại thừa tức là địa, địa có mười phần. Từ Sơ địa đến Nhị địa gọi là phát thú; ví như cưỡi ngựa đi đến voi, bỏ ngựa cưỡi voi, cưỡi voi đi đến rồng, bỏ voi cưỡi rồng (phát thú nghĩa là phát xuất và đi đến- ND).

Hỏi: Trong đây là mười địa nào?

Đáp: Địa có hai thứ: 1. Chỉ địa vị Bồ tát. 2. Địa vị chung, địa vị chung là từ Càn tuệ địa cho đến Phật địa. Chỉ riêng địa vị Bồ tát là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Hữu quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tại địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, Pháp vân địa (*Có chỗ ghi: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn ly địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa – ND*). Tướng mười địa này như trong kinh Thập địa nói rộng.

Bồ tát vào Sơ địa nên làm mười pháp, từ thâm tâm cho đến thật ngữ. Tu bồ đề, tuy biết mà vì dứt cái nghi của chúng sinh nên hỏi Thế Tôn: Thế

nào là thâm tâm? Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhóm các căn lành.

Tâm Trí nhất thiết chủng là Bồ tát ma ha tát ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Ta trong đời vị lai sẽ làm Phật, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy tức là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tương ưng là buộc tâm, nguyện ta sẽ làm Phật. Nếu Bồ tát lợi căn, nhóm nhiều phước đức, các phiền não mỏng, tội nghiệp quá khứ ít. Phát tâm tức thâm tâm. Thâm tâm vui sâu Phật đạo, đời đời tâm thế gian mỏng, ấy gọi là tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, làm hết thấy công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu định v.v... không cầu phước lạc đời này đời sau, sống lâu an ổn, chỉ vì Trí nhất thiết chủng; ví như người xan tham, không có nhân duyên, cho đến một tiền cũng không thí, tham tiếc tích tụ, chỉ mong tăng trưởng. Bồ tát cũng như vậy, phước đức hoặc nhiều hoặc ít, không hướng đến việc khác, chỉ tham tiếc tích tụ, hướng đến Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ tát ấy chưa biết Trí nhất thiết chủng, không được mùi vị của nó, làm sao có thể có được thâm tâm cầu Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Tôi trước đã nói. Người ấy nếu lợi căn, các phiền não mỏng, phước đức thuần hậu, không ưa vui về thế gian, tuy chưa nghe tán thán Đại thừa, còn không ưa vui thế gian hưởng gì đã nghe. Như Ma ha Ca diếp cưới gái Kim sắc làm vợ, tâm chẳng ưa vui, xả bỏ xuất gia. Lại như con trưởng giả Gia xá, nửa đêm trông thấy bọn thể nữ đều giống như chết, liền bỏ của báu trị giá mười vạn lượng vàng, đi chân đến bên bờ sông, vượt qua thẳng đến chỗ Phật. Các quốc vương, quý nhân như vậy, người chán bỏ ngũ dục vô số, hưởng gì Bồ tát nghe nói mỗi mỗi nhân duyên công đức Phật đạo, mà không tức thời phát tâm thâm nhập? Như trong phẩm Tát đà ba luân ở sau, con gái Trưởng giả nghe tán thán công đức Phật, liền bỏ nhà đi đến chỗ Đàm vô kiệt.

Lại nữa, năm căn tín, tấn v.v... thành tựu thuần thực nên có thể được thâm tâm ấy, ví như tiểu nhi, năm thức nhãn nhĩ v.v... vì căn chưa thành tựu nên không phân biệt được năm trần, không biết tốt xấu. Năm căn tín, tấn v.v... chưa thành tựu cũng như vậy. Không rõ thiện ác, không biết trói mở, ưa vui năm dục, chìm trong tà kiến. Năm căn tín tấn v.v... thành thực thời

có thể phân biệt thiện ác. Còn ưa vui mừng thiện đạo, pháp Thanh văn, hưởng gì đạo Vô thượng mà không tưởng niệm sâu xa. Bắt đầu phát tâm vô thượng đạo đã tối thượng ở trong thế gian hưởng gì khi đã thành tựu.

Lại nữa, Bồ tát bắt đầu được mùi vị Bát nhã ba la mật nên có thể phát sinh thâm tâm; như người bị nhốt ở chỗ tối, qua khe nhỏ thấy ánh sáng, thời tâm sung sướng nhẩy nhót, nghĩ rằng: Tất cả mọi người đều chỉ cần thấy được ánh sáng. Như vậy, hân hoan ưa vui, liền sinh thâm tâm nhớ tới ánh sáng ấy, tìm cách thoát ra Bồ tát cũng như vậy, vì nhân duyên nghiệp trước mà bị nhốt trong ngục, mười hai nhập vô minh tối tăm, có thấy biết gì đều là hư vọng. Khi nghe Bát nhã ba la mật, được chút mùi vị, nhớ sâu Trí nhất thiết chủng, rằng ta sẽ làm sao ra khỏi cái ngục sáu thức này, được giống như Phật, thánh nhân.

Lại nữa, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành theo nguyện, vì vậy nên sinh thâm tâm.

Thâm tâm là ưa các pháp không bằng ưa Trí nhất thiết chủng, yêu hết thấy chúng sinh không bằng yêu Phật. Lại sâu vào tâm bi, lợi ích chúng sinh, như vậy gọi là tướng thâm tâm. Sơ địa Bồ tát nên thường tu hành tâm ấy.

Tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh là Bồ tát được thâm tâm ấy rồi, tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh, chúng sinh thường tình ưa cái mình thân, ghét cái mình ghét. Bồ tát được thâm tâm nên người oán kẻ thân bình đẳng, xem đó không hai. Trong đây Phật tự nói: Đẳng tâm là bốn tâm vô lượng. Bồ tát thấy chúng sinh thọ vui, thời sinh tâm từ, tâm hỷ, nguyện rằng Ta sẽ làm cho hết thấy chúng sinh đều được cái vui của Phật. Nếu thấy chúng sinh thọ khổ thời sinh tâm bi thương xót, nguyện rằng Ta sẽ cứu chúng sinh ra khỏi khổ; nếu thấy chúng sinh thọ không khổ không vui, thời sinh tâm xả, nguyện rằng Ta sẽ làm cho chúng sinh bỏ tâm thương ghét. Các nghĩa khác về bốn tâm vô lượng như trước nói.

Tâm xả là xả có hai thứ: 1. Xả cửa, tu bố thí. 2. Xả kiết sử, đắc đạo. Đây lấy việc trừ xan lẫn làm xả, làm nhân duyên cho xả kiết sử, đến địa thứ bảy mới có thể xả kiết sử.

Hỏi: Tướng xả có các thứ trong ngoài, nhẹ nặng, tài thí, pháp thí, thế gian, xuất thế gian v.v... cơ sao Phật chỉ nói bố thí xuất thế gian không có phân biệt ức tướng?

Đáp: Bồ thí tuy có các tướng, nhưng đây chỉ nói đại bồ thí không chấp thủ tướng.

Lại nữa, Phật không đấm trước hết thầy pháp, cũng lấy đó dạy Bồ tát bồ thí, khiến như Phật pháp không đấm trước. Trong đây nên nói rộng bồ thí không phân biệt, các tướng bồ thí khác đã phân biệt nói ở nhiều nơi.

Nghĩa thân cận thiện tri thức như trước đã nói.

Cầu pháp là pháp có ba: 1. Pháp vô thượng trong các pháp, đó là Niết bàn. 2. Pháp phương tiện được Niết bàn, đó là tám Thánh đạo. 3. Tất cả lời nói lành, lời nói chân thật, giúp tám Thánh đạo là 84.000 pháp tụ, 12 bộ Kinh. Bồ tạng là A hàm, A tỳ đà, Tỳ ni, Tạp tạng. Các kinh Đại thừa như đại Bát nhã ba la mật v.v... đều gọi là pháp. Trong đây, cầu pháp là viết chép, đọc tụng, ức niệm đúng đắn, như vậy, vì trị bệnh chúng sinh nhóm các pháp được, không tiếc thân mạng. Như đức Phật Thích ca Văn, lúc xưa làm Bồ tát, tên là Lạc Pháp, đời ấy không có Phật, không được nghe lời nói lành, đi bốn phương cầu pháp, siêng năng không biếng nhác, trọn không chứng được, khi ấy ma biến làm người Bà la môn, nói với Bồ tát rằng: Ta có bài kệ của Phật, ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực, ghi chép kệ ấy, ta sẽ nói cho ông.

Bồ tát liền tự nghĩ: Ta đời đời nát thân vô số mà không được lợi này, liền tự lột da phơi khô, để chép kệ ấy. Ma liền biến mất. Khi ấy Phật biết tâm chí thành của Bồ tát liền từ phương dưới vọt lên, thuyết cho pháp thâm sâu, Bồ tát liền được vô sinh pháp nhẫn. Lại như Bồ tát Tát đà ba luân (Thường đề Bồ tát) khổ hạnh cầu pháp, như Bồ tát Thích ca Văn, trăm cái đinh đóng vào thân, vì tâm cầu pháp. Lại như vua Kim Kiên khoét thân năm trăm chỗ làm tim đèn, gieo từ núi cao vào lửa. Như vậy các cách khổ hạnh khó làm, vì chúng sinh mà cầu pháp.

Lại nữa, Phật tự nói tướng cầu pháp, vì Trí nhất thiết chủng, chứ không vì địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Thường xuất gia là Bồ tát tại gia có các nhân duyên gây tội, nếu Ta ở nhà thì tự mình không thể tu hạnh thanh tịnh, làm sao khiến người khác được hạnh thanh tịnh? Nếu theo phép tại gia thời có những roi gậy làm khổ não chúng sinh, nếu làm theo pháp lành thời phá phép tại gia. Trừ lượng hai việc, ta nay không xuất gia, thì khi chết cũng phải bỏ hết, xa lìa bây giờ, phước đức rất lớn.

Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng hết thầy quốc vương, quý nhân thế lực như trời, cầu vui chưa thôi thì cái chết đến cướp ngang! Ta nay vì chúng sinh nên bỏ nhà, giữ giới thanh tịnh, cầu Phật đạo, đầy đủ nhân duyên Giới ba la mật. Trong đây Phật tự nói, Bồ tát đời đời không tạp tâm xuất gia. Không tạp tâm là không xuất gia trong 96 phái ngoại đạo, chỉ xuất gia trong Phật đạo, vì sao? Vì trong Phật đạo có hai thứ chánh kiến là thế gian chánh kiến và xuất thế gian chánh kiến.

Ưa vui thân Phật là nghe lời tán thán Phật có các công đức mười lực, bốn điều không sợ, đại từ đại bi, hết thầy trí tuệ. Lại thấy thân Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, phóng hào quang lớn, trời người cúng dường, không biết chán đủ, tự biết ta trong đời sau cũng sẽ được như vậy. Giả sử không có được nhân duyên làm Phật mà còn ưa vui, hưởng sẽ được mà không ưa vui. Có được thâm tâm ưa vui Phật ấy nên đời đời thường được gặp Phật.

Diễn xuất giáo pháp là Bồ tát cầu pháp như trên rồi, vì chúng sinh mà diễn nói.

Bồ tát tại gia là phần nhiều đem của bố thí, còn xuất gia thời tâm ưa Phật nặng nên thường lấy pháp bố thí. Hoặc Phật ở đời, hoặc không ở đời, khéo tu trì giới, không cầu danh lợi, tâm bình đẳng vì hết thầy chúng sinh mà thuyết pháp, tán thán nghĩa bố thí, gọi là sơ thiện phân biệt; tán thán trì giới, gọi là trung thiện. Quả báo của hai việc này là hoặc được sinh vào nước chư Phật hoặc làm trời lớn, gọi là hậu thiện.

Lại nữa, thấy chịu thân năm thọ uẩn ở trong ba cõi nhiều khổ não, thời sinh tâm nhàm chán, gọi là sơ thiện, bỏ nhà xuất gia, vì thân xa lìa nên gọi là trung thiện; vì tâm xa lìa phiền não, nên gọi là hậu thiện.

Giải nói Thanh văn thừa, gọi là sơ thiện; giải thuyết Bích chi Phật thừa, gọi là trung thiện; tuyên dương Đại thừa, gọi là hậu thiện.

Diệu nghĩa diệu ngữ là ba loại ngôn ngữ, tuy lời diệu mà nghĩa cạn cợt, hoặc tuy lý thâm diệu mà lời không đầy đủ, vì vậy nên nói diệu nghĩa diệu ngữ. Lìa ba độc cầu chỉ nói chánh pháp, không tạp phi pháp, ấy gọi là thanh tịnh. Đầy đủ tám Thánh đạo, sáu Ba la mật nên gọi là đầy đủ.

Tu đa la, mười hai bộ Kinh như trước đã nói.

Phá kiêu mạn là Bồ tát ấy xuất gia, giữ giới, thuyết pháp dứt nghi cho chúng, hoặc có khi tự thị mà sinh kiêu mạn. Lúc ấy nên nghĩ rằng, ta cạo tóc mặc Ca sa, bưng bát khát thực, ấy là phương pháp phá kiêu mạn, tại sao ở đây ta sinh kiêu mạn?

Lại, kiêu mạn ấy ở trong tâm người thời che mắt công đức, người ta không ưa, tiếng xấu lan truyền, thân sau thường sinh vào trong loài súc sinh tệ ác, hoặc sinh trong loài người quê mùa hà tiện. Biết kiêu mạn có vô lượng tội lỗi như vậy, phá kiêu mạn ấy vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như người cầu tài vật còn phải khiêm tốn hạ mình, hướng gì cầu đạo Vô thượng. Do phá kiêu mạn mà thường sinh chỗ tôn quý, trọn không sinh vào nhà hà tiện.

Thật ngữ là gốc của các điều lành, là nhân duyên được sinh cõi trời, được người tín thọ. Người tu hành thật ngữ, không cần bố thí, trì giới, học vấn, chỉ tu thật ngữ, được phước vô lượng. Thật ngữ là làm đúng như nói.

Hỏi: Khẩu nghiệp có bốn thứ, cứ sao chỉ nói thật ngữ?

Đáp: Trong Phật pháp quý sự thật, nên nói thật là thu nhiếp các điều khác. Bốn để thật nên được Niết bàn.

Lại nữa, Bồ tát với chúng sinh cộng sự, nói dữ, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, hoặc có khi có thể có, còn vọng ngữ tội nặng nên ở Sơ địa phải bỏ. Bồ tát ấy tu hành Sơ địa, chưa thể đầy đủ tu cả bốn nghiệp miệng, nên chỉ nói thật ngữ. Trong địa thứ hai thời có thể đầy đủ.

Hỏi: Trong Sơ địa cứ sao chỉ nói mười việc?

Đáp: Phải là vua pháp, tự tại giữa các pháp, biết mười pháp ấy thành được Sơ địa; ví như lương y biết rõ dược thảo số lượng hoặc năm hoặc mười đủ để trừ bệnh, trong đây không nên nạn hỏi nhiều ít.

KINH: Thế nào là Bồ tát giới thanh tịnh? Nếu Bồ tát ma ha tát không có tâm niệm đến Thanh văn, Bích chi Phật và các sự phá giới chương Phật đạo pháp, gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là Bồ tát biết ân, báo ân? Nếu Bồ tát ma ha tát hành đạo Bồ tát cho đến ân nhỏ còn không quên hướng gì ân nhiều, ấy gọi là Bồ tát biết ân, báo ân.

Thế nào là Bồ tát trụ ở lực nhẫn nhục? Nếu Bồ tát không sân không não đối với hết thầy chúng sinh, ấy gọi là trụ ở lực nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ tát thọ hoan hỷ? Thành tựu cho chúng sinh, lấy đó làm mừng, ấy gọi là thọ hoan hỷ.

Thế nào là Bồ tát không bỏ hết thầy chúng sinh? Nếu Bồ tát có tâm niệm muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ấy gọi là không bỏ hết thầy chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát vào tâm đại bi? Nếu Bồ tát nghĩ như vậy: Ta vì mỗi mỗi chúng sinh chịu cần khổ trong địa ngục trải qua nhiều kiếp như cát sông Hằng, cho đến mỗi chúng sinh ấy được Phật đạo vào Niết bàn, như vậy gọi là vì mười phương hết thầy chúng sinh nhẫn chịu thống khổ, ấy gọi là vào tâm đại bi.

Bồ tát tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ thế nào? Nếu Bồ tát đối với các thầy tưởng như là Thế Tôn, ấy gọi là tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ.

Thế nào là Bồ tát siêng cầu các Ba la mật? Nếu Bồ tát nhất tâm cầu các Ba la mật không cầu việc khác, ấy gọi là siêng cầu các Ba la mật; ấy là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ hai đầy đủ tám pháp.

Thế nào là Bồ tát ma ha tát học vấn nhiều không nhàm đủ? Pháp của chư Phật nói, hoặc nói ở trong thế giới này, hoặc chư Phật trong mười phương thế giới nói, đều muốn nghe và thọ trì, ấy gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ.

Thế nào là Bồ tát pháp thí thanh tịnh? Có bố thí pháp cho đến không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng gì cầu việc khác, ấy gọi là thí pháp không cầu danh lợi.

Thế nào là Bồ tát tịnh thế giới Phật? Đem các căn lành hồi hướng, tịnh thế giới Phật, ấy gọi là tịnh thế giới Phật.

Thế nào là Bồ tát chịu vô lượng cần khổ của thế gian không lấy làm chán? Nhờ đầy đủ các căn lành nên có thể thành tựu chúng sinh, cũng trang nghiêm Phật độ, cho đến khi đầy đủ Trí nhất thiết chủng trọn không mệt chán, ấy gọi là chịu vô lượng cần khổ không lấy làm chán.

Thế nào là Bồ tát trú ở chỗ tàm quý? Hồ thẹn ý nghĩ Thanh văn, Bích chi Phật, ấy gọi là trú ở chỗ tàm quý; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú ở trong địa thứ ba đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ tát không bỏ trú xứ A lan nhã? Hay vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, ấy gọi là không bỏ trú xứ A lan nhã.

Thế nào là Bồ tát ít muốn? Bồ tát ít muốn là cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không muốn, huống gì thứ khác, ấy gọi là ít muốn.

Thế nào là Bồ tát biết đủ? Được Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là biết đủ.

Thế nào là Bồ tát không bỏ công đức đầu đà? Quán các pháp nhẫn thâm sâu, ấy gọi là không bỏ công đức đầu đà.

Thế nào là Bồ tát không bỏ giới? Không chấp thủ giới tướng, ấy gọi là không bỏ giới.

Thế nào là Bồ tát gớm ghét các dục? Tâm dục không sinh, ấy gọi là gớm ghét các dục.

Thế nào là Bồ tát tâm chán thế gian? Biết hết thấy pháp chẳng tạo tác, ấy gọi là chán thế gian.

Thế nào là Bồ tát bỏ tất cả sở hữu? Không tiếc các pháp trong ngoài, ấy gọi là bỏ tất cả sở hữu.

Thế nào gọi là Bồ tát tâm không ẩn mắt? Hai thứ thức xứ tâm không sinh, ấy gọi là tâm không ẩn mắt.

Thế nào là Bồ tát không tiếc hết thấy vật? Đối với hết thấy vật không đắm không nhớ, ấy gọi là không tiếc hết thấy vật; ấy là Bồ tát ở trong địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Vì sao Bồ tát xa lìa hàng bạch y thân thích? Vì Bồ tát tùy chỗ sinh ra đều muốn xuất gia, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thường xuất gia, cạo tóc, mặc pháp y, ấy gọi là xa lìa hàng bạch y thân thích.

Vì sao Bồ tát xa lìa Tỳ kheo ni? Không ở chung với Tỳ kheo ni, dù cho trong khoảng khắc cũng không sinh niệm, ấy gọi là xa lìa Tỳ kheo ni.

Vì sao Bồ tát xa lìa lẫn tiếc nhà người khác? Bồ tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm an lạc chúng sinh, nay kia giúp ta an lạc, có sao ta sinh lẫn tiếc? Ấy gọi là xa lìa lẫn tiếc nhà người khác.

Vì sao Bồ tát xa kia đàm thuyết vô ích? Vì nếu có đàm thuyết thì hoặc sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật, ta nên xa lia; ấy gọi là đàm thuyết vô ích.

Vì sao Bồ tát xa lia sân hận? Vì Không để cho tâm sân, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, ấy gọi là xa lia sân hận.

Vì sao Bồ tát xa kia tự đại (Đại Bát nhã ghi: Khen mình chê người – ND) ? Vì không thấy pháp trong, ấy gọi là xa lia tự đại.

Vì sao Bồ tát xa lia miệt thị người? Vì không thấy pháp ngoài, ấy gọi là xa lia miệt thị người.

Vì sao Bồ tát xa lia mười bất thiện đạo? Vì mười bất thiện đạo ấy hay chướng ngại tám Thánh đạo, hưởng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là xa lia mười bất thiện đạo.

Vì sao Bồ tát xa lia đại nạn? Vì Bồ tát không thấy pháp có thể khởi lên đại nạn (tăng thượng mạn), ấy gọi là xa lia đại nạn.

Vì sao Bồ tát xa kia tự dụng? Vì Bồ tát không thấy pháp có thể khởi lên tự dụng, ấy gọi là xa lia tự dụng (Đại Bát nhã ghi: Do dự- ND).

Vì sao Bồ tát xa lia điên đảo? Vì chỗ điên đảo không thể có được, ấy gọi là xa lia điên đảo.

Vì sao Bồ tát xa lia dâm, nộ, si? Vì chỗ dâm, nộ, si không thể thấy được, ấy gọi là xa lia dâm, nộ, si; ấy là trú địa thứ năm xa lia mười hai pháp.

Bồ tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu pháp đó là sáu Ba la mật. Chư Phật và Thanh văn, Bích chi Phật trú trong sáu Ba la mật, có thể qua bờ kia, ấy gọi là đầy đủ sáu pháp.

Vì sao Bồ tát không tác ý Thanh văn, Bích chi Phật? Vì nghĩ rằng ý Thanh văn, Bích chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ tát bố thí không sinh tâm ưu? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ tát thấy có người đến xin, tâm không thối mất? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ tát bố thí vật sở hữu? Bồ tát khi mới phát tâm bố thí, không nói rằng người ấy đáng cho, người ấy không đáng cho.

Vì sao Bồ tát sau khi bố thí không hối tiếc? Vì lực từ bi.

Vì sao Bồ tát không nghi pháp sâu xa? Vì lực công đức của lòng tin; ấy là Bồ tát trú trong địa thứ sáu xa lìa sáu pháp.

LUẬN: Luận giả nói:Giới Sơ địa là ở Sơ địa phần nhiều bố thí, thứ đến biết trì giới hơn bố thí, vì sao? Vì trì giới thời thu nhiếp hết thầy chúng sinh, bố thí thời không thể trùm khắp hết thầy, còn trì giới biến khắp vô lượng; như giới không sát sinh thời là bố thí mạng cho hết thầy chúng sinh; như chúng sinh vô lượng vô biên thời phước đức cũng vô lượng vô biên. Lược nói các việc làm phá hoại Phật đạo, trong đây đều gọi là phá giới. Là sự ô cấu phá giới ấy, gọi là thanh tịnh; cho đến tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật còn gọi là giới cấu, hướng gì các việc ác khác.

Biết ân báo ân là, có người nói, ta đời trước có nhân duyên phước đức nên được, hoặc nói ta tự nhiên tôn quý, ông có ân gì? Rơi vào tà kiến như vậy, nên Phật nói Bồ tát nên biết ân. Chúng sinh tuy có nhân vui của đời trước, song đời nay việc không hòa hợp thời do đâu được vui; ví như lúa gieo ở đất, không mưa thời không mọc, không thể vì đất có thể mọc lúa mà nói mưa không có ân; tuy vật được thọ dụng là đã gieo đời trước, mà người cung phụng với tâm tốt kính ái, há lại chẳng phải ân sao?

Lại nữa, biết ân là gốc đại bi, mở cửa ban đầu thiện nghiệp, được người ái kính, danh dự truyền xa, chết được sinh cõi trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân thì tệ hơn súc sinh. Như Phật nói kinh Bản sinh rằng: Có người vào núi đốn cây, mê tối lạc đường, khi ấy gặp mưa bão, trời tối đói rét, ác trùng thú độc muốn đến xâm hại. Người ấy đi vào một cái hang đá, trong hang có một con gấu lớn, người ấy trông thấy khiếp sợ đi ra. Gấu nói: Người chớ khiếp sợ, nhà này ấm nóng, có thể ở đêm. Thời gian mưa suốt bảy ngày, gấu thường lấy trái ngọt nước ngon, cung cấp cho người ấy; bảy ngày ngưng mưa, gấu đưa người ấy chỉ cho đường đi. Gấu nói với người: Ta mang thân tội, có nhiều kẻ oan gia, nếu có ai hỏi, chớ nói thấy ta. Người đáp: Vâng. Người ấy đi tới, gặp các người thợ săn, thợ săn hỏi: Ông từ đâu đến? Thấy có bày thú chăng? Đáp: Ta thấy một con gấu lớn; gấu ấy có ân với ta, không được chỉ cho ông. Thợ săn nói: Ông là người, nên vì cùng loài người thân nhau, có sao lại tiếc thương con gấu. Nay một lần lạc đường, lúc nào trở lại? Ông chỉ cho tôi, tôi sẽ cho ông nhiều phần! Người ấy đổi tâm, liền đem thợ săn chỉ chỗ gấu ở. Thợ săn giết gấu, liền lấy nhiều phần đưa cho. Người ấy ngả tay lấy thịt, hai

khuyết tay đều bị sa xuống. Thọ săn nói: Ông có tội gì? Đáp: Gấu ấy xem ta như cha với con, ta nay bội ân, mắc phải tội ấy. Thọ săn khiếp sợ, không dám ăn thịt, đem thí chúng Tăng, bấy giờ vị Thượng tọa là A la hán đủ sáu thần thông nói với các vị hạ tọa: Đây là vị Bồ tát sẽ thành Phật trong đời vị lai, chớ ăn thịt ấy. Liền dựng tháp cúng dường.

Vua nghe việc ấy, sắc xuống trong nước: Người không biết ân, không cho ở đây. Lại dùng các nhân duyên tán thán người biết ân. Cái nghĩa lý biết ân, ban khắp cõi Diêm phù đề, người đều tin làm.

Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Nếu người có việc ác đối với ta, ta còn nên hóa độ, huống gì người đối với ta có ân.

Lực an trú nhẫn nhục như đã nói rộng trong đoạn Nhẫn ba la mật.

Hỏi: Tướng nhẫn nhục có nhiều nhân duyên, sao trong đây chỉ nói không giận, không nã?

Đáp: Đây là thể nhẫn nhục. Trước khởi tâm giận vậy sau thân miệng mới xúc nã người khác. Bồ tát ấy mới bắt đầu tu nên chỉ nói chúng sinh nhẫn (nhẫn đối chúng sinh) không nói pháp thân nhân (nhẫn đối với pháp).

Thọ hoan hỷ là Bồ tát thấy việc trì giới ấy nên thân miệng thanh tịnh; biết ân và nhẫn nhục nên tâm thanh tịnh; ba nghiệp thanh tịnh thời tự nhiên sinh hoan hỷ. Ví như người tắm nước nấu hương thơm, mặc áo mới đẹp, trang nghiêm anh lạc, tự soi gương, tâm sinh hoan hỷ, Bồ tát cũng như vậy, được thiện pháp ấy tự trang nghiêm. Giới là căn bản của thiên định trí tuệ, ta nay được giới thanh tịnh nên vô lượng vô biên phước đức đều dễ được, vì vậy tự mình vui mừng. Bồ tát an trú trong tịnh giới và nhẫn nhục, giáo hóa chúng sinh, khiến được sinh ở trước Phật nơi phương khác, lại sinh vào cõi trời cõi người thọ vui, hoặc khiến Thanh văn, Bích chi Phật thừa. Phật thừa là xem thấy chúng sinh ưa đấm; như Trưởng giả xem thấy con dại vui đùa với nhau, cũng cùng vui đùa với nó, rồi lấy một ít vật lạ cho nó, khiến nó bỏ các thứ ưa đấm. Bồ tát cũng như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến được phước lạc cõi trời người, dần dần dụ dỗ tiến tới, khiến được ba thừa. Vì vậy nói là thọ hoan hỷ.

Không bỏ hết thấy chúng sinh là khéo tu tập tâm đại bi, thế độ chúng sinh, phát tâm kiên cố, không bị chư Phật Thánh hiền khinh cười và sợ phụ lòng chúng sinh nên không bỏ; ví như trước hứa cho người vật gì, sau nếu

không cho, tức là người có tội dối trá. Vì nhân duyên ấy nên không bỏ chúng sinh.

Vào tâm đại bi là như trước nói. Trong đây Phật tự nói: Bản nguyện đại tâm vì chúng sinh, nghĩa là vì mỗi mỗi người nên ở trong vô lượng kiếp chịu thay sự khổ địa ngục, cho đến khiến người ta tập tu công đức để làm Phật, vào vô dư Niết bàn.

Hỏi: Không có việc chịu tội thay, cứ sao phát nguyện ấy?

Đáp: Đó là tâm rộng lớn của Bồ tát thương chúng sinh sâu xa, nếu có lý lẽ thay được thì chịu thay không nghi nan.

Lại nữa, Bồ tát thấy nhân gian có miếu thờ trời, dùng máu thịt ngũ tạng của người để tế quỷ thần La sát, có người chịu thay thế thờ được. Bồ tát nghĩ rằng trong địa ngục, nếu có lẽ thay thế như vậy, thì ta sẽ thay thế. Chúng sinh nghe Bồ tát có tâm lớn như vậy, thời quý kính tôn trọng, vì sao? Vì Bồ tát sâu nghĩ đến chúng sinh hơn mẹ lành.

Tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ là Bồ tát nhân nơi thầy mà chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao không tin kính, cúng dường. Thầy tuy trí tuệ cao minh, nếu không cung kính, cúng dường thời không được lợi lớn; ví như nước ngon dưới giếng sâu, nếu không có dây gầu thời do đâu múc được nước? Nếu dẹp bỏ tâm cống cao kiêu mạn mà tôn trọng kính phục, thời lợi ích lớn, công đức qui tụ về; ví như mưa xuống, chẳng ở đỉnh núi mà chắc chắn qui về chỗ thấp. Nếu người có tâm kiêu mạn tự cao thời nước pháp không vào, nếu cung kính thầy lành, thời công đức qui tụ về.

Lại nữa, Phật dạy nương dựa thầy lành thời việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát đều được tăng trưởng; ví như cây cỏ nương nơi núi tuyết thời gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả đều được tươi tốt. Vì vậy Phật dạy đối với bậc tôn sư hãy kính như kính Phật.

Hỏi: Ác sư làm sao được cúng dường tín thọ? Thiện sư không thể xem như Phật, huống gì ác sư? Cứ sao ở trong đây Phật dạy đối với các tôn sư hãy tưởng như Phật?

Đáp: Bồ tát không nên thuận theo pháp thế gian. Thuận theo pháp thế gian là đối với người thiện tâm ưa đắm, đối với người ác xa lìa, Bồ tát thời

không như vậy. Nếu có ai mở bày giải thích nghĩa lý thâm sâu, phá tan nghi kiết, đối với ta có ích, thời tận tâm cung kính, không nhớ các ác khác, như đũa rách đựng đồ báu, không được vì đũa rách mà không lấy đồ báu kia. Lại như đêm đi đường hiểm, người tội tệ cảm được, không được vì người tội tệ mà không dùng ánh sáng đó. Bồ tát cũng như vậy, nơi thầy được trí tuệ sáng suốt, không kể thầy tệ ác.

Lại nữa, đệ tử nên nghĩ rằng: Bồ tát hành Bát nhã ba la mật, có vô lượng lực phương tiện, không biết có sao lại có việc tệ ác ấy? Như Bồ tát Thường đề (Tát đà ba luân) nghe trong hư không mười phương Phật dạy rằng: Người đối với Pháp sư, chớ nên nhớ đến điều thiếu kém của pháp sư, mà thường nên sinh tâm kính sợ.

Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Pháp sư hay dở, chẳng phải việc của ta, điều ta cầu là chỉ muốn nghe pháp để tự lợi ích. Như tượng gỗ, tượng đất, không có công đức thật, nhưng nhờ nơi tượng mà phát sinh tâm tưởng Phật, được công đức vô lượng, huống gì người ấy có trí tuệ và phương tiện có thể vì người giảng nói. Vì vậy, pháp sư có lỗi, đối với ta không lỗi.

Tưởng như Thế Tôn là tôi trước nói Bồ tát khác với người đời; người đời phân biệt tốt xấu, đối với người tốt thì ưa đắm, mà còn không tưởng họ như Phật; huống nữa là đối với người xấu thì càng kiêu mạn, không coi họ ra gì. Bồ tát thời không như vậy, quán các pháp rốt ráo không, từ xưa lại đây, giống như tướng vô dư Niết bàn, quán hết thấy chúng sinh xem đó như Phật, huống gì pháp sư có trí tuệ lợi ích, vì hay làm Phật sự nên xem như Phật.

Siêng cầu các Ba la mật là Bồ tát nghĩ rằng: Sáu Ba la mật ấy là nhân duyên của đạo chánh chơn vô thượng, ta hãy nhất tâm hành nhân duyên ấy, thí như người đi buôn, người làm ruộng, tùy theo quốc độ thích ứng, cần thiết vật gì và đất thích hợp giống cây gì, mà siêng năng tìm tòi cho đạt được, thì không việc gì không thành. Lại như đời nay thực hành bố thí sau được giàu to, giữ giới sau được tôn quý, tu thiền định trí tuệ thì đắc đạo. Bồ tát cũng như vậy, tu sáu Ba la mật thời được thành Phật.

Siêng cầu là thường nhất tâm siêng cầu sáu Ba la mật, vì có sao? Vì nếu tâm mềm tiến chậm thời bị phiền não che lấp, ma phá hoại, vì vậy nên Phật dạy ở trong địa thứ hai siêng cầu chớ giải đãi.

Học vấn nhiều, không chán đủ là Bồ tát biết học vấn nhiều là nhân duyên sinh trí tuệ, được trí tuệ thời có thể phân biệt hành đạo; như người có mắt, đi đến nơi không ngăn ngại. Thế nên Bồ tát nguyện rằng: Mười phương chư Phật có nói pháp tôi đều thọ trì, nhờ có Văn trì Đà la ni, có lực thiên nhĩ thanh tịnh, có được Đà la ni không quên, ví như biển lớn, tiếp thụ giữ gìn được nước của mười phương dồn lại, Bồ tát cũng như vậy, tiếp thụ giữ gìn pháp của mười phương Phật nói ra.

Pháp thí thanh tịnh là như cỏ sinh giữa lúa, trừ cỏ rất thời lúa tốt. Bồ tát cũng như vậy, lúc thí pháp không cầu danh lợi, đời sau được quả báo, cho đến vì chúng sinh mà không cầu Niết bàn Tiểu thừa, chỉ lấy tâm đại bi đối với chúng sinh, theo Phật chuyển pháp luân. Tướng thí pháp, tướng trang nghiêm Phật quốc, mà chịu vô lượng cần khổ giữa thế gian, trú ở chỗ tầm quý, không bỏ chỗ A lan nhã (nơi nhàn tịnh) ít muốn, biết đủ, tất cả điều như trước nói.

Hỏi: Có nhiều nhân duyên ở trong sinh tử không chán, có sao trong đây chỉ nói do hai nhân duyên không chán?

Đáp: Vì đầy đủ căn lành nên ở trong sinh tử mà khổ não mỏng ít, ví như người bị mụn ghẻ, được lương y xức thuốc, bệnh thuyên giảm. Bồ tát được căn lành thanh tịnh nên đời nay tâm ưu sầu, tật đố, hung ác đều ngưng dứt; nếu lại thọ thân, được quả báo của căn lành, tự thọ hưởng phước lạc và các nhân duyên lợi ích chúng sinh, tùy sở nguyện của họ, tự thanh tịnh cõi nước, cõi nước trang nghiêm thanh tịnh hơn cả cung trời, trông không biết chán, làm vui thích tâm vị đại Bồ tát, hưởng chi người phạm. Vì vậy nên tuy có nhiều nhân duyên chỉ nói hai việc không chán.

Tầm quý tuy có nhiều thứ, ở đây nói thứ lớn là tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát phát tâm muốn rộng độ hết thảy chúng sinh, gặp chút ít khổ não, liền muốn thủ chúng Niết bàn riêng mình là điều đáng tầm quý; ví như có người dọn nhiều đồ ăn ngon, mời gọi mọi người, song tâm xen lẫn khởi lên, liền tự ăn một mình, thật đáng tầm quý.

Không bỏ trú xứ A lan nhã là lìa chúng ở riêng, hoặc vượt quá tâm Thanh văn, Bích chi Phật gọi là lìa chúng, vì hết thảy pháp không, không có sở đắc, không có chấp thủ, không có đấm tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không chấp thủ, vì tâm không có đấm trước. Bồ tát

thường nhóm các công đức không chán đủ, được đạo Vô thượng mới đủ, vì không còn có pháp gì cao hơn.

Ăn uống, y phục, ngọa cụ biết đủ là nhân duyên của pháp lành, không cho là trọng yếu, nên không nói.

Không bỏ công đức hạng đầu đầ là như trong phẩm Giác Ma sau đây nói: Vô sinh pháp nhẫn, trong đây lấy vô sinh pháp nhẫn làm hạnh đầu đầ. Bồ tát trú ở thuận nhẫn, quán vô sinh nhẫn. Mười hai hạnh đầu đầ vì trì giới thanh tịnh, trì giới thanh tịnh vì thiền định, thiền định vì trí tuệ; vô sinh pháp nhẫn tức là chân trí tuệ, vô sinh pháp nhẫn là quả báo của hạnh đầu đầ, vì trong quả nói nhân.

Không xả giới, không thủ giới tướng là Bồ tát biết thật tướng các pháp, còn không thấy trì giới, hưởng gì phá giới. Có các nhân duyên không phá giới, đây là tối đại vì vào không giải thoát môn.

Gớm ghét các dục là như trước nói. Trong đây Phật nói biết rõ tâm tướng hư vọng không thật, nên cho đến không sinh tâm dục hưởng gì thọ dục.

Tâm chán thế gian là như đã nói ở trong mục Thế gian không thể có lạc tướng. Trong đây Phật nói quả báo của tâm nhằm chán, đó là vô tác giải thoát môn.

Bỏ hết thấy sở hữu là như trước nói.

Tâm không thối mất là trước nói nhiều nhân duyên các việc, Bồ tát đối với các việc ấy mà không có tướng thối mất, sợ hãi.

Không sinh nơi hai thức là, nơi nhãn và sắc không sinh nhãn thức, cho đến nơi ý và pháp không sinh ý thức. Bồ tát an trú nơi môn không hai ấy, quán các điều sáu thức biết điều là hư vọng không thật. Phát thệ nguyện lớn khiến tất cả chúng sinh trú nơi pháp không hai, là sáu thức ấy.

Không tiếc tất cả vật là trong tất cả vật không tiếc, tuy có nhiều nhân duyên, mà nhân duyên này rất lớn. Đó là Bồ tát biết tất cả pháp rất ráo không, không ước niệm dứt hết thấy tướng chấp thủ. Vì vậy nên không cầu ân huệ nơi người thọ nhận bố thí, trong khi bố thí tâm không tự cao; như vậy đầy đủ bố Thí ba la mật thanh tịnh.

Xa lìa hàng bạch y thân thích là hành giả vì sợ làm chướng ngại đạo nên xuất gia, nếu lại tập gần gũi bạch y thời không khác gì ở nhà, vì vậy nên hành giả trước cầu độ mình, vậy sau độ người. Nếu chưa thể độ mình mà muốn độ người, thì giống như người không biết bơi mà muốn cứu kẻ bị chìm, cả hai đều chìm. Bồ tát xa kia kẻ bạch y thân thích thời có thể nhóm các công đức thanh tịnh, sâu niệm Phật nên biến thân đi đến nước Phật.

Xuất gia cạo tóc mặc pháp y, vì sao? Vì thường ưa pháp xuất gia, không ưa tập gần gũi bạch y.

Xa lìa Tỳ kheo ni là như trong phẩm đầu đà nói.

Hỏi: Bồ tát tâm bình đẳng xem tất cả chúng sinh, có sao không được ở chung?

Đáp: Bồ tát chưa được địa vị bất thối, chưa dứt các lậu hoặc, nhóm các công đức nên được người ưa đắm, vì vậy nên không được ở chung. Lại vì xa lìa sự phỉ báng của người, nếu phỉ báng thời bị đọa địa ngục.

Xa lìa lẩn tiếc nhà người khác là Bồ tát nghĩ rằng: Ta tự bỏ nhà còn không tham không tiếc, có sao tham tiếc nhà người khác. Phép của Bồ tát là muốn khiến hết thảy chúng sinh được vui, người kia giúp cho ta và chúng sinh vui, có sao ta lẩn tiếc. Chúng sinh nhờ phước đức đời trước, đời nay có ít nhiều công phu nên được cúng dường, có sao lẩn tiếc, ganh tị.

Xa lìa sự đàm thuyết vô ích là đây tức là nói thêu dệt, vì việc giải sầu cho tâm mình tâm người, nói việc phép vua, việc giặc, biển lớn, núi rừng, cỏ thuốc, bảo vật, quốc độ các phương, những việc như vậy, không có ích gì cho phước, cho đạo, Bồ tát nên nghĩ đến hết thảy chúng sinh chìm đắm trong lửa khổ vô thường, ta hãy cứu vớt, có sao ngồi yên nói suông những điều vô ích; như người bị lửa cháy nổi dậy bốn phía, làm sao ngồi yên trong đó nói chuyện đầu đầu. Trong đây Phật dạy, nếu nói Thanh văn, Bích chi Phật còn cho là nói vô ích, huống gì nói chuyện khác.

Xa lìa giận hờn là trong tâm mới đầu sinh gọi là giận, vì chưa quyết định. Tâm giận tăng trưởng, sự việc quyết định, đánh, chặt, giết hại, đây gọi là tâm nã; ác khẩu chê bai, đây gọi là tâm tranh tụng; nếu giết hại đánh trói v.v... đây gọi là chiến đấu. Bồ tát vì đại từ bi nên không sinh các tâm ấy; thường đề phòng các ác tâm ấy không cho xen vào.

Xa lìa tự đại khinh miệt người là không thấy pháp trong ngoài, nghĩa là không thấy năm uẩn chấp thọ, năm uẩn không chấp thọ.

Xa lìa mười bất thiện đạo là, Bồ tát quán mười bất thiện đạo là nhân duyên của các tội lỗi, như trước nói. Trong đây Phật dạy mười bất thiện đạo còn phá Tiểu thừa, hướng gì Đại thừa.

Xa lìa đại mạn là Bồ tát hành mười tám không, không thấy các pháp có tướng lớn nhỏ nhất định.

Xa lìa tự dụng là nhỏ bảy thứ gốc rễ kiêu mạn, lại sâu vui thiện pháp.

Xa lìa điên đảo là trong hết thấy pháp tướng thường, lạc, ngã, tịnh không thể có được.

Xa lìa ba độc là, ba độc nghĩa như trước nói: Lại. sở duyên của ba độc không có tướng nhất định.

Sáu Ba la mật là như trước nói: Trong đây Phật dạy hàng tam thừa đều do sáu Ba la mật này mà đến được bờ kia.

Hỏi: Đây là ở địa vị Bồ tát, có sao nói Thanh văn, Bích chi Phật do sáu Ba la mật đến được bờ kia?

Đáp: Nay Phật nói sáu Ba la mật, có nhiều công năng trong pháp Đại thừa, thời hàm thụ cả Tiểu thừa, Tiểu thừa thời không thể. Bồ tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu Ba la mật, quán hết thấy các pháp không, chưa được lực phương tiện, sợ đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, Phật tử hộ nên nói không nên sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát vì sâu nghĩ đến chúng sinh, vì tâm đại bi, vì hết thấy các pháp rốt ráo không, nên khi bố thí không tiếc gì, thấy người đến xin không giận không lo, sau khi bố thí tâm cũng không hối tiếc; phước đức lớn nên đức tin cũng lớn, tin kính chư Phật một cách thâm sâu thanh tịnh, đầy đủ sáu Ba la mật, tuy chưa có lực phương tiện, vô sinh pháp nhẫn, Ban châu Tam muội, mà đối với pháp thâm sâu cũng không nghi. Nghĩ rằng: Hết thấy luận nghị đều có lỗi lầm, chỉ trí tuệ Phật mới diệt các hý luận. Không có khuyến mãi; mà hay dùng phương tiện tu các pháp lành, thế nên không nghi.

(Hết cuốn 49 theo bản Hán)

--oOo--

Cuốn 50

KINH: Vì sao Bồ tát không chấp trước ngã? Vì rốt ráo vô ngã.

Vì sao Bồ tát không chấp trước chúng sinh, không chấp trước mạng sống, không chấp trước chúng số, cho đến kẻ biết, kẻ thấy? Vì các pháp rốt ráo không thể có được.

Vì sao Bồ tát không chấp trước đoạn kiến? Không có pháp đoạn, vì các pháp rốt ráo không sinh.

Vì sao Bồ tát không chấp trước thường kiến? Vì nếu pháp không sinh là không có thường.

Vì sao Bồ tát không nên thủ tướng? Vì không có các phiền não.

Vì sao Bồ tát không nên chấp tác nhân? Vì các kiến chấp không thể có được.

Vì sao Bồ tát không chấp trước danh sắc? Vì tướng chỗ danh sắc không có.

Vì sao Bồ tát không chấp trước năm uẩn, không chấp trước mười hai nhập, không chấp trước mười tám giới? Vì tánh các pháp không có.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ba cõi? Vì tánh ba cõi không có.

Vì sao Bồ tát không nên khởi tâm chấp trước? Vì sao Bồ tát không nên khởi tâm nguyện? Vì sao Bồ tát không nên khởi tâm nương tựa? Vì các pháp ấy tánh không có.

Vì sao Bồ tát không chấp trước nơi ý kiến nương Phật? Vì khởi ý kiến nương thì không thấy Phật.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ý kiến nương Pháp? Vì Pháp không thể thấy.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ý kiến nương Tăng? Vì Tăng tướng vô vi không thể nương.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ý kiến nương Giới? Vì tội vô tội đều không thể chấp trước.

Ấy là Bồ tát an trụ trong địa thứ bảy có hai mươi pháp không nên chấp trước.

Vì sao Bồ tát nên đầy đủ Không? Vì đầy đủ các pháp tự tướng không.

Vì sao Bồ tát chứng Vô tướng? Vì không niệm các tướng.

Vì sao Bồ tát biết vô tác? Vì đối với ba cõi không có tạo tác.

Vì sao Bồ tát ba phần thanh tịnh? Vì đầy đủ mười thiện đạo.

Vì sao Bồ tát đối với hết thảy chúng sinh, trí tuệ và từ bi đầy đủ? Vì được tâm đại từ bi.

Vì sao Bồ tát không niệm hết thảy chúng sinh? Vì thế giới thanh tịnh đầy đủ.

Vì sao Bồ tát bình đẳng quán hết thảy pháp? Vì đối với các pháp không tổn giảm và tăng ích.

Vì sao Bồ tát biết các pháp thật tướng? Vì thật tướng các pháp vô tri.

Vì sao Bồ tát được vô sinh pháp nhẫn? Vì các pháp không sinh không diệt, không khởi nhẫn.

Vì sao Bồ tát được vô sinh trí? Vì biết danh và sắc chẳng sinh.

Vì sao Bồ tát nói các pháp nhất tướng? Vì nhất tâm không hành theo hai tướng.

Vì sao Bồ tát phá tướng phân biệt? Vì hết thảy pháp không phân biệt.

Vì sao Bồ tát chuyển ức tướng? Vì vô tướng lớn nhỏ đều chuyển vậy.

Vì sao Bồ tát chuyển thấy? Vì cái thấy đối với Thanh văn, Bích chi Phật chuyển.

Vì sao Bồ tát chuyển phiền não? Vì dứt các phiền não.

Vì sao Bồ tát được địa vị định tuệ bình đẳng? Vì được Trí nhất thiết chủng.

Vì sao Bồ tát điều phục ý? Vì đối với ba cõi không lay động.

Vì sao Bồ tát tâm tịch diệt? Vì chế phục sáu căn.

Vì sao Bồ tát được trí vô ngại? Vì được Phật nhãn.

Vì sao Bồ tát không nhiễm ái? Vì bỏ sáu trần.

Ấy là Bồ tát trú trong địa thứ bảy đầy đủ hai mươi pháp.

Thế nào là Bồ tát thuận vào tâm chúng sinh? Là Bồ tát lấy nhất tâm biết hết thấy tâm tâm số pháp của chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát dạo chơi các thần thông? Là dùng thần thông ấy đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng không khởi tưởng cõi Phật.

Thế nào là Bồ tát quán các cõi Phật? Là tự ở cõi mình thấy vô lượng cõi Phật, cũng không có tưởng cõi Phật.

Thế nào là Bồ tát như cõi Phật đã được thấy? Là tự trang nghiêm cõi mình, ở địa vị Chuyển luân Thánh vương, đi khắp ba ngàn đại thiên thế giới để tự trang nghiêm.

Thế nào là Bồ tát như thật quán thân Phật? Là như thật quán pháp thân.

Ấy là Bồ tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ tát biết các căn cao thấp? Bồ tát trú ở mười lực của Phật, biết cao thấp hạ của tất cả chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát làm thanh tịnh thế giới Phật? Là làm thanh tịnh chúng sinh vậy.

Thế nào là Bồ tát như huyễn Tam muội? Là trú ở Tam muội ấy, thành biện được hết mọi sự, cũng không sinh tâm tướng.

Thế nào là Bồ tát thường vào Tam muội? Là Bồ tát được Tam muội quá báo sinh.

Thế nào là Bồ tát theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân? Là Bồ tát biết chúng sinh có thiện căn được sinh phát mà vì họ thọ thân, để thành tựu chúng sinh.

Ấy là Bồ tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ tát thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới? Là Bồ tát độ thoát chúng sinh đáng được độ trong mười phương vô lượng thế giới như pháp của chư Phật.

Thế nào là Bồ tát được như sở nguyện? Là sáu Ba la mật đầy đủ.

Thế nào là Bồ tát biết ngôn ngữ của các trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà?
Là do sức từ vô ngại biện.

Thế nào là Bồ tát thành tựu thai sinh? Là Bồ tát đời đời thường hóa sinh.

Thế nào là Bồ tát thành tựu gia đình? Là Thường sinh vào đại gia.

Thế nào là Bồ tát thành tựu nơi sinh? Là Hoặc sinh vào nhà Sát lợi, hoặc sinh vào nhà Bà la môn.

Thế nào là Bồ tát thành tựu dòng họ? Là Bồ tát sinh theo dòng họ đã sinh ra trong quá khứ.

Thế nào là Bồ tát thành tựu quyền thuộc? Quyền thuộc thuần là các Đại Bồ tát.

Thế nào là Bồ tát thành tựu khi sinh ra? Là khi sinh ra có ánh sáng chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng không chấp thủ tướng ấy.

Thế nào là Bồ tát thành tựu xuất gia? Là khi xuất gia có vô lượng trăm ngàn ức chư thiên theo hầu xuất gia, các chúng sinh ấy chắc chắn đến Tam thừa.

Thế nào là Bồ tát thành tựu cây Phật trang nghiêm? Là cây Bồ đề ấy lấy vàng ròng làm gốc, bảy báu làm thân cây, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô số ba ngàn đại thiên thế giới.

Thế nào là Bồ tát thành tựu đầy đủ hết thảy công đức thiện căn? Là Bồ tát được chúng sinh thanh tịnh, cõi Phật cũng tịnh.

Ấy là Bồ tát trú ở địa thứ chín đầy đủ mười hai pháp.

Thế nào là Bồ tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ tát ấy như Phật? Nếu Bồ tát ma ha tát đầy đủ sáu Ba la mật, bốn chỗ quán niệm, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng đầy đủ viên mãn, dứt hết thảy phiền não và tập khí, ấy là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ tát ấy như Phật.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong mười địa ấy, do sức phương tiện (vô sở đắc – ND) nên hành sáu Ba la mật, bốn chỗ quán niệm cho đến mười

tám pháp không chung, trải qua Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhãn địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ tát địa; qua khỏi chín địa ấy, trú ở Phật địa, ấy là Bồ tát mười địa của Bồ tát.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

LUẬN: Luận giả nói: Ngã v.v... hai mươi pháp không thể có được nên không chấp trước. Lý do không thể có được như trước đã mỗi mỗi nói.

Chấp ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy, chấp Phật, chấp tăng là nhiếp vào chúng sinh, các kiến chấp ấy không nên chấp trước. Còn chấp đoạn, chấp thường cho đến chấp giới, là nhiếp vào pháp không nên không nên chấp trước.

Hỏi: Các kiến chấp khác có thể biết, còn kiến chấp về nhân thể nào?

Đáp: Hết thấy pháp hữu vi, triển chuyển làm nhân làm quả. Đối với pháp ấy tâm đắm trước thử tướng sinh chấp kiến, ấy gọi là kiến chấp về nhân. Đó là chẳng phải nhân mà nói nhân; hoặc chấp nhân và quả là một, là khác v.v...

Đầy đủ không là, nếu Bồ tát tu hành đủ mười tám không ấy gọi là đầy đủ không.

Lại nữa, tu hành hai không là chúng sinh không và pháp không, ấy gọi là đầy đủ không.

Lại nữa, nếu Bồ tát tu được rốt ráo không mà không đắm trước rốt ráo không ấy, gọi là đầy đủ không.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao trong Kinh trên đây Phật chỉ nói tự tướng không?

Đáp: Ba thứ không là chúng sinh không, pháp không, rốt ráo không, đều là tự tướng không. Vì Bồ tát trú ở địa thứ sáu có phước đức nên lợi căn, lợi căn nên phân biệt thủ tướng các pháp. Vì vậy, ở trong địa thứ bảy lấy tự tướng không làm đầy đủ không.

Phật hoặc có khi nói hữu vi không, vô vi không, gọi là đầy đủ không.

Hoặc có khi nói “bất khả đắc không” là đầy đủ không.

Chúng vô tướng là vô tướng tức Niết bàn, có thể chúng không thể tu; không thể tu nên không được nói là biết, vì vô lượng vô biên không thể phân biệt nên không thể là đầy đủ.

Biết vô tác là ba việc không, vô tướng, vô tác, tuy đều chung là biết, song hai việc là không, vô tướng thay đổi nghĩa mà lập tên là tu không, chúng vô tướng, còn vô tác thời chỉ có biết tên thôi.

Ba phần thanh tịnh là mười thiện đạo gồm thân ba, miệng bốn, ý ba, ấy gọi là ba phần. Giải thoát môn, trên đã nói nên ở đây không nói lại.

Ba phần thanh tịnh là hoặc có người nghiệp thân thanh tịnh, nghiệp miệng không thanh tịnh; nghiệp miệng thanh tịnh, nghiệp thân không thanh tịnh; hoặc nghiệp thân miệng thanh tịnh, nghiệp ý không thanh tịnh. Hoặc có thể gian ba nghiệp đều thanh tịnh mà chưa thể xa lìa chấp trước, còn Bồ tát ấy ba nghiệp thanh tịnh lại xa lìa chấp trước, ấy gọi là ba phần thanh tịnh.

Đầy đủ trí từ bi đối với chúng sinh là, từ bi có ba là sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. Trong đây nói vô duyên đại bi gọi là đầy đủ. Nghĩa là pháp không cho đến thật tướng cũng không, ấy gọi là vô duyên đại bi. Bồ tát sâu vào thật tướng, vậy sau thương nghĩ đến chúng sinh; thí như người có một người con, được vật báu tốt, tâm rất thương tưởng, muốn lấy đem cho.

Không nghĩ đến hết thấy chúng sinh là vì đầy đủ thế giới thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không nghĩ đến chúng sinh làm sao có thể làm thanh tịnh cõi Phật?

Đáp: Bồ tát khiến chúng sinh trú ở mười thiện đạo, là trang nghiêm cõi Phật. Tuy trang nghiêm mà chưa được vô ngại trang nghiêm. Nay Bồ tát giáo hóa chúng sinh mà không thủ tướng chúng sinh nên các thiện căn phước đức thanh tịnh, các thiện căn phước đức thanh tịnh ấy là vô ngại trang nghiêm.

Bình đẳng quán hết thấy pháp là như đã nói trong phẩm Pháp đẳng nhãn. Trong đây Phật tự nói đối với các pháp không thấy thêm bớt.

Biết thật tướng các pháp là như trước đã nhiều cách nói rộng.

Vô sinh pháp nhãn là đối với thật tướng các pháp không sinh không diệt, tin thọ thông suốt vô ngại không thối chuyển, ấy gọi là Vô sinh nhãn.

Vô sinh trí là dầu nhãn sau trí; thô là nhãn, tế là trí. Ở đây Phật tự nói trí biết danh và sắc bất sinh.

Nói các pháp một tướng là Bồ tát biết trong ngoài mười hai nhập đều là lưới ma, hư dối không thật, sáu thức sinh từ trong đó cũng là lưới ma, hư dối. Thế nào là thật? duy pháp không hai, không mất, không sắc, cho đến không ý không pháp v.v... ấy gọi là thật. Khiến chúng sinh xa lìa mười hai nhập nên thường dùng nhiều nhân duyên nói pháp không hai ấy.

Phá tướng phân biệt là Bồ tát trú ở trong pháp không hai ấy, phá các pháp sở duyên phân biệt trai gái, dài ngắn, lớn nhỏ v.v...

Chuyển ức tướng là phá nội tâm ức tướng phân biệt các pháp.

Chuyển kiến là Bồ tát trước chuyển các tà kiến, ngã kiến, biên kiến v.v... vậy sau mới vào đạo. Nay chuyển pháp kiến, Niết bàn kiến, vì các pháp không có tướng nhất định.

Chuyển Niết bàn là chuyển Thanh văn, Bích chi Phật kiến mà thẳng đến Phật đạo.

Chuyển phiền não là Bồ tát lấy lực phước đức, trì giới, chiết phục phiền não thô, an ổn hành đạo, chỉ còn có ái, kiến, mạn vi tế, nay cũng xa lìa phiền não vi tế.

Lại nữa, Bồ tát dùng trí tuệ thật quán phiền não ấy tức là thật tướng; ví như người có thần thông, hay chuyển bất tịnh thành tịnh.

Địa vị định tuệ bình đẳng là Bồ tát ở ba địa đầu tuệ nhiều định ít, chưa thể nhiếp tâm; ba địa kế tiếp định nhiều tuệ ít, vì vậy nên không vào được Bồ tát vị. Nay chúng sinh không, pháp không, định tuệ bình đẳng nên có thể an ổn hành Bồ tát đạo, từ địa vị bất thối dần dần đến được địa vị Trí nhất thiết chủng.

Điều ý là Bồ tát trước ước niệm già, bệnh, chết, ba ác đạo, thương xót chúng sinh nên điều phục tâm ý, khiến biết thật tướng các pháp, không đắm trước ba cõi, không đắm trước ba cõi nên tâm ý điều phục.

Tâm tịch diệt là Bồ tát vì Niết bàn nên đối với năm dục chiết phục năm thức. Vì ý thức khó chiết phục, nên nay trú ở địa thứ bảy, ý thức tịch diệt.

Trí vô ngại là Bồ tát được Bát nhã ba la mật, đối với các pháp thật chẳng thật, được vô ngại. Được đạo tuệ ấy, đưa hết thầy chúng sinh khiến vào thật pháp, được giải thoát vô ngại, được Phật nhãn, đối với hết thầy pháp vô ngại.

Hỏi: Trong địa thứ bảy có sao nói được Phật nhãn?

Đáp: Trong ấy hãy học Phật nhãn đối với các pháp vô ngại, giống như Phật nhãn.

Chẳng nhiễm ái là Bồ tát tuy trú ở địa thứ bảy được lực trí tuệ, song còn có nhân duyên đời trước, nên có nhục thân này. Khi vào thiên định thời không nhiễm đắm, khi ra thiên định thời có tập khí nhiễm đắm, tùy theo mắt thịt trông thấy, thấy người đẹp thì thân ái; hoặc ái trước tuệ thật pháp của địa thứ bảy, cho nên Phật dạy hành tâm xả đối với sáu trần, không thủ lấy tướng tốt xấu (xong Địa thứ bảy).

Thuận vào tâm chúng sinh là Bồ tát ở trong địa thứ tám, quán thuận theo chỗ tâm xu hướng của chúng sinh, phát động tư duy, niệm sâu quán thuận, dùng trí tuệ phân biệt biết chúng sinh ấy vĩnh viễn không có nhân duyên đắc độ, chúng sinh ấy trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, sau mới đắc độ, chúng sinh ấy trải qua một kiếp, hai kiếp, cho đến muôn kiếp mới đắc độ; chúng sinh ấy trải một đời, hai đời, cho đến đắc độ ngay trong đời này; chúng sinh ấy hoặc tức thời đắc độ, là thuận thực là chưa thuận thực; người ấy có thể dùng Thanh văn thừa mà độ thoát, người ấy có thể dùng Bích chi Phật thừa mà độ thoát. Thí như lương y thăm bệnh, biết sắp lành hoặc có thể trị hoặc không thể trị.

Xem các nước Phật là có Bồ tát dùng sức thần thông bay đến mười phương, xem các thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng ấy muốn tự trang nghiêm nước mình; có Bồ tát được Phật đem đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng thế giới thanh tịnh, tự phát nguyện tu hành, như đức Phật Thế Tụ Tại Vương đem Tỳ kheo Pháp Tích đến mười phương chỉ có thế giới thanh tịnh; hoặc có Bồ tát tự ở nước mình, dùng thiên nhãn thấy thế giới thanh tịnh ở mười phương, lúc đầu thủ lấy tướng

tịnh, lúc sau được tâm không nhiễm trước, nên trở lại Bồ. Tự trang nghiêm nước mình như nước Phật đã được trông thấy như trước đã nói.

Địa thứ tám này gọi là Chuyển luân địa, giống như Chuyển luân thánh vương cưỡi xe báu đi đến đâu cũng bị chướng ngại, không có oán địch, Bồ tát ở trong địa

này, hay mưa pháp bảo làm mãn nguyện chúng sinh, không có chướng ngại, cũng hay thủ lấy tướng nước Phật mà tự trang nghiêm nước mình.

Như thật quán thân Phật là quán thân chư Phật như huyễn như hóa, chẳng nhiếp thuộc năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc ngàn ấy sắc theo chỗ thấy của chúng sinh bởi nghiệp nhân duyên đời trước. Trong đây Phật tự nói, thấy Pháp thân ấy là thấy Phật. Pháp thân là pháp bất khả đắc không; pháp bất khả đắc không là các pháp sinh ra theo bên nhân duyên, không có tự tánh.

Biết các căn cao thấp là như đã nói trong đoạn mười lăm. Bồ tát trước biết tâm sở hành của hết thầy chúng sinh, ai thuần thực, ai lanh lợi, ai bố thí nhiều, ai trí tuệ nhiều, nhân người có nhiều mà độ thoát.

Tịnh thế giới Phật là, có hai thứ tịnh: Một là Bồ tát tự tịnh thân mình, hai là tịnh tâm chúng sinh, khiến tu đạo thanh tịnh. Do nhân duyên kia với ta thanh tịnh nên theo sở nguyện mà được thế giới thanh tịnh.

Vào Tam muội như huyễn là như người huyễn thuật ở một chỗ mà làm, các việc huyễn đầy khắp thế giới, nào bốn thứ binh chủng, cung điện thành quách, uống ăn ca múa giết chết, sống, ưu, khổ v.v... Bồ tát cũng như vậy, ở trong Tam muội này có thể biến hóa ở mười phương thế giới; đầy khắp trong đó, trước làm bố thí no đủ cho chúng sinh, sau thuyết pháp giáo hóa; phá hoại ba đường ác, sau mới an lập chúng sinh nơi ba thừa, tất cả việc có thể lợi ích không việc gì không thành tựu. Tâm Bồ tát ấy không động, cũng không thủ lấy tướng của tâm.

Thường vào Tam muội là Bồ tát được Tam muội như huyễn v.v... Tâm làm lung tạo tác nên nay chuyển thân được Báo sinh Tam muội (*Tam muội phát sinh theo quả báo chứ không phải theo sự tu tập hiện tại – ND*); như người thấy sắc, không dùng tâm lực. Ở trong Tam muội này, độ chúng sinh an ổn, hơn Tam muội như huyễn, tự nhiên thành việc, không cần làm

lụng, như người cầu tài có khi do sức làmụng mà được, có khi tự nhiên được.

Tùy theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân là Bồ tát được hai thứ Tam muội, hai thứ thần thông, do tu hành được và do quả báo được, biết dùng thân gì, ngôn ngữ gì, nhân duyên gì, việc gì, đạo gì, phương tiện gì, để mà thọ thân, cho đến thọ thân súc sinh để mà hoá độ (xong Địa thứ tám).

Thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới là sáu nẻo chúng sinh trong vô lượng vô số mười phương thế giới, là phần đáng độ mà Bồ tát giáo hóa để độ. Thế giới có ba loại là tịnh, bất tịnh, lẫn lộn. Chúng sinh trong ba loại thế giới ấy, hạng đáng được độ có lợi ích, thời đều thu nhiếp hết. Ví như đốt đèn là vì người có mắt, chứ không vì người mù. Bồ tát cũng như vậy, hoặc người trước đã có nhân duyên, hoặc người mới làm nhân duyên.

Lại nữa, ba ngàn đại thiên thế giới, gọi là một thế giới, một thời sinh khởi, một thời hoại diệt. Mười phương thế giới như hằng hà sa như vậy là một Phật thế giới. Phật thế giới như vậy, số như hằng hà sa thế giới, là một biển thế giới Phật. Biển thế giới Phật như vậy, số như hằng hà sa thế giới mười phương là một Phật thế giới chung. Thế giới chung như vậy, mười phương vô lượng, ấy gọi là một thế giới Phật. Đối với hết thảy thế giới thu lấy phần như vậy, ấy gọi là phần chúng sinh được độ của một đức Phật.

Được như sở nguyện là Bồ tát phước đức trí tuệ đầy đủ, nên không ước nguyện gì không được. Người nghe nói phần chúng sinh được độ trong vô lượng vô biên thế giới nghi không thể làm được, thế nên tiếp nói sở nguyện được như ý. Trong đây Phật tự nói sáu Ba la mật đầy đủ, năm độ thời phước đức đầy đủ, Bát nhã thời trí tuệ đầy đủ.

Biết ngôn ngữ các trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà là như tôi ở trên kia nói, phước đức trí tuệ đầy đủ, sở nguyện được như ý. Biết ngôn ngữ của kẻ khác tức là việc ước nguyện.

Lại nữa, Bồ tát được trí túc mạng thanh tịnh nên biết được hết thảy ngôn ngữ ở những nơi sinh ra.

Lại nữa, được nguyện trí nên biết tâm của người lập danh, cưỡng lập danh tự ngữ ngôn.

Lại nữa, Bồ tát được Tam muội biết ngôn ngữ chúng sinh nên thông suốt hết thấy ngôn ngữ không trở ngại.

Lại nữa, tự được bốn trí vô ngại, còn học bốn trí vô ngại của Phật, vì vậy nên biết ngôn ngữ âm thanh của chúng sinh.

Ở thai thành tựu là có người nói Bồ tát cưỡi voi trắng, có vô lượng chư thiên Đâu suất vây quanh cung kính cúng dường, hầu hạ vào thai mẹ; có người nói mẹ Bồ tát được lực Tam muội như huyền nên làm cho bụng lớn rộng vô lượng, hết thấy ba ngàn đại thiên thế giới Bồ tát, trời, rồng, quỷ, thần đều được vào trong thai. Do nhân duyên nghiệp phước đức của Bồ tát chiêu cảm nên đã sẵn có cung điện đài quán, giường tọa trang nghiêm, treo màn rủ phan, rải hoa đốt hương, vậy sau Bồ tát hạ đến ở đó. Cũng do lực Tam muội nên xuống vào thai mẹ mà ở trên trời Đâu suất vẫn như cũ.

Sinh thành tựu là Bồ tát khi sắp sinh, chư thiên, rồng, quỷ, thần, trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, lúc ấy có tòa hoa sen bảy báu, tự nhiên hiện ra. Từ trong thai mẹ có vô lượng Bồ tát ra trước, ngồi trên hoa sen chấp tay tán thán, chờ đợi Bồ tát và các trời, rồng, quỷ, thần, thánh, ngọc nữ v.v... đều chấp tay một lòng mong thấy Bồ tát sinh, vậy sau Bồ tát mới từ hông bên phải của mẹ sinh ra, như trăng tròn từ trong mây xuất hiện, phóng hào quang lớn chiếu vô lượng thế giới. Lúc ấy có tiếng lớn, vang khắp mười phương thế giới, xưng rằng: Vị Bồ tát ở nước ấy sinh thân cuối cùng. Hoặc có Bồ tát hóa sinh trong hoa sen. Trong bốn cách sinh, Bồ tát hoặc thai sinh hoặc hóa sinh; trong bốn chủng người, Bồ tát sinh vào hai chủng tánh Sát lợi hoặc Bà la môn, vì sinh vào hai chủng tánh này thì được mọi người yêu quý.

Nhà thành tựu là nhà Bà la môn có trí tuệ, nhà Sát lợi có thể lực. Bà la môn lợi ích đời sau, Sát lợi lợi ích đời này. Hai chủng tánh có ích ở đời nên Bồ tát sinh ở trong đó.

Lại nữa, nhà có các pháp công đức, nghĩa là không thói chuyển, sinh, ấy gọi là gia sinh thành tựu.

Dòng họ thành tựu là Bồ tát ở trên trời Đâu suất xem thế gian dòng họ nào quý, có thể thu nhiếp chúng sinh, tức sinh vào nơi dòng họ đó. Như trong bảy đức Phật, ba đức Phật đầu Tỳ bà thi, Thi khí, Tỳ xá phù sinh trong dòng họ Kiều trần như; ba đức Phật kế tiếp Câu lưu tôn, Câu na hàm Mâu

ni, Ca diếp sinh trong dòng họ Ca diếp. Còn đức Phật Thích ca Mâu ni sinh trong dòng họ Kiều đàm.

Lại nữa, Bồ tát ban đầu tâm sâu xa bền chắc, ấy gọi là dòng họ của chư Phật. Có người nói: Được vô sinh pháp nhẫn, ấy là dòng họ của chư Phật; lúc ấy được khí phần Trí nhất thiết chủng của Phật, như hạng người tánh địa trong pháp Thanh văn.

Quyển thuộc thành tựu là đều thuận người trí, người lành, đời đời nhóm công đức. Trong đây Phật tự nói thuận lấy Bồ tát làm quyển thuộc, như trong Kinh Bất khả tư nghĩ nói Cù tỳ gia là đại Bồ tát. Tất cả quyển thuộc đều là Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển. Dùng lực Tam muội phương tiện biến hóa làm nam làm nữ, chung làm quyển thuộc. Như Cư sĩ bảo của Chuyển luân Thánh vương, là những Dạ xoa, quỷ thần hiện làm thân người, cộng sự với người.

Xuất gia thành tựu là như Bồ tát Thích ca Văn đang đêm ở cung điện thấy các thể nữ, đều giống như chết; chư thiên quỷ thần mười phương, cầm đồ phan hoa cúng dường, phụng rước Bồ tát đi ra. Lúc ấy, tuy Xa nặc trước lãnh sắc lệnh vua Tịnh phạn, nhưng lại theo ý Bồ tát, tự dắt ngựa đến, sứ giả bốn thiên vương tiếp đỡ chân ngựa, vượt thành đi ra, vì để phá các phiền não, ma nhân nên chỉ cho mọi người thấy sự ướm tạt tại gia rằng: Hạng người đại công đức quý trọng như thế mà còn xuất gia, huống gì hạng người phạm tiểu. Có các nhân duyên như vậy gọi là xuất gia thành tựu.

Trang nghiêm cây Phật thành tựu là trang nghiêm cây Bồ đề như trước nói. Trong đây Phật tự nói, cây Bồ đề ấy lấy huỳnh kim làm gốc, bảy báu làm thân, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô lượng vô số thế giới Phật. Hoặc có đức Phật, lấy bảy báu của Bồ tát trang nghiêm cây Phật, hoặc còn vị không như vậy, vì có sao? Vì thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn; vì chúng sinh nên hiện các thứ trang nghiêm.

Hết thấy các thiện căn công đức đầy đủ là Bồ tát ở trong địa thứ bảy phá các phiền não, lợi mình đầy đủ, vào ở địa thứ tám, địa thứ chín, lợi ích người khác, nghĩa là giáo hóa chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Lợi mình lợi người sâu xa rộng lớn, nên hết thấy công đức đầy đủ; như A la hán, Bích chi Phật nặng về tự lợi, nhẹ về lợi tha nên không gọi là đầy đủ. Chư thiên

và tiểu Bồ tát tuy có thể làm lợi ích mà tự mình chưa trừ hết phiền não, nên cũng không đầy đủ. Ấy gọi là công đức đầy đủ (xong Địa thứ chín).

Nên biết Bồ tát ấy như Phật là Bồ tát ngồi dưới cội cây như vậy, là vào địa thứ mười, gọi là Pháp vân địa. Ví như đám mây lớn trút mưa liên tục không nghỉ, tâm tự nhiên sinh vô lượng vô biên các Phật pháp thanh tịnh, niệm niệm vô lượng. Bấy giờ Bồ tát nghĩ rằng: Tâm bọn Ma vương cõi Dục chưa hàng phục, nên phóng hào quang giữa hai chân mày, khiến trăm ức cung điện ma tối tăm không hiện, ma liền sân não, tập hợp binh chủng của nó đi đến bức não Bồ tát. Bồ tát hàng phục ma xong, mười phương chư Phật mừng công huân ấy, đều phóng hào quang giữa hai chân mày, chiếu vào đỉnh Bồ tát. Lúc ấy, công đức của địa thứ mười có được, biến làm Phật pháp, dứt hết thảy tập khí phiền não, được giải thoát vô ngại, đủ mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi v.v... vô lượng vô biên Phật pháp.

Lúc ấy đất chấn động sáu cách, trời mưa hoa hương, các Bồ tát trời, người đều chấp tay tán thán.

Lúc ấy Phật phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, mười phương chư Phật, các Bồ tát, trời, người lớn tiếng xưng rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ tát ấy, ngồi ở đạo tràng thành tựu Phật sự, là hào quang ấy. Ấy gọi là Bồ tát ở địa thứ mười như Phật.

Lại nữa, trong đây Phật còn nói tướng trạng địa thứ mười, là Bồ tát hành sáu Ba la mật do lực phương tiện nên trải qua Càn tuệ địa cho đến Bồ tát địa, trú ở Phật địa. Phật địa tức là địa thứ mười.

Bồ tát tu mười địa như vậy, gọi là Phát thú Đại thừa.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ 21

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần hai, Phẩm Xuất Trú thứ 19)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Ông hỏi Đại thừa như vậy từ chỗ nào xuất sinh và đến trú chỗ nào? Phật dạy: Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh đi đến trú trong Trí nhất thiết chủng, vì không hai pháp vậy, vì có sao? Vì Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp cùng chung, chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối đãi, chỉ nhất tướng gọi là vô tướng. Nếu người muốn khiến thật tế xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến như như, pháp tánh, bất khả tư nghì tánh xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, nếu người muốn khiến “sắc không” xuất sinh là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến “thọ, tưởng, hành, thức không” xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Vì tướng “sắc không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; “thọ, tưởng, hành, thức không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì sắc, sắc tướng không; thọ, tưởng, hành, thức không.

Nếu người muốn khiến “nhãn không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn “nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không” xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến cho đến “thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Vì “nhãn không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, cho đến “thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không” xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tướng “nhãn không” cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh tướng không.

Nếu người muốn khiến mộng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Vì tướng mộng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng huyễn, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa cũng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng.

Tu bồ đề! Nếu người muốn khiến Thí ba la mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tướng Thí ba la mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không.

Nếu người muốn khiến “nội không” xuất sinh; cho đến “vô pháp hữu pháp không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không, không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì “nội không”, nội không tánh không cho đến vô pháp hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không tánh không.

Nếu người muốn khiến bốn niệm xứ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tánh bốn niệm xứ không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh bốn niệm xứ, tánh bốn niệm xứ không.

Nếu có người muốn khiến bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực bảy giác phần, tám Thánh đạo phần xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Vì tánh tám Thánh đạo phần không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh tám Thánh đạo phần, tánh tám Thánh đạo phần không; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu bồ đề! Nếu người muốn khiến A la hán có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Bích chi Phật có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Tánh A la hán, tánh Bích chi Phật, tánh Phật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh A la hán, tánh A la hán không; tánh bích chi Phật, tánh Bích chi Phật không, tánh Phật, tánh Phật không.

Nếu người muốn khiến quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh nói như trên (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Những người muốn khiến pháp vô tướng có sinh có trụ, thời là muốn khiến các bậc Dự lưu có sinh vào đường ác, các bậc Nhất lai có sinh lại nhiều lần, các bậc Bất hoàn có sinh lại cõi Dục, các bậc đại Bồ tát có sinh tâm tự lợi, các bậc A la hán, Độc giác, Như Lai có sinh lại đời sau. Nhưng không có việc ấy, vì sao? Vì các bậc Dự lưu v.v... sinh vào đường ác là không thể có được – ND*).

Nếu người muốn khiến danh tự là tướng giả danh bày đặt, chỉ có ngôn ngữ xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì danh tự không, không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tướng danh tự, tướng danh tự không, cho đến bày đặt cũng như vậy.

Nếu người muốn khiến pháp bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, vô tác xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tánh pháp bất sinh cho đến vô tác không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh bất sinh cho đến vô tác, tánh vô tác không.

Tu bồ đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa từ trong ba cõi xuất sinh, trú không lay động trong Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. Hỏi: Phật đã biết điều Tu bồ đề hỏi, sao nay còn nêu trở lại mà đáp?

Đáp: Đại Bát nhã ba la mật có mười vạn bài kệ, ba trăm hai mươi vạn lời, cùng bốn bộ A hàm v.v... chẳng phải trong một lần ngồi mà nói hết. Lại điều Tu bồ đề hỏi trên kia, đã đáp hai việc, vì qua ngày khác nên nêu câu hỏi thứ ba mà đáp.

Lại nữa, có người nói trong pháp Thanh văn không có việc không thể nghĩ bàn, chẳng được trong một ngày một lần ngồi nói hết. Phật giải thoát vô ngại, Bồ tát cũng có Tam muội không thể nghĩ bàn, có thể làm cho thời gian nhiều thành thời gian ít, thời gian ít thành thời gian nhiều, cũng có thể lấy sắc lớn làm sắc nhỏ, sắc nhỏ làm sắc lớn. Lại như trong 60 tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa, có người cho đó là từ sáng đến bữa ăn.

Hỏi: Sắc hữu hình có thể thấy, thời gian vô hình chỉ có tên, làm sao lấy gần làm xa, lấy xa làm gần được?

Đáp: Vì vậy nên nói lực thần thông không thể nghĩ bàn, như người trong mộng, mộng thấy mọi việc, tự cho là thức tỉnh thấy; trong mộng lại mộng, triển chuyển như vậy, vẫn là một đêm. Vì vậy nên nêu trở lại câu hỏi mà **đáp:** Đại thừa ấy xuất sinh từ chỗ nào, chỗ nào đến trú? **Phật** **đáp:** Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Đại thừa ấy là Phật pháp hay Bồ tát pháp? Nếu là Phật pháp có sao từ ba cõi xuất sinh; nếu Bồ tát pháp có sao trú trong Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Đại thừa ấy là Bồ tát pháp, cho đến Kim cang Tam muội các công đức thanh tịnh thời biến làm Phật pháp. Đại thừa ấy có sức lớn, có khả năng đi đến Phật, không còn chỗ hơn để đi đến nữa, nên nói là trú. Thí như lúc kiếp tận lửa đốt ba ngàn thế giới, thế lực lớn, không còn gì để đốt, nên liền tự tắt. Đại thừa cũng như vậy, dứt hết thầy phiền não, chứa nhóm các công đức, cùng tận ngàn mé, không còn gì để đoạn, không còn gì để biết, không còn gì để chứa nhóm, liền tự quy về tịch diệt.

Pháp không hai là vì để dứt chấp trước của các Bồ tát nên nói. trong đây Phật tự nói Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp, vì chẳng một nên không hợp, vì chẳng khác nên không tán, chỗ sáu thức biết điều hư vọng nên không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng.

Hỏi: Trước nói chẳng một nên không hợp, nay có sao nói một tướng?

Đáp: Trong đây nói một tướng đó tức là vô tướng. Không có tướng thời không có từ phát xuất, đi đến Phật đạo, mà vì dẫn dắt hàng phàm phu nên nói một tướng.

Thật tế là thật tướng sau cùng của các pháp, không ra không vào. Nếu có người cuồng muốn khiến thật tế có sinh ra và đi đến Phật đạo, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng sinh ra. Như như, pháp tánh, pháp tướng, nói như trước.

Tánh không thể nghĩ bàn là, có người nói tức là như như, pháp tánh, thật tế, vô lượng vô biên. Tâm tâm số pháp diệt nên nói là không thể nghĩ bàn. Lại có người nói: Quá thật tế, Niết bàn, lại còn cầu tìm các pháp thật, hoặc có hoặc không, ấy gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, hết thấy các Phật pháp không thể suy nghĩ trừ lượng, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại có người nói: Hết thấy các pháp phân biệt suy nghĩ đều đồng tướng Niết bàn, ấy là không thể nghĩ bàn. Nếu người muốn khiến từ trong không xuất sinh, là người ấy muốn khiến trong pháp vô tướng xuất sinh. Trong đây Phật tự nói, tướng năm uẩn không, không thể xuất sinh từ ba cõi, không thể đi đến Trí nhất thiết chủng. Vì trong năm uẩn, tướng năm uẩn không. Mười hai nhập cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ không cũng như vậy. Các thí dụ mộng không v.v... cũng như vậy, vì tự tướng không có nên không xuất sinh, không có đi đến.

Nếu người muốn khiến sáu Ba la mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì cớ sao? Vì sáu Ba la mật do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh. Tự tánh không có nên không. Vì hàng Bồ tát chấp trước sáu Ba la mật bị đọa vào tà kiến, nên vì họ mà nói không, mười tám không cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Ba la mật có đạo, có tục, có thể chấp trước nên có thể nói không, còn sáu Ba la mật xuất thế gian, ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp không chung, không chấp trước cớ sao nói không?

Đáp: Các Bồ tát chưa dứt hết lậu hoặc, do lực phước đức và trí tuệ nên thực hành pháp ấy, hoặc còn thủ tướng mà ái trước, còn pháp phạm phu hư vọng điên đảo, pháp ấy từ pháp phạm phu sinh, làm sao vậy? Vì vậy nên Phật nói pháp ấy cũng không, để ví dụ pháp vô tướng. Đại thừa đây tức là vô tướng, vô tướng làm sao có ra có đến.

Các pháp đều không, chỉ có tướng nên gọi, giả danh ngũ ngôn, nay tên gọi cũng không, để ví dụ trong vô tướng đệ nhất nghĩa không, không thể có được, còn trong pháp thế tục thì có tướng. Tướng và nghĩa của tên gọi v.v... giả danh như trước nói. Dùng pháp như vậy, từ ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng, chẳng phải là thật pháp, cũng không lay động.

KINH: Tu bồ đề! Ông vừa hỏi Đại thừa ấy trú chỗ nào? Tu bồ đề! Đại thừa ấy không chỗ trú, vì sao? Vì hết thấy pháp không có tướng trú. Đại thừa nếu trú, không trú pháp trú. Tu bồ đề! Thí như pháp tánh chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, không khởi không làm, chẳng phải trú chẳng phải không trú. Tu bồ đề! Đại thừa ấy cũng như vậy, chẳng phải trú chẳng

phải chẳng trú, vì có sao? Vì tướng pháp tánh chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú, vì có sao? Vì tướng pháp tánh, tánh không, cho đến tánh vô tác, tánh vô tác tánh không. Các pháp khác cũng như vậy.

Tu bồ đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa không có chỗ trú, vì pháp chẳng trú, pháp chẳng động vậy.

LUẬN. Hỏi: Trước nói Đại thừa ấy đến trú Trí nhất thiết chủng, không còn pháp hơn có thể đi đến, sao nay lại nói Đại thừa ấy không có chỗ trú?

Đáp: Trước nói là do pháp Không bất nhị nên nói trú, như huyễn, như mộng, tuy có ngồi nằm đi ở, mà chẳng phải thật là ở. Bồ tát cũng như vậy, tuy nói đến trú trong Trí nhất thiết chủng cũng không có trú nhất định. Trong đây Phật tự nói hết thấy pháp từ xưa nay không có tướng trú, làm sao riêng Đại thừa có trú. Nếu có trú là trú ở pháp rất ráo không. Thí dụ: như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế, chẳng phải trú, chẳng phải chẳng trú, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng khởi chẳng làm.

Chẳng trú là chẳng trú nơi tự tướng; chẳng phải chẳng trú là chẳng trú nơi dị tướng. Chẳng trú là nói không để phá có; chẳng phải chẳng trú là nói theo lẽ thế tục phương tiện có trú. Chẳng trú là nói vô thường để phá tướng thường; chẳng phải chẳng trú là phá tướng đoạn diệt.

Trong đây Phật tự nói pháp tánh, pháp tánh tướng không, vì sao? Vì tự tướng không cho đến không khởi không làm các pháp khác cũng như vậy.

KINH: Tu bồ đề! Ông hỏi ai sẽ cưới Đại thừa ấy ra đi? Không có người cưới Đại thừa ấy ra đi, vì sao? Vì Đại thừa và người đi ra, pháp sở dụng và lúc đi ra, hết thấy pháp ấy đều không có. Nếu hết thấy pháp không có thời dùng pháp gì đi ra, vì sao? Vì ta không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh. Tánh không thể nghĩ bàn không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh. Thí Ba la mật không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh, cho đến Bát nhã ba la mật không thể có được vì rất ráo thanh tịnh.

Nội không không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Bốn niệm xứ không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Tu đà hoàn không thể có được, cho đến A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Tu đà hoàn quả cho đến A la hán quả, Bích chi Phật đạo, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, không khởi không tác không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, sinh, trụ, diệt không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Tăng giảm không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Pháp gì không thể có được nên không thể có được? Pháp tánh không thể có được, nên không thể có được; như như, thật tế, vì tánh không thể nghĩ bàn; pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, Thí Ba la mật không thể có được nên không thể có được; cho đến Bát nhã ba la mật không thể có được nên không thể có được.

Nội không không thể có được nên không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, nên không thể có được.

Bốn niệm xứ không thể có được, nên không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không thể có được nên không thể có được.

Tu đà hoàn không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật không thể có được nên không thể có được.

Tu đà hoàn quả không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật đạo không thể có được nên không thể có được.

Chẳng sinh chẳng diệt, cho đến chẳng khởi chẳng làm không thể có được nên không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Sơ địa không thể có được, nên không thể có được, cho đến địa thứ mười không thể có được, nên không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh. Thế nào là Sơ địa cho đến địa thứ mười? Đó là Càn tuệ địa,

Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ tát địa, Phật địa.

Trong nội không, Sơ địa không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không, Sơ địa không thể có được.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, địa thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười không thể có được, vì sao? Tu bồ đề! Sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, cho đến địa thứ mười chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sinh không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, tịnh Phật độ không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, năm mắt không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát do hết thấy các pháp không thể có được nên cưỡi Đại thừa đi ra đến trú Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Luận giả nói: Thực hành Đại thừa ấy đến bên Phật đạo xuất sinh. Lại do thành tựu nên gọi là xuất sinh. Lấy Đại thừa ấy thành tựu Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là xuất sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của Không.

Thừa là sở dụng của sáu Ba la mật.

Pháp là các pháp từ bi phương tiện v.v... không nhiếp vào sáu Ba la mật.

Người xuất là Bồ tát. Ba pháp ấy đều không.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Ngã không thể có được cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được, vì rất ráo không.

Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, Thí ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch cho đến ba đời, ba tướng, tăng giảm v.v... ấy gọi là pháp không.

Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; Tu đà hoàn cho đến Phật ấy gọi là chúng sinh không.

Hỏi: Có hai thứ không thể có được: Một là có pháp, và trí tuệ ít nên không thể có được. Hai là có trí tuệ lớn suy tìm không thể có được, đây chỉ thứ không thể có được nào?

Đáp: Vì pháp không có nên không thể có được (tức thì không có được thứ hai – ND).

Hỏi: Hết thấy pháp gốc ngọn không thể có được, thì có lợi ích gì với người?

Đáp: Trong đây Phật tự nói rất ráo thanh tịnh. Rất ráo là nếu hành giả nương không mà phá có, đối với có được thanh tịnh, đối với không chưa thanh tịnh, vì có nương dựa. Trong đây Phật tự nói: Nhân duyên không thể có được, chúng sinh không thể có được, hết thấy pháp không thể có được, thí như: như như, pháp tánh, thật tế v.v...cho đến chẳng khởi, chẳng làm không thể có được.

Lại nữa, vì mười tám không nên pháp tánh không thể có được, cho đến chẳng khởi chẳng làm. Trong mười tám không, không có Sơ địa cho đến địa thứ mười, không có thành tựu chúng sinh, không có tịnh Phật quốc độ, không có năm mắt, vì mười tám không nên không, vì rất ráo thanh tịnh nên không thể có được. Bồ tát dùng pháp không thể có được làm phương tiện mà cưỡi Đại thừa đi ra đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

(Hết cuốn 50 theo bản Hán)

--o0o--